

BÁCH KHOA

14

I THÁNG TÁM 1957

Trong số này :

HUỲNH-VĂN-LANG *Khủng-hoảng tiền-lệ ?*

PHẠM-NGỌC-THẢO *Quân-đội và nhân-dân.*

NGUYỄN-VĂN-MÀU *Quyền biện-luận trước Tòa-Án.*

VÕ-PHIẾN *Nghĩ về hai thề thơ Việt-Nam.*

^{Từ-Quyên}
ĐẶNG-VĂN-NHÂM *Tìm-hiểu Kim-tự-tháp.*

Cô THOẠI-NGUYỄN *15 bà mẹ kể lại cho các bạn họ
đã « Đẻ Không Đau » như thế nào.*

ĐÔNG-XUYÊN *Gánh nước đêm (Thơ)*

LÊ-VĂN *Nồi chè đen và con chó đốm.*

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN dịch *Đứa nhỏ oốt cuộc đời.*

TỪ-VU
(bản dịch của Vi-Huyền-Đắc) *Nhất gia (truyện dài)*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

- HUỲNH-VĂN-LANG : *Một ít nhận-xét về vấn-đề bảo-hiểm.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế-độ dân-chủ cổ-điển : nước Anh.*
- PHẠM-NGỌC-THẢO : *Vấn-đề dự-trữ trong quân-sự.*
- VŨ-KỶ : *Giữ vững chính-nghĩa.*
- NGUYỄN-HUY-BẢO : *Trở lại kế-hoạch ngũ-niên*
- Cố THOẠI-NGUYỄN : *Nhà tân . giáo-dục chủ-trương « học-đường tự-trị » : John Dewey*
- YÃ-HẠC và
TRINH-NGUYÊN : *Một đêm*
- NGUYỄN-PHÚC : *Hai lần đi.*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Giá tiền trên đã tính cả cước-phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ «**SUPER G**»

SAIGON - PARIS

(chuyến bay «**THANH-LONG**»)

cát cánh 20g20 mỗi thứ tư



SAIGON - HONGKONG

(chung với **AIR FRANCE**)

*cát cánh 9g30 mỗi thứ ba
thứ năm
thứ sáu*



Xin hỏi: **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26

KHỦNG - HOẢNG

TIỀN - TỆ ?

HUỖNH-VĂN-LANG

TRONG một kinh-tế nhứt-định, phải có một khối-lượng tiền-tệ nhứt định để làm phương-tiện đổi chác hàng-hóa, dịch-vụ. Khối lượng tiền-tệ và khối-lượng hàng-hóa dịch-vụ có tương-xứng thì thị-trường giá cả mới quân-bình. Nhưng xét về mặt khối-lượng không chưa đủ, cần phải xét cả mặt lưu-thông nữa, mới hiểu được hiện-tượng kinh-tế, mỗi khi có cái gì bất thường liên-quan đến tiền-tệ, giá cả. Tiền-tệ lưu - thông không phải để lưu-thông suông, vì chính sự lưu-thông của nó chỉ có nghĩa là để làm phương-tiện cho sự lưu-thông hàng-hóa ⁽¹⁾. Hay nói một cách khác, chính sự lưu-thông hàng-hóa là yếu-tố căn-bản định-đoạt lấy tốc-lực lưu-thông tiền-tệ.



Thử dùng ít giả-thuyết để hiểu liên-lạc giữa sự lưu-thông tiền-tệ và sự lưu-thông hàng-hóa dịch-vụ. Giả-thuyết (1) là tình-hình kinh-tế quân-bình, giá cả thị-trường đều-hoà không có gì bất thường, là lúc khối-lượng tiền-tệ và khối-lượng hàng-hóa dịch-vụ tương-xứng cùng sự lưu-thông được đều-hoà. Giả-thuyết (2): nếu khối-lượng tiền-tệ không thay đổi mà khối lượng hàng-hóa dịch-vụ giảm đi và sự lưu-thông không gì trở ngại, thì giá cả sẽ lên cao, cũng gọi được là lạm-phát. Giả-thuyết (3), trái lại, nếu khối-lượng tiền-tệ giảm đi mà khối-lượng hàng-hóa dịch-vụ không thay đổi và sự lưu-thông bị trở ngại, thì chắc-chắn giá cả sẽ xuống, cũng gọi được là giảm-phát. Giả-thuyết

(1) Và dịch-vụ

(4) : nếu khối-lượng tiền-tệ và khối-lượng hàng-hóa dịch-vụ tương xứng mà sự lưu-thông tiền-tệ bị trở ngại đang khi sự lưu-thông hàng hóa dịch-vụ vẫn đều hòa, thì chắc chắn là giá cả sẽ xuống, cũng gọi là giảm-phát và chảy kịp sự lưu-thông hàng-hóa dịch-vụ cũng bị trở ngại nổi vì thiếu phương-liện tương-xứng. Giả thuyết (5) : khối-lượng tiền-tệ và khối-lượng hàng-hóa dịch-vụ tương-xứng, nhưng sự lưu-thông hàng-hóa dịch-vụ bị trở ngại thì sự lưu-thông tiền-tệ sẽ bị ngưng-trệ, cũng gọi được là giảm-phát. Theo giả-thuyết thứ (3), thứ (4) thì cho được sửa chữa tình hình, chỉ áp-dụng biện-pháp tiền-tệ là sửa chữa được ngay, hoặc gia-tăng khối-lượng tiền-tệ hoặc phá đi những trở ngại có tánh-cách tiền-tệ làm ngăn trở sự lưu-thông tiền-tệ. Nhưng theo hai giả-thuyết thứ (2) và thứ (5) thì biện-pháp tiền-tệ không làm gì được, vì chính nguyên-do sự giảm-phát trong hai giả-thuyết đó là không có tính-cách tiền-tệ, song hoàn-toàn kinh-tế, liên-quan đến sản-xuất, thương-mại hay phân-phối hàng-hóa.

Dựa trên những giả-thuyết nói trên, ta thử nhận xét cuộc khủng hoảng tiền-tệ hiện giờ. Hiện giờ tình-trạng giảm-phát, nghĩa là thiếu tiền, ai ai cũng công nhận như thế, không cần chứng-minh nữa. Nhưng về tính-chất và nguyên-do của sự khủng-hoảng tiền-tệ hiện giờ, có nhiều nhận xét khác nhau và có khi ngược nhau là khác. Có người đổ lỗi tại những biện-pháp tiền-tệ, có người cho tại các biện-pháp chính-trị, có người cho tại các biện-pháp tài-chánh, có kẻ cho tại các biện-pháp kinh-tế. Phần đông đều công nhận tại tất cả các biện-pháp ấy cả, nhưng lại cho tại các biện-pháp này hơn các biện-pháp kia. Tác-giả bài này cũng đồng-ý rằng tất cả các biện-pháp, chính-trị, kinh-tế, tài-chánh, tiền-tệ hết, không trừ cái nào, nhưng phải tìm cho ra tại cái nào hơn, cái nào chánh, cái nào phụ. Đó là mục-đích của bài này.



PHẦN THỨ NHẤT

Quá-trình tiền-tệ

Cho được biết nguyên do cuộc khủng-hoảng tiền-tệ hiện giờ thì cần phải tìm-hiểu tính-chất của sự giảm-phát. Giảm-phát vì nguyên-do tiền-tệ, là khi với một khối-lượng và lưu-thông hàng-hóa dịch-vụ nhất-dịnh, khối-lượng hoặc sự lưu-thông tiền-tệ bị giảm bớt đi. Giảm-phát vì nguyên-do kinh-tế là khi với khối-lượng và lưu-thông hàng-

hóa dịch-vụ gia-lãng, đang khi khối-lượng và lưu-thông tiền-tệ không thay đổi. Các nguyên-do chính-trị hay tài-chánh nếu có giảm-phát thì chỉ gây giảm-phát một cách gián-tiếp, nghĩa là gián-tiếp ảnh - hưởng qua khối-lượng và sự lưu-thông tiền-tệ hoặc hàng-hóa dịch-vụ, chứ không trực-tiếp ảnh-hưởng như các yếu-tố tiền-tệ và kinh-tế.

Bài « Thử tìm một giải-pháp... » trong Bách-Khoa số 10, tác-giả có công-nhận rằng các biện-pháp kinh-tế, tài-chánh, tiền-tệ, và chánh-trị đều có trách-nhiệm trong cuộc khủng-hoảng hiện tại. Nhưng không phải biện-pháp nào cũng có trách-nhiệm như nhau được. Nếu ta phân tách tính-chất sự giảm-phát hiện giờ thì thấy sự giảm-phát hiện giờ không phải ở tại sự giảm bớt chính khối-lượng tiền-tệ lưu-hành như một hai bài báo ở đây đã ngộ-nhận, mà một hai chánh-khách khai-thác bầy bọ, và một số thương-gia quả-quyết sai-lạc. Thực ra, nếu ta xem những con số ở Ngân-Hàng Quốc-Gia thì thấy khối-lượng tiền-tệ hiện có giảm bớt, nhưng sự giảm - bớt ấy không đến nỗi. Cho nên nếu khối-lượng chỉ giảm-bớt không bao nhiêu mà tiền-tệ tin-dụng bị thâu hẹp cả năm, bảy tỷ bạc thì phải tìm coi yếu-tố gì bị ảnh-hưởng. Nếu khối-lượng tiền-tệ không bị ảnh-hưởng đến nỗi có khủng-hoảng tiền-tệ, thì phải tìm ở phương-diện tốc-lực của nó. Vì biết đâu tốc-lực lưu-thông còn quan-hệ gấp mấy lần khối-lượng tiền-tệ ! Trong tình-trạng hiện tại, theo thiển-kiến của tác-giả bài này, thì tuy khối-lượng tiền-tệ có giảm bớt, nhưng sự giảm bớt khối - lượng ấy không đến nỗi sanh ra khủng-hoảng tiền-tệ trầm-trọng như hiện giờ và chính-sự giảm bớt về tốc-lực lưu-thông mới là yếu-tố chánh trong sự giảm-phát này. Những nguyên-do làm giảm bớt tốc-lực lưu-thông tiền-tệ tức là những nguyên-do chánh trách-nhiệm trong cuộc khủng-hoảng vậy.

Sự lưu-thông tiền-tệ có bớt không ? Đó là một điều cần phải chứng-minh. Vì vấn-đề kỹ-thuật, ta không cần phải nêu những con số ở đây, nhưng ta có thể dùng một giản-đồ sau, để nhìn nhận sự giảm tốc-lực lưu-thông tiền-tệ.

Tình-trạng A.



Trình-trạng B.



(Diện-tích 3 ô B bằng diện-tích 5 ô A).

Theo giả-thuyết trên đây, thì nếu khối-lượng tiền-tệ không thay đổi mấy hay bằng nhau, mà sự phân-phối tiền-tệ khác nhau như trên giản-đồ, thì ta có thể kết-luận rằng ở tình-trạng A, tốc-lực lưu-thông tiền-tệ to hơn ở tình-trạng B. Hay nói cách khác, hiện giờ khối-lượng tiền-tệ không gia-giảm bao nhiêu, mà trái lại tiền-tệ bị ứ-đọng hai ba nơi nhiều quá, như ở Ngoại-Viện, Ngân-Khố, Ngân-Hàng Quốc-Gia... thì ta kết-luận mà không sợ lầm rằng : tốc-lực lưu-thông hiện giờ giảm bớt hơn trước kia nhiều.



Bài này không làm một việc vô - ích là tìm ra những nguyên-do chánh trách-nhiệm trong cuộc khủng-hoảng hiện giờ để chỉ-trích suông, để gây thêm sự hiểu lầm, song ý chính là trước tiên (1) tích-cực giúp ý-kiến vào việc đề-xương những biện-pháp thích-ứng để giải-quyết cuộc khủng-hoảng cho mau chóng, kế đến (2) là thanh - minh cho những biện-pháp không trách-nhiệm mà có người vì quyền-lợi hay vì tự-ái vẫn đổ lỗi cho, và hơn nữa (3) muốn lưu-ý những người trách-nhiệm về tham-ý của một số người vì tham-lợi mà nhận-xét sai hay đề-nghị lên chánh-quyền những biện-pháp nguy-hại cho toàn-thể kinh-tế nước nhà, những biện-pháp chỉ tổ làm cho «nước đục» càng thêm đục để «béo cò». (4) Sau hết muốn cho bạn đọc Bách - Khoa có một nhận-xét minh-bạch về tình-hình kinh-tế hiện tại để khỏi bị những người thừa «nước đục thả câu» ra mặt ta đây chánh-khách, đề-nghị những biện-pháp vong-bản, bất chấp đến quyền-lợi của dân-tộc.



Như trên đã nói, sự lưu-thông tiền-tệ là yếu-tố chánh (không phải là duy nhất) của cuộc khủng - hoảng tiền - tệ hiện giờ. Những nguyên-do chánh làm trở-ngại cho sự lưu-thông hàng-hóa dịch - vụ cũng là những nguyên-do chánh làm trở-ngại hay giảm-bớt tốc-lực lưu-thông tiền-tệ. Thực sự cái gì làm trở-ngại sự lưu-thông hàng-hóa ? Sự lưu-thông hàng-hóa bị ngưng-trệ hay trở-ngại thường do hai duyên-cớ : hoặc bên CUNG, hoặc bên CẦU, hay nói cách khác : hoặc ngăn trở bên người bán, hoặc ngăn trở bên người mua.

Bên người BÁN hay bên CUNG bị ngăn-trở vì :

- 1/ bị kiểm-soát giá cả,
- 2/ bị hạn-định mức lời,

3/ bị kiểm-soát phân-phối... Ba lý lẽ đó là ba căn-nguyên cổ-điển nhưng cũng là ba căn-nguyên chánh trực-tiếp làm trở-ngại sự lưu-thông hàng-hóa về phía người bán. Ta nên thêm vào đó cái lý lẽ trực-tiếp liên-quan đến sự phân-phối là vấn-đề Huê-kiều. Tất nhiên nếu không có vấn-đề Huê-kiều thêm vào thì 3 nguyên-do kiểm-soát trên bớt ảnh-hưởng ngay. Nhưng trái lại, nếu không có 3 nguyên-do trên thì vấn-đề Huê-kiều sẽ do luật «đào thải» tự nhiên giải-quyết dễ-dàng. Hay nói một cách khác, nếu không có 3 nguyên-do trên, thì người Việt sẽ thay thế Huê-kiều bằng lãnh-vực phân-phối rất dễ-dàng và mau lẹ. Người Việt buôn-bán khéo léo, đến cả việc đầu-cơ cũng không thua người Huê-kiều chút nào, chỉ với một điều-kiện là được tự-do làm tiền.

Xét về bên người MUA thì sự lưu-thông hàng-hóa cũng bị ngưng trệ vì nhiều lẽ mà nhất là vì lẽ thiếu lợi-tức, vì mãi-lực của người tiêu-thụ kém đi. Thật sự gần đây người tiêu-thụ thấy mãi-lực của họ giảm xuống, nhất là trong giới thương-mại và nông-nghiệp. Nhưng về phương-diện này nên để xét sau vì nó có tính-cách kinh-tế hơn là tiền-tệ và thuộc về cái quá-trình dài hạn. Cái quá-trình khủng-hoảng tiền-tệ thuần-tuý hiện giờ có tính-cách ngắn hạn hơn. Tuy nhiên cái quá-trình khủng-hoảng dài hạn (sẽ nói sau) có ảnh-hưởng không ít trên cái quá-trình tiền-tệ ngắn hạn bản ở đoạn này.

Tóm lại ta có thể nói 3 cái lý-do kiểm-soát nói trên liên-quan đến bên CUNG, có ảnh-hưởng quyết-định đến sự lưu-thông hàng-hóa là 3 yếu-tố chánh định-đoạt cái quá-trình khủng-hoảng ngắn hạn hiện giờ. Vấn-đề Huê-kiều và lợi-tức người mua là 2 yếu-tố, tuy phụ thêm, nhưng lại làm cho cuộc khủng-hoảng ra trầm-trọng.



Yếu-tố lưu-thông không phải là yếu-tố duy-nhất, vì yếu-tố khối-lượng tiền-tệ cũng cần phải lưu-ý ở đây. Dù ảnh-hưởng có giảm-bớt về khối-lượng tiền-tệ không nặng-nề bằng ảnh-hưởng do sự giảm-bớt về tốc-lực⁽²⁾ lưu-thông, điều này cần phải chứng-minh. Một tỷ-dụ có lẽ dễ hiểu hơn. Nếu : khối-lượng 10, tốc-lực lưu-thông 5, nghĩa là trong tình-trạng (A), $10 \times 5 = 50$ tiền-tệ. Trong tình-trạng (B), nếu khối-lượng còn 8 mà tốc-lực bớt còn 3 thì tiền-tệ chỉ còn $8 \times 3 = 24$. Tuy khối-lượng có bớt 2, cũng như tốc-lực bớt 2, nhưng cái -2 của tốc-lực có ảnh-hưởng gấp mấy lần cái -2 của khối-lượng. Tại sao ? Vì

(2) Bách-Khoa số 4, bài « Giá-trị đồng bạc » trang 6 có viết : Tốc-lực lưu-thông là mấy lần của một đơn-vị tiền-tệ tiêu ra trong một đơn-vị thời-gian.

nếu khối-lượng thay đổi còn 8, mà tốc-lực không thay đổi thì tiền-lệ còn $8 \times 5 = 40$; trái lại, nếu khối lượng không thay đổi mà tốc-lực còn có 3 thì tiền-lệ chỉ còn có $10 \times 3 = 30$.

$$A \quad 10 \times 5 = 50$$

$$B \quad 8 \times 3 = 24$$

$$1/ \quad 8 \times 5 = 40$$

$$2/ \quad 10 \times 3 = 30$$

$$40 > 30$$

✱

Nhưng những nguyên-do gì làm giảm bớt khối-lượng tiền-lệ. Trong bài « Thử tìm một giải-pháp... » trong Bách-Khoa số 10, đã có bàn đến, nhưng cũng nhắc lại ở đây. Trước hết là thị-trường tự-do. trong 12 tháng hoạt-động, thị-trường này đã thâu hút cả trên 2 tỷ-bạc. Thực ra thị-trường này có thâu-hút tiền-lệ, nhưng nó là một điều-kiện cần kíp để cho tiền-bạc lưu-thông. Nếu các xí-nghiệp tư-nhân không được chuyển tiền thì có lẽ họ chẳng những là không đầu-tư thêm mà còn có khi họ sẽ ngưng tiêu-pha, nghĩa là tiền-lệ lại bị ứ-đọng thêm.

Gần đây Ngân-Hàng Quốc-Gia đã áp-dụng hai biện-pháp cùng thâu khối thị-trường một số tiền-lệ cả đôi ba tỷ bạc là (1) sự đem phân-xuất lưu-trữ pháp-lý từ 10% đến 20% và (2) số tiền đối-chiếu viện-trợ Mỹ được thâu vào nhanh-chóng và kịp thời, không còn để cho các Ngân-Hàng tự thao-túng xư-dụng hằng năm, sáu tháng như trước được. Nhưng gần đây Ngân-Hàng Quốc-Gia đã cho tái-chiết-khấu, bớt phân-xuất lưu-trữ pháp-lý xuống, nghĩa là tung tiền trở ra lại.

Vấn-đề cải-lỗ chế-độ thuế-khoá, như là thuế-thực thâu tiền thuế từ gốc, kể cả thuế quân-bình của Bộ Kinh-Tế, cũng đã giảm bớt không ít tiền-lệ tin-dụng. Thêm vào đó, Nha Quan-Thuế siết chặt tin-dụng lại, có khi từ 10 trước kia còn lại chỉ 3,4 phần. Nhưng những biện-pháp này Bộ Tài-Chánh đã xem lại và sửa đổi cho mềm-đẻo hơn trước.

Ở đây cũng nhắc đến vấn-đề kỳ quỹ 350.000đ. mỗi môn-bài, vì thực số tiền ấy cũng không phải là ít. Bộ Kinh-tế đã trả một phần rồi. Trên thực-tế số tiền này tuy nhỏ, nhưng nếu trả lại thì là thực-tiền giúp nhà buôn hơn và, hơn nữa, không phải tung ra 100 triệu

là thêm 100 triệu mà thôi, vì nếu tung ra 100 triệu để nhà buôn trả cho hệ-thống Ngân-Hàng, thì lực-lượng tín-dụng (nghĩa tiền-tệ và nghĩa phong-hóa) của giới thương-gia sẽ lên rất nhiều, gấp đôi ba lần. Nghĩa là giải-pháp này vừa thực-tiễn vừa hiệu-nghiêm hơn là nới rộng tín-dụng của Ngân-Hàng Quốc-Gia. Vì một đảng trực-tiếp giúp thương-gia và những thương-gia từng tiền thật, một đảng giúp hệ-thống Ngân-hàng, gián-tiếp giúp một số thương-gia mạnh.

Ở đây nói sơ qua về những biện-pháp chánh đã giảm bớt khối-lượng tiền-tệ, không đi sâu vào chi-tiết vì thực ra thì các biện-pháp ấy đã được xem lại ít nhiều, sửa chữa ít nhiều, để đối-phó tạm-thời với tình-trạng khó-khẩn hiện giờ. Nhưng như trong bài « Thử tìm một giải-pháp » Bách-Khoa số 10, tác-giả đã cho rằng sửa - chữa các biện-pháp tiền-tệ mà không dùng những biện-pháp kinh-tế quyết - liệt thì không có kết-quả như ý-muốn.



Cuộc khủng hoảng hiện giờ do 2 cái quá-trình có tính-cách khác nhau, tức là quá-trình tiền-tệ và quá-trình lợi-tức. Đến đây chúng tôi đã nói nhiều về cái quá-trình tiền-tệ là một quá-trình ngắn hạn, khởi đầu trong vòng đệ II lục-cá-nguyệt 1956. Cái quá-trình này có tính-cách tiền-tệ hơn là kinh-tế, do những biện-pháp kinh-tế, chánh-trị gây ra hơn là những biện-pháp tiền-tệ như đã nói trên. Ta có thể tóm tắt như sau :

QUÁ - TRÌNH TIỀN - TỆ 1956

Khối lượng

Tốc lực

KHỐI-LƯỢNG TIỀN-TỆ

LƯU-THÔNG HÀNG-HÓA

- Thị-trường tự-do.
- Chánh-sách 0/o lưu-trữ pháp-lý.
- Biện-pháp thu-tiền đối-chiếu.
- Chánh-sách thuế-vụ.
- Biện-pháp tín-dụng quan-thuế.
- Ký-quỹ 350.000\$. v.v...

- Kiểm-soát giá cả.
- Kiểm-soát phân-phối.
- Kiểm-soát lưu-thông.
- Định mức lời.
- Huê-kiều.
- v.v...

Cải quá-trình tiền-tệ này trực-tiếp ảnh-hưởng bên CUNG hàng-hoá và gián-tiếp ảnh-hưởng bên CẦU là giảm-bớt mãi-lực i! ra là giới thương-mại. Nhưng cùng một trật là : mãi-lực của người tiêu-thụ bị giảm-bớt do một quá-trình khủng-hoảng khác sâu rộng hơn gọi là quá-trình lợi-tức.



PHẦN THỨ HAI

Quá - trình lợi tức

Cải quá-trình lợi-tức này vừa có tính-cách dài-hạn, vừa có tính-cách kinh - tế hơn là tiền - tệ đã khởi đầu từ 1954, trước quá - trình tiền-tệ đã nói trên và có ảnh-hưởng nặng-nề hơn nhiều.

Năm 1954, mà ta có thể lấy Hiệp-định Genève là khởi-điểm của cải quá-trình này. Trước đó, hằng năm Chánh-phủ Pháp phải chi ở Việt-Nam trên 10 tỷ bạc (3). Số tiền này, Chánh - phủ Pháp trả cho quân-đội Pháp tiêu - pha ở Việt-Nam và đài-thọ một phần lớn chiến-tranh. Đó là số tiền chi-tiêu về chiến-tranh, nhưng xét về mặt kinh-tế thì lại là số tiền lợi-tức quốc-gia thâu - hoạch được hằng năm. Ta có thể xem đó như là một sự xuất-cảng hàng-hoá và dịch-vụ của Việt-Nam, không phải để nước Pháp tiêu-thụ ở ngoại-quốc, nhưng để tiêu-thụ tại Việt-Nam. Đã hẳn, số tiền ấy phải để ra một phần tiêu - thụ các hàng - hoá nhập - cảng từ Pháp qua, nhưng một phần khá quan-trọng cũng để tiêu-thụ hàng-hoá và nhất là những dịch-vụ mà chính dân-tộc Việt-Nam sản-xuất tại trong nước. Cho nên sự tiêu - pha của quân-đội viễn-chinh Pháp ở Việt-Nam gây thêm mãi-lực cho dân-chúng Việt-Nam cũng như một sự xuất-cảng gạo gây mãi-lực cho nông - dân Việt-Nam, không hơn không kém. Đó là về mặt lợi-tức hay mặt CẦU hàng-hoá và dịch-vụ. Còn xét về mặt CUNG thì Việt-Nam nhờ ngoại-tệ do xuất-cảng hữu-hình và nhất là xuất-cảng vô-hình vừa nói trên, mà Việt-Nam không thấy thiếu hàng-hoá tiêu - thụ, và thị-trường nhờ đó được quân-bình.

Ngoại-tệ dồi-dào chẳng những là đủ để cung - cấp cho những sự nhập-cảng hàng-hoá, mà còn thừa để cho các xí-nghiệp tha - hồ chuyển-vốn, chuyển lời đủ thứ và để một bọn đầu-cơ độc - quyền buôn-bán đồng bạc là khác. Hơn nữa, lúc bấy giờ (1954) Viện Hồi-Đoài Đông-Dương cũ có một thể-thức cấp-phát ngoại-tệ vừa dồi - dào vừa dễ-dàng hết sức, đến nỗi Pháp, Việt-Nam, Hoa-Kiều trong 5 năm từ 1949 đến 1954, để ở ngoại-quốc một số vốn kéch-xù mà có người ước-lượng cả 10 tỷ bạc.

(3) Năm 1953, 143 tỷ phật-lãng.

năm 1954, 140 tỷ phật-lãng chỉ mỗi một chi - tiêu quân - đội.

Nhưng dù sao đi nữa thì ta cũng nên lưu-ý về những điểm sau này :

1/ khối-lượng ngoại-tệ to lớn,

2/ thề-thức cấp-phát ngoại-tệ dễ-dãi và điều-hòa,

3/ bạc Việt-Nam đối-chiếu với Phạt-lăng của Pháp đã nhiều mà được đưa vào tay quân-đội liên ra trong quần-chúng Việt-Nam rất nhanh, có khi đến bừa-bãi, không bị một kế-hoạch nào kèm-hãm hay giới-hạn (chè-chén, ~~điểm~~ cũng ở trong khuôn-khổ này). Còn ngoại-tệ cũng được đem ra cấp-phát tiêu-xài mau-chóng để thâu bạc Việt-Nam vào. Sự phung-phí của quân-đội Pháp cũng như sự thao-túng của Viện Hối-Đoái Đông-Dương cũ lại sanh ra những hiệu-quả may-mắn sau đây một cách đương nhiên :

a/ lợi-lức quốc-gia lên nhiều, mãi-lực quần-chúng rất dồi-dào,

b/ tiền-tệ lưu-thông rất nhanh và rất đều-hòa,

c/ thị-trường hàng-hóa dịch-vụ vẫn thanh-hành và quán-bình. Chung qui lúc bấy giờ Việt-Nam như một quốc-gia sản-xuất nhiều hơn là tiêu-thụ, xuất-cảng đem ngoại-tệ về nhiều hơn là cần kíp để nhập-cảng, đến nỗi dư thừa và tự-do thương-mãi như hoàn-toàn. Thực ra lúc bấy giờ sự sản-xuất dịch-vụ để cung-cấp cho quân-đội hết sức mạnh, và lợi-lức quốc-gia do lãnh-vực thương-mại, phân-phối hết sức lớn. Ta thử xem lợi-lức về ngành chuyên-chở (xe-hỏa, hàng-không v.v...) trong 2 năm 1954 với 1957 thì sẽ thấy trong năm 1954, nếu xét về mặt dịch-vụ, thì Việt-Nam có lẽ đã sản-xuất gấp 5, 7 lần hơn năm 1957. Thử so-sánh sản-xuất quốc-gia trong 2 năm 1954 và năm 1957 bằng một giản-đồ (xem trang sau) để hiểu vai-tuồng của dịch-vụ.

Giản-đồ nói trên chỉ có giá-trị tượng-trưng để làm tỷ-dụ cho nhận-xét của tác-giả, chứ không có giá-trị thống-kê thực-sự. Theo giản-đồ này thì :

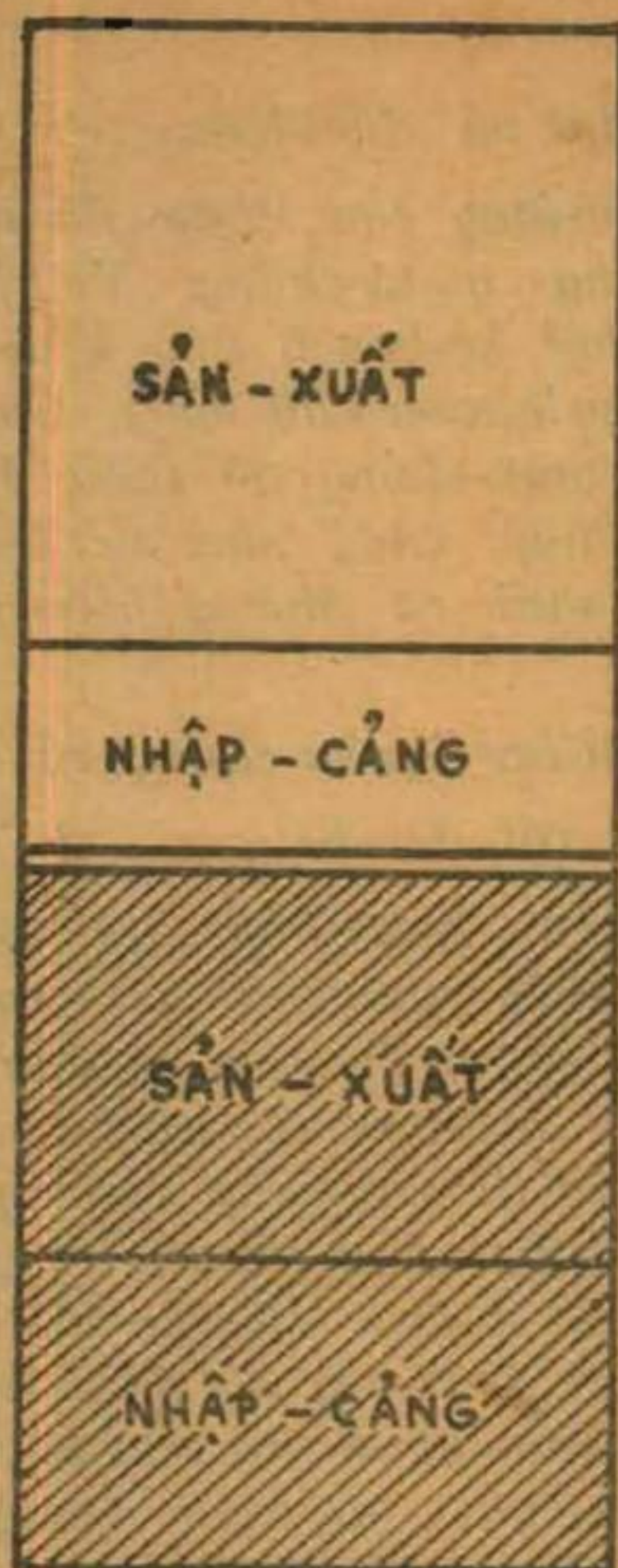
1/ dịch-vụ do Việt-Nam sản-xuất và quân-đội Pháp tiêu-thụ 1954 nhiều hơn 1957 ;

2/ sản-xuất hàng-hóa trong nước năm 1957 có phần nhiều hơn năm 1954;

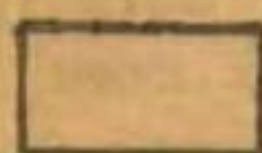
3/ nhập-cảng năm 1954 do ngoại-tệ (xuất-cảng vô hình) của Pháp qua năm 1957 không còn nữa, nhưng trái lại, Viện-trợ Mỹ thay-thế gần bằng.

Theo những nhận-xét trên thì ta có thể nói một cách tổng-quát: tuy sản-xuất vừa dịch-vụ vừa hàng-hóa, cái thêm cái bớt bù chỉ lẫn

1954



1957



Dịch - vụ



Hàng - hóa

Dịch - vụ	1954	>	1957
Sản - xuất	1954	<	1957
Nhập - cảng	1954	>	1957

nhau, nhưng theo ý của tác-giả thì sự gia-tăng sản - xuất hàng - hóa không bù-chỉ nổi giảm bớt sản-xuất dịch-vụ vì 2 lẽ này : kinh-lẽ chiến-tranh do quân-đội Pháp tạo ra dựa hẳn trên sự sản-xuất dịch - vụ cần-kip cho chiến-tranh và lãnh-vực thương-mại (dựa trên nhập-cảng hơn là sản-xuất) quá to lớn nếu sánh với lãnh-vực sản-xuất.



Điều sau này cần phải đặc-biệt lưu-ý hơn. Ngoại-tệ đưa vào Việt-Nam, để lấy bạc Việt-Nam tung ra trong quần-chúng và cấp-phát ngoại-tệ để mua hàng-hóa hay dịch-vụ cùng đài-thọ các vụ chuyển tiền ra ngoại-quốc khác để thâu bạc Việt-Nam trở vào Ngân-Hàng Quốc-Gia. Đó là cái vòng lẫn-quần hay cái quá-trình tiền-tệ hối-đoái, trong năm 1954 cũng như 1957, nghĩa là ngoại-tệ $\rightarrow$ VN\$ $\rightarrow$ ngoại-tệ $\rightarrow$ VN\$ $\rightarrow$ ngoại-tệ...

Trước kia ngoại-tệ do xuất-cảng của Việt-Nam và nhất là do chi-tiêu chiến-tranh của Pháp, bây giờ thì do xuất-cảng của Việt-Nam và ngoại-viện. Ở đây tôi tự-ý bỏ qua yếu-tố xuất-cảng của Việt-Nam vì trước kia (1954) và bây giờ (1957), nếu so-sánh với chi-tiêu của quân-đội viễn-chinh Pháp hay ngoại-viện thì yếu-tố nhỏ bé quá. Hơn nữa trong 2 năm, sự xuất-cảng của Việt-Nam không thay đổi bao nhiêu. Cho nên ta chỉ cần so-sánh cái yếu-tố chánh đem ngoại-tệ vào Việt-Nam trong 2 năm 1954 và 1957, là chi-tiêu của quân-đội Pháp và Viện-trợ Mỹ.

Số ngoại-tệ do quân-đội viễn-chinh đem vào đã to lớn hơn khối-lượng ngoại-tệ do ngoại-viện cung-cấp, và như thế thì bạc VN\$ đối-chiếu, tung ra quần-chúng do chương-trình ngoại-viện, cũng kém-cỏi hơn là theo đường-lối chi-tiêu của quân-đội Pháp.

Xét về mặt trọng-lượng đã thế, còn về mặt cấp-phát ngoại-tệ, tiêu-xái bạc VN\$ thì trong 2 năm 1954 và 1957, hai thề-thức hoàn-toàn khác xa nhau hơn nữa.

I — Cấp-phát ngoại-tệ. — Trong năm 1954 về trước, sự cấp-phát ngoại-tệ do Viện-Hối-Đoái Đông-Dương cũ đảm-nhận. Lúc bấy giờ chế-độ tự-do được triệt-đề áp-dụng, người ta tha-hồ xin, Viện Hối-Đoái tha-hồ cho, không theo một chương-trình, một kỷ-luật kiểm-soát nào cả. Điều này cũng dễ hiểu, vì đã có « mẫu-quốc » cung-cấp cho thì tiết-kiệm để làm gì và « của thiên trả địa », nghĩa là của Pháp trả cho Pháp thì mất-mát vào đâu, kiểm-soát mà chi. Ngày nay sự cấp-phát ngoại-tệ do bao nhiêu thề-thức, vừa phiền-phức, vừa chậm-chạp (điều này đâu phải lỗi tại chúng ta) ; sự xử-dụng bị hạn-chế về lượng cũng như bị kiểm-soát về phẩm. Điều này cũng không khó hiểu, vì người Viện-trợ thì có điều-kiện của kẻ viện-trợ, người thừa hưởng thấy của ít thì phải lo tiết-kiệm, lo kiểm-soát và nhất là lo xử-dụng cho có lợi, cho hợp-lý, theo một chương-trình nhất-định, có mục-đích, tiêu-chuẩn nhất-định.

So-sánh như trên, không phải là làm một việc vô - ích nếu không phải là vong-bản như một hai chánh-khách lỗi-thời đã làm để nhắc-nhở lại, để luyện-tiết cái chế-độ cũ và đả phá, chỉ-trích suông chế-độ mới. Song kỹ-thuật buộc ta phải trở lại chuyện cũ để hiểu chuyện mới. Nghĩa là đề ý-thức một sự biến-chuyển từ kinh-tế thuộc-địa và chiến-tranh ra kinh-tế độc-lập và kiến-quốc mà nhận-định những cái khó-khăn ta gặp, mà tìm những biện-pháp thích-ứng và nhất là để chúng ta cùng biết cố-gắng hơn, cùng biết hy-nh hơn.



Tóm lại ta có thể nói sự cấp-phát ngoại-tệ trước kia vừa dồi-dào vừa điều-hòa. Trái lại sự cấp-phát ngoại-tệ hiện giờ vừa ít - ỏi (trừ ra một hai môn hàng) vừa bất-thường. Hiệu-quả : thị - trường bấp-bênh, giá-cả vô-chừng. Ta có thể hình-dung sự cấp-phát ngoại-tệ trong năm 1954 về trước như một đường thẳng to lớn và liên-tục.

(A)



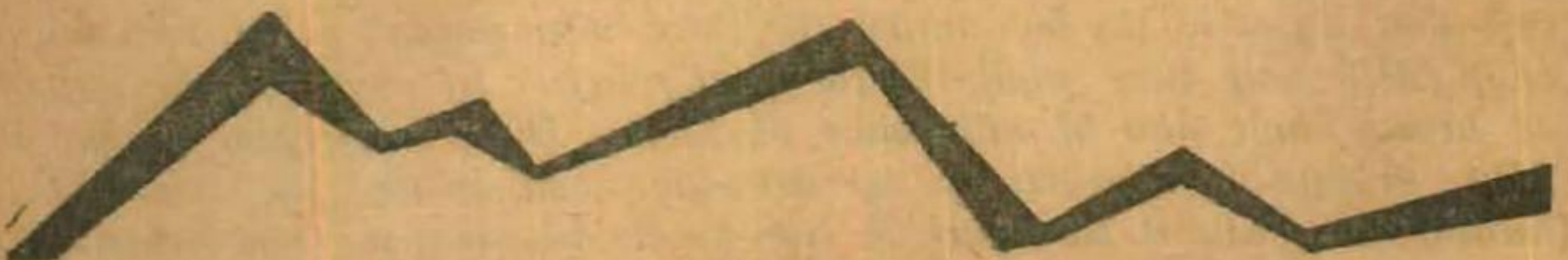
Vì hoàn-cảnh tài-chánh, chuyên-chở, buôn-bán, đầu-cơ.... cho nên thị-trường lúc bấy giờ cũng không phải hoàn-toàn quân - bình như một đường thẳng, song cũng phải thăng-giáng chút ít :

(B)



Ngày nay nếu sự cấp-phát ngoại-tệ không như đường thẳng (A) mà thăng-giáng, khi nhiều, khi ít, khi có, khi không như hình (B) thì phần chắc là thị-trường, giá - cả của hàng-hóa sẽ như sau :

(C)



Trên thực-tế thì sự cấp - phát ngoại - tệ của ta hiện giờ chẳng những là không như đường (A), không như đường (B) nốt, mà như

đường (C). Nếu sự cấp-phát ngoại-tệ như đường (C), thì có khi sự bất-thường sẽ giảm đi nhờ những hoàn-cảnh tài-chánh, chuyên - chở, buôn-bán... sửa sai phần nào, nghĩa là nếu sự cấp-phát ngoại-tệ như đường (C), thì thị-trường có thể nhờ hoàn-cảnh thời-gian, địa-dư, kinh-tế.... sửa-chữa mà quân-bình như đường (A), hay ít ra như đường (B). Nhưng kinh-nghiệm cho ta biết, vì ta cấp-phát ngoại-tệ như đường (C) thì thị-trường của ta đã như đường sau đây :

(D)



Nghĩa là sự thăng-giáng bất-thường càng nặng-nề. Sự thăng giáng bất thường này càng bị gia-tăng triệt-đề vì người cấp - phát như kẻ xử-dụng ngoại-tệ, trong nhiều trường-hợp, đã bất-chấp đến hoàn-cảnh thị-trường, bất-chấp đến thời-vận kinh-tế, xã - hội, cả quốc-tế. Và còn bao nhiêu nguyên-do nữa !

Sự bất-thường của thị-trường là một hiện-tượng cần phải lưu-ý đã đành, như sự cứng-rắn của thị - trường cũng không nên bỏ qua. Trước kia, vì ngoại-tệ dồi - dào nên ai cầu gì thì có cung nấy ngay, không mấy khi thiếu, nghĩa là gần 100% luật cung-cầu thanh-hành. Ngày nay, ngoại-tệ ít, kế-hoạch-hóa thị-trường là một việc tối - cần. Nhưng đáng lý ra, nếu kế-hoạch-hóa thị-trường từng giai-đoạn một, nghĩa là bớt cái tỷ-lệ tự-do cung - cầu trước kia lần lần, thì những khó-khăn kỹ-thuật, tâm-lý sẽ tránh được rất nhiều. Nói một cách cụ-thể hơn, thị-trường chỉ bị kế-hoạch-hóa theo chương-trình cứng - rắn ngoại-viện lối 70%, còn 30% tự-do cung cầu thì sự kiểm-soát bớt nặng-nề, con người mua-bán có cảm-giác tho-thời. Cái tỷ-lệ 30% tự - do có khi cho lên xuống tùy theo thời-vận kinh-tế, xã-hội cả chánh-trị để sửa chữa được phần nào sự bất-thường và tâm-lý hoang - mang của thị-trường. Trái lại nếu sự mềm-dẻo mất hết 100%, thì sự kiện này sẽ tăng-gia thập bội sự bất-thường của thị-trường.



2 — Xử-dụng VN\$. — Chiến-tranh ở Việt-Nam tung ra trong quần chúng hằng năm trên 10 tỷ bạc VN\$ nghĩa là về mặt khối-lượng thì

ngoài chỉ-tiêu thường của ngân-sách quốc-gia, số bạc Việt-Nam đối-chiếu với ngoại-tệ của Pháp đem vào to lớn gấp rưỡi số bạc VN\$ đối-chiếu với ngoại-viện hiện giờ. Chiến-tranh đã hết, đến giai-đoạn kiến-thiết, mà khối-lượng VN\$ có ít hơn cũng không có gì đáng lo - ngại. Một điều đáng lưu-ý hơn trong khi khảo-sát cái quá-trình lợi-tức hiện-giờ là thể-thức xử-dụng hay chỉ-tiêu số bạc Việt-Nam đối - chiếu ấy. Đã đành, trong giai-đoạn kiến-thiết ta không thể bừa-bãi tiêu-phá như lúc chiến-tranh, cái gì cũng phải có chương-trình, có kế-hoạch, biết mình muốn gì đã, rồi mới làm gì. Hơn nữa còn phải dựa ở phương - tiện tài-chánh kỹ-thuật của mình. Cho nên sự tiết-kiệm, sự khảo-sát tỉ-chức lâu dài là một điều-kiện cần-kíp, nếu muốn tiến vững-vàng và cũng là một chánh-sách dễ hiểu. Sự chậm-chạp và cứng-rắn trong vấn - đề xử-dụng bạc VN\$, tung tiền ra, nghĩa là gây lợi-tức ra trong quần-chúng, đã sanh ra ảnh-hưởng không may-mắn lắm. Đó cũng là một hiện-tượng dĩ-nhiên.

Sau Hiệp-định Genève thì chương-trình di-cư, thay thế cho quân-đội, tung tiền ra quần-chúng mau-lẹ và dồi-dào, cho nên năm 1954 — 1955 — 1956, cái quá-trình khủng-khoảng lợi-tức được giảm đi một phần lớn. Ngày nay, năm 1957, chương-trình di-cư đã hết mà chương-trình định-cư chưa được xúc-tiến mạnh, sự tiêu-phá một một phải giảm đi ở mọi lãnh-vực, lãnh-vực tư cũng như lãnh-vực công. Cho được bù-chi hoàn-toàn vào thì tất nhiên chỉ một cách thế, là ta phải làm một việc mà quân-đội viễn-chinh đã làm hay là như ta đã làm cho di-cư, nghĩa là tiêu cho nhiều và cho nhanh. Nhưng thay vì tiêu-phá vô-ích, vô kế-hoạch, ta phải tiêu-phá cho nhanh và cho nhiều vào việc đầu tư hữu-ích. Trong việc đầu-tư này, Chánh-phủ chắc-cắn phải làm một phần lớn. Tại sao ? Tư nhân Việt-Nam thiếu tư-bản, tư-bản ngoại-quốc còn rút-rè chờ-đợi, đòi cái này đến cái kia. Kế-hoạch 5 năm đã đặt ra nhưng không lẽ « ôm lòng chờ-đợi mãi » tư-nhân Việt - Nam hay tư-bản ngoại-quốc đầu-tư. Nếu-Chánh-phủ nhất-định đầu-tư thì tức nhiên Chánh-phủ sẽ có sẵn phương-tiện tài - chánh và kỹ-thuật (xem bài « Trở lại kế-hoạch 5 năm », Bách-Khoa số 12). Mà Chánh-phủ có nhất - định tiền tới bất-chấp tới tư-nhân thì chừng ấy tư-nhân Việt-Nam hay ngoại quốc sẽ chạy theo van xin đầu-tư. Chuyên-viên ngoại - quốc nghĩ thế nào, chờ thực ra lịch-sử các nước đã được kỹ-nghệ-hóa ngày nay như Mỹ, Gia-Nã-Đại, Úc v.v. . . cho ta biết : sự đầu tư ⁽⁴⁾ của Chánh-phủ là yếu-tố quan-trọng nhất trong cuộc khởi - công khuyếch-trương kinh - tế, sự đầu-tư của tư - nhân chỉ đến sau để bành-trướng và hoàn - thành. Hơn nữa, nếu tư - bản Việt - Nam thiếu thì phải làm cho có tư-bản Việt - Nam. Tư-bản Việt - Nam chỉ có thể

(4) Xem lại bài Chánh-sách thuế-vụ, Bách-khoa số 6. Chỉ-tiêu của Chánh-phủ = đầu-tư.

cầu-tạo được là khi nào Chánh-phủ có chi-liều ra. Tiết-kiệm của tư-nhân Việt-Nam đã có sẵn, nhưng rất ít. Ta muốn cho tư-nhân Việt-Nam thêm lợi-tức để rồi thêm tiết-kiệm và từ đó sẽ đầu-tư, kinh-doanh... thì chỉ còn có một cách hoặc mở cửa cho tư-bản ngoại-quốc vào, hoặc Chánh-phủ nhứt-định đầu-tư lấy. Nếu làm một lúc được cùng hai việc, vừa để tư-bản ngoại-quốc vào và Chánh-phủ Việt-Nam đầu-tư thì tư-bản Việt-Nam mau thành-hình. Nhưng nếu phải chọn một trong hai thì thiết-nghĩ thà Chánh-phủ làm lấy còn hơn giao cho tư-bản ngoại-quốc. Mỗi cái có cái lợi cái hại khác nhau, mà chung-qui cũng là mỗi nợ mà thế-hệ sau cũng phải trả, hoặc phải trả nợ cho thế-hệ này hoặc hoặc phải trả nợ cho ngoại-quốc. Nợ thì cái nào cũng là nợ, nhưng đứng trên lãnh-vực thời-gian và quốc-gia mà suy-luận thì thà mình phải trả cho mình còn hơn phải trả cho ngoại-quốc. Nếu Chánh-phủ phải mắc nợ để đầu-tư thì sau này phải lấy thuế nặng trả lại hay là bán các tài-sản của Chánh-phủ cho quần-chúng để trả nợ. Một ví-dụ cụ-thể để so-sánh 2 cái nợ. Chánh-phủ bây giờ vay của tư-nhân để làm một nhà máy điện, sau này cho được trả nợ Chánh-phủ có thể :

a/ hoặc góp thuế để lấy tiền trả lại.

b/ hoặc chia tài-sản nhà máy điện ra làm nhiều cổ-phần đem bán cho quần-chúng và lấy tiền trả nợ. Nếu Chánh-phủ không làm, lại giao cho tư-nhân ngoại-quốc thì tư-nhân ngoại-quốc sẽ đem tiền vào tức là nâng-đồng-bạc Việt-Nam lên. Nhưng sau đây Việt-Nam phải cho chuyển về tiền chuyển-vốn, tiền lãi lãi v.v... thì đó tức là làm giảm giá-trị đồng-bạc. Theo giả-thuyết thứ nhứt thì Việt-Nam đi từ lạm-phát đến giảm-phát; theo giả-thuyết thứ 2 thì đi từ giảm-phát qua lạm-phát. Cái nào hơn? Cái đó tùy theo chủ-nghĩa kinh-tế tự-do hay điều-khiển mình theo, không ai có quyền bắt ai theo. Nhưng có một cái lợi của giả-thuyết thứ nhứt mà giả-thuyết thứ 2 không có, là khi Chánh-phủ làm lấy thì dân-tộc Việt-Nam khỏi phải bị điều-kiện này nợ của ngoại-quốc, vì thực-tế cho ta biết tư-bản ngoại-quốc vào Việt-Nam là để làm lời và lời cho nhiều rồi đã, cơm thừa cá cận là lợi cho dân-tộc của ta. Chánh-phủ đứng làm thì dân-tộc ta phải hy-sinh một phần, nhứt là sự tự-do doanh-nghiệp, nhưng kinh-tế ta mau độc-lập, và khỏi bị kinh-tế tư-bản ngoại-quốc chi-phối. Và hơn nữa khi nào Chánh-phủ đứng ra làm lấy thì mới có thể thực-hiện cùng một lúc một chương-trình xã-hội to-tát được.

Nói một cách khác, chỉ có làm lấy mới trông dung-hoà chương-trình kinh-tế và chương-trình xã-hội một cách may-mắn được. Tại

sao ? Vì một lẽ rất dễ hiểu là tư-bản ngoại - quốc ở lại hay đi vào hoạt-động thì có điều - kiện đảm - bảo hay khuyến - khích họ, như là điều-kiện làm té lời thật nhiều và thật nhanh, đóng góp thật ít cùng là tha-hồ đem ra đem vào tài-chánh vốn-liếng v.v... Mà những điều-kiện này thường khi lại phản ngược với chương-trình xã-hội Chánh-phủ chủ-trương.

Nếu có người bảo : Chánh-phủ làm kết hạt làm một phần lớn thì còn gì tự - do doanh - nghiệp và hơn nữa làm chậm tiến - hoá cùng phung - phí tổn - kém quá. Xin thưa lại rằng : nếu muốn tự - do doanh-nghiệp thì Chánh-phủ sau một thời-gian sẽ bán tài-sản lại cho tư-nhân, không ai ngăn trở điều ấy. Còn phung - phí tổn-kém, chậm tiến - hoá thì không có cái gì bằng « chờ đợi » suông, qua ngày chầy tháng. Lại nữa quan-niệm kinh-lẽ thường-thức cũng cho ta biết : không có chi-tiêu nào của Chánh-phủ, dù là đóng tàu đem nhận dưới biển, dù là làm đạn đem dõ ở Triều - tiên, dù là trả cho lê - dương đi Bình-khang... là vô-lích. Về mặt kinh-tế, trên đời này chỉ có một cái phung-phí nhất và phản tiến-hoá nhất là thất - nghiệp (nhân - công, tư - bản lẫn tài - nguyên).

Kết-Luận

Tóm tắt lại, cuộc khủng - hoảng hiện giờ do hai cái quá - trình giảm phát, một cái có tính cách tiền-tệ và ngắn hạn, một cái có tính cách kinh-tế và dài-hạn.

Cái yếu-tố chánh của quá-trình tiền-tệ cần phải lưu-ý là : (1) tốc-lực lưu-thông tiền-tệ bị giảm bớt do sự ngưng trệ trong việc lưu-thông hay phân-phối hàng-hoá. Và sự lưu-thông hay phân-phối hàng - hoá bị ngưng trệ vì các hình-thức kiểm-soát giá cả, mức lời, phân - phối... và vấn-đề Hoa-kiều.

Hai cái chỗ nghẽn trong quá-trình lợi-tức hay mãi-lực lại còn cần phải quan-tâm đề « sửa sai » hơn là : (2) — sự đưa ngoại-tệ ra đời lấy bạc Việt-Nam vào, nghĩa là vấn-đề cấp-phát và xử-dụng ngoại-tệ ; (3) — sự đưa bạc VNĐ ra trong quần-chúng, nghĩa là vấn-đề đầu-tư, như là những chi-tiêu của Chánh-phủ trong chương-trình kinh-tế.

Kể viết bài này có tham-vọng phân-tách 2 cái quá-trình khủng-hoảng để giúp đọc-giả phân - biệt rõ - ràng, dù hai cái quá-trình ấy

ảnh-hưởng lẫn nhau, nhưng nó khác nhau từ nguyên-do, từ-bản-tính. Khách bàng-quang cũng như người có trách-nhiệm nếu không phân-biệt thì sẽ lầm-lẫn khi nhận-định hay áp-dụng những biện-pháp giải-quyết. Hơn nữa trong mỗi quá-trình, ta nên đặc-biệt lưu-ý đến những yếu-tố chánh hay những chỗ nghẽn chánh (goulots d'étranglement), cũng không ngoài mục - đích giúp cho bạn đọc tránh những cái ngộ-nhận vừa buồn cười vừa có hại.

Sau hết, khi đã phân - biệt ở đâu là chánh, ở đâu là phụ thì từ-nhiên sẽ tránh được những mánh-khoe của một nhóm người chỉ muốn xáo - trộn « bài » (brouiller les cartes) để làm lợi riêng cho mình hay để thỏa-mãn lòng tự-ái, lánh không phục-thiện của mình.

Khi đã biết ở đâu mắc bịnh và biết rõ - ràng bản - tính căn-nguyên của nó thì việc « bốc thuốc » không còn khó-khăn nữa. Thang thuốc có khi đắng, nhưng muốn mạnh chưa đủ, cần phải dám uống nữa. Nói cách khác, khi biết ba cái chỗ nghẽn chánh thì để tìm biện-pháp « sửa sai » ngay, nhưng MUỐN sửa-sai chưa đủ cần phải DÁM áp-dụng. Nếu phải « cẩn rắng », « nhắm mắt », « nín thở » như uống thuốc cũng phải làm.

Ba chỗ nghẽn chánh nói trên, hơn là ba vết thương cần phải được băng-bó, sửa chữa lại, là ba đầu dây mối nhợ của cuộc khủng-hoảng hiện giờ và là ba yếu-tố định-đoạt lấy vận-mệnh kinh-tế nước nhà. Những biện-pháp áp-dụng sai chỗ cũng như những món thuốc dùng không đúng căn bệnh sẽ làm hại thêm. Những biện-pháp tiền-tệ một mình nó đã không giải-quyết được khủng - hoảng hiện giờ mà chỉ có làm giàu thêm cho một bọn người đã giàu sẵn hay chỉ làm cho những con ếch mắc nợ to bằng con bò sẽ bẻ bụng.

Rồi đây chúng ta sẽ ra khỏi cuộc khủng-hoảng này, nhưng ra được mà có kẻ khóc người cười ! Ai sẽ khóc, ai sẽ cười, thời-gian sẽ trả lời. Ta cần phải đề-phòng, không thể để cho bọn lạm - dụng cười được. Nhưng biết đâu chúng sẽ cười to với những số tiền lời khác-thường mà họ sẽ thâu được nhờ những biện-pháp tai-hại chỉ tăng thêm « affaires » cho họ, chỉ cấu-tạo điều-kiện cho họ dễ đầu-cơ, tích-trữ. Nếu họ cười thì chúng ta, người dân Việt, nghĩa là anh và tôi, kẻ tiên - thụ sẽ khóc.

HUỶNH - VĂN - LANG

Danh - ngôn, danh - lý trong số này quy về ý chính

« HY-SINH CHO ĐỜI NÊN CAO-ĐẸP »

QUÂN-ĐỘI VÀ NHÂN-DÂN

PHẠM-NGỌC-THẢO



Trong lịch-sử đời thượng-cổ, một nhà triết-học am-hiểu về chánh-trị đã thốt ra những lời sau đây : « Tôi không ngại gì hơn những tướng-lãnh vừa mới chiến-thắng ». Ý muốn nói là những tướng-tá từ bãi chiến-trường mới về, còn say-sưa với tiếng súng và lát gươm hạ-sát quân thù đem lại vinh-quang cho đất nước, thường coi rẻ các ngành chánh-trị, dân-sự và tự cho mình xứng-đáng chỉ-huy và lãnh-đạo toàn-diện.

Đời nay, sau thắng - lợi oanh - liệt, có những quân - nhân, trong phạm - vi nhỏ hơn, cũng tự cho mình một địa-vị quá quan-trọng và quên vai-trò của nhân - dân, rồi chỉ còn thấy công của quân-đội tức là của bản-thân họ trong việc chiến-thắng quân thù.

Thiết - tưởng là quân - nhân đã từng dám tung-hoành ngoài trận-địa dưới làn tên mũi đạn, không nhiều thì ít, chắc

khó tránh được tư - tưởng tranh - công không chánh-đáng giữa quân-đội và nhân-dân. Việc đó tự-nhiên quá.

Lúc súng nổ rền trời, lúc cờ trận vừa nhuộm máu tươi, rực-rỡ đủ màu, anh-dũng tiến-tối ; lúc tiếng kèn thúc xung-phong làm phục - hồi sức đã đuối và đánh tan ý sợ chết ; lúc người chiến - binh quyết - tâm, đem xương thịt mình ra chọi cùng đồng-sắt của đạn và trái-phá ; lúc mà mỗi giây, mỗi phút kết-thúc cả cuộc đời của biết bao thanh-niên đầy tương-lai, lúc ấy có thấy mặt chánh-trị-gia nào đâu và cũng khó thấy vai trò cụ-thể của nhân-dân được.

Vậy muốn đo-lường vai trò của quân-đội và nhân - dân trong việc giải-quyết chiến-tranh, có lẽ cần bình - tĩnh xét lại lịch-sử của quân-đội.



Cách đây rất xa, khi người ta sống

một cách đơn-giản trong các hang đá, quanh ngày chỉ biết đi săn và hái trái cây để sanh-sống, hình-thức chiến-tranh là chiến-tranh cá-nhân, tức là những vụ đánh-lộn tay đôi không tổ - chức, không chỉ-huy. Sau đó, khi số người đã đông đảo hơn, họ phân chia ra từng nhóm, từng bộ-lạc để cùng nhau hợp-tác sống trên một vùng. Trong tập-thể này có tổ-chức, có sự phân - công để kiếm ăn và tự - vệ. Tuy vậy, lúc bấy giờ cũng chưa xuất-hiện hẳn - hoi một quân - đội. Thường thường thì, trừ đàn-bà và kẻ quá già yếu, tất-cả đàn-ông ai ai cũng phải ra chiến - đấu, nếu cần chống với một bộ-lạc đối-dịch hay với một kẻ-thù khác, như thú dữ hoặc thiên - tai. Không có quân-đội chuyên - nghiệp. *Nhân - dân và quân-đội là một.*

Kể đó, loài người ngày càng đông và ngày càng giỏi-dẫn trong phương - diện sanh - sản. Tiến hơn mức kiếm ăn, họ lại còn biết kiếm lời kiếm lãi. Hình-thức bộ-lạc đã biến đổi thành hình-thức quốc - gia. Sự phân công nội - bộ càng phức - tạp hơn. Trong « Nước », thấy xuất-hiện rõ-rệt một bộ-phận võ - trang chuyên trách về các việc quân - sự : đó là quân-đội. Quân - đội lúc bấy giờ đã tách rời hẳn với nhân - dân. Phần lớn binh-lính là người khỏe-mạnh đã chọn-lựa nghề làm lính như người khác chọn nghề làm nón hay nghề làm giày. Có khi, không cần là công-dân trong Nước, họ cũng có thể nhập - ngũ trong « nghề quân-đội ». Đó là trường - hợp của một số người Thụy-Sĩ xưa kia chuyên-môn đi làm lính cho nước ngoài để « đánh giặc mướn ». Nghề làm lính tuy lương khá cao, song không được dư - luận kính-trọng vì thành - phần, phần lớn là

người vũ-phu, phiêu-lưu mạo-hiêm ; khi chưa xuất-trận thì tiền lương bao nhiêu cũng cố xài cho hết : rượu-chè, cờ-bạc, dĩ-điểm, v.v..., để rồi lâm-trận nếu không may mà chết đi thì khỏi hối - hận đã không xữ - dụng hết số tiền bán mạng mình. Quân - đội đó là quân - đội đánh thuê. Nó có bị tiêu-diệt thì chủ nó tiếc, nó tiếc như một bầy chó săn hay một vật đắt giá đã mất. Nhân-dân có tiếc thì cũng tiếc số tiền đã đóng thuế để mua sắm khí-giới và nuôi dưỡng nó thôi. Lòng dân không thấy xúc-cảm. Trái lại, có người còn mừng nếu địch-thân họ đã chịu sự phá-phách của quân-đội đó. *Quân-đội đã tách lià với nhân-dân.*

Đến giai-đoạn hiện-tại, phần lớn tại các nước, trong nội-bộ Quân - đội có sự biến - chuyển lớn. Lúc thời bình, thanh - niên đúng tuổi thay phiên nhau nhập-ngũ để học nghề nhà-binh. Lúc hữu-sự quân-đội gồm tất cả những thanh - niên có đủ điều-kiện sức khỏe. Có khi trong hàng-ngũ quân-đội lại có cả những người của phái nữ tình - nguyện. Việc đi lính không phải là « một nghề » quan - niệm theo xưa, dành riêng cho một hạng người, dù ngoại - quốc hay công - dân bản - xứ, phần lớn là cận - bã của xã - hội nữa ; Việc đi lính lại là nghĩa-vụ mà tất cả thanh - niên đúng tuổi và đủ điều - kiện sức - khỏe phải đảm - nhận. Bấy giờ, *quân - đội và nhân - dân, tuy phân - biệt song liên - hệ nhau rất khăng - khít*, vì gia-đình nào cũng có cha hay con, hay cháu, hay thân - thuộc trong quân-đội. Do đó quân - đội chiến - thắng là nỗi vui mừng chung của toàn dân. Quân-đội bị tiêu - diệt là một tang tóc, một mối cảm-hờn, một nỗi buồn tủi cho toàn-dân.

Xét sơ- lịch- sử quân- đội, ta nhận thấy ban- đầu quân- đội và nhân- dân là một và không có một sự phân- biệt. Sau đó, lần- lần quân-đội đã tách rời khỏi nhân-dân và biệt- lập đối với nhân- dân. Hiện tại, tuy quân- đội và nhân-dân được phân-biệt, song nó là 2 bộ- phận rất khăng- khít, liên- hệ nhau rất mật-thiết.



Nếu sự liên- hệ giữa nhân- dân và quân-đội trong lịch- sử đã thay đổi sâu- sắc như vậy, lẽ tất-nhiên địa- vị của quân- đội cũng như địa-vị của nhân- dân trong việc giải- quyết chiến- tranh, cũng đã phải biến-chuyển trên căn- bản từ xưa đến nay.

Trong giai-đoạn đầu, khi quân-đội và nhân-dân chỉ là một, tất-nhiên một phe muốn thắng phe kia chỉ có cách là tiêu-diệt quân-đội địch, tức là tiêu-diệt nhân-dân của phe địch, không cách nào hơn cả. Nói cách khác đi, vai trò của quân-đội tức là nhân-dân, là một vai trò quyết-định trong việc giải- quyết chiến- tranh, không thể nói đến địa-vị riêng biệt của quân- đội được.

Trong giai- đoạn kế đó, lúc mà tại nhiều nước đã xuất-hiện một « quân-đội nhà nghề » có tánh-chất « quân-đội đánh giặc mướn » và cũng có tánh-chất biệt-lập đối với nhân-dân, địa-vị của quân-đội đã nổi bật lên một cách riêng biệt đối với nhân-dân trong vấn- đề định- đoạt một cuộc chiến- tranh. Khi hai nước tuyên-chiến thì hai quân-đội của chúng lãnh trách-nhiệm giao-chiến với nhau. Nhân-dân cứ lo việc sống thường ngày của họ. Đến lúc nào, một trong hai

quân- đội đã bị tiêu- diệt hay đã đầu hàng, thì chiến-tranh thường chấm- dứt. Dù người thủ-lãnh của nước bại- trận có muốn đánh nữa cũng không thể tiếp- tục vì không còn gì trong tay để chinh- chiến, trừ ra bản- thân không đáng kể của ông, nếu ông là người dám ra trận. Còn nghĩ đến việc lập lại một đội-quân mới để tiếp-chiến, không phải là một việc dễ. Nhân- dân đâu có sẵn- sàng đóng thuế đặc-biệt để sắm liền gươm- giáo, ngựa, xe cho quân-đội mới. Nghĩ đến việc đàn-áp, cưỡng- bách bắt dân nạp thuế và bắt dân làm lính lại là một việc còn khó hơn nữa, nhứt là mới vừa bại trận, không còn quân trong tay để ruồng-bổ. Chính vì hoàn- cảnh đó nên quân-đội tan, là chiến- tranh cũng tàn. *Lúc bấy giờ địa-vị của quân-đội trong việc giải-quyết chiến-tranh là quyết-định độc- nhứt. Vai trò của nhân- dân là một vai trò tiêu-cực.*

Trong giai-đoạn hiện tại, thử hỏi địa-vị quyết-định của quân-đội và vai-trò tiêu-cực của nhân-dân trong vấn-đề giải-quyết chiến-tranh còn tồn-tại nguyên vẹn hay không ?

Mới nghĩ qua, câu hỏi trên có vẻ quá đơn-sơ và dễ trả lời. Trên thực-tế, biết bao nhiêu danh- tướng đã đáp sai và sự sai-lầm đó đã chôn biết bao thanh- niên ưu-tú một cách vô-lý nơi đất khách quê xa, giữa sự nguyên- rủa của nhân-dân địch-thù.

Giải quyết chiến-tranh trong giai-đoạn hiện-tại không còn đơn-thuần là tiêu-diệt quân-đội đối phương nữa. Bằng chứng giản-dị và trước mắt tại Nam Việt là từ đầu kháng-chiến chống Pháp, những đơn-vị tượng-trưng cho

quân-đội của phe kháng-chiến đã bị tiêu - diệt hay tiêu - tan kể như hoàn-toàn trước sự tấn - công của các đội binh thiết - giáp, nhày dù, v.v... của phe xâm-chiếm ; thế mà chiến - tranh mãi gần chục năm cũng chưa tan. Trong khi đó lịch - sử lại lần lượt chôn các danh tướng của phe kia xuống bùn ô-danh.

So sánh với trước, quân-đội hiện nay tại các nước nói chung có tấn-bộ hơn về kỹ-thuật, chiến-thuật, võ-trang. Có lẽ gần đây, quân-đội với sự điên cuồng của loài người, còn có thể tối-tân hơn nữa trong phương - diện giết người và hủy-diệt vạn - vật hữu-dụng. Song không phải vì thế mà địa-vị quân-đội trong việc giải-quyết chiến-tranh lại tăng lên. Trái lại, địa-vị đó ngày càng xuống và vai-trò của nhân-dân ngày càng quyết - định. Sự lớn mạnh của Quân - đội đưa nó vào cảnh cần phải phụ-thuộc về nhân - dân. Nhu-cầu của nó về vật-chất cũng như về người quá lớn lao, nên nó không thể không nương tựa vào nhân - dân. Nếu mai kia, nhân-công các xưởng vũ - khí ngừng hoạt - động, hay nông-dân ngừng sản - xuất, hay thương - gia không buôn bán, làm tê-liệt nền thương-mại, hay thanh-niên mới lớn lên không chịu nhập ngũ, thì quân-đội cũng bị tê-liệt tức-khắc. Quân - đội hiện nay của một nước phụ-thuộc về khả-năng kinh-tế, chánh-trị và văn-hóa của toàn-dân nước đó. Nếu thanh-niên không học thêm về văn - hóa chẳng hạn thì dù có súng tối-tân, thử hỏi tìm đâu ra sĩ-quan đủ năng-lực để tận-dụng khí-giới ấy ? Chiến-tranh hiện nay là chiến-tranh dự-trữ ; dự-trữ về nhân-lực cũng

như dự-trữ về vật-lực. Mà nguồn gốc của dự-trữ đó là nhân - dân chứ không phải quân - đội.

Chính vì vai trò của nhân-dân trong việc giải-quyết chiến-tranh càng ngày càng lấn áp địa - vị của quân - đội, nên mục-đích của chiến-lược quân-sự có khi không phải là tiêu-diệt quân-đội đối-phương, mà là tiêu-diệt ý-chí chiến-tranh của nhân - dân. Do đó, xuất hiện ra những « chiến tranh nguội », « chiến tranh tâm-lý ». Vũ-khí cũng được sáng-chế theo chiều-hướng mới. Trong chiến tranh vừa rồi tại Việt-Nam chẳng hạn, Bộ chỉ - huy lực - lượng Pháp tuyên-truyền rất nhiều cho loại bom gọi là bom Na-ban (hay bom xăng đặc, hay bom lửa). Nhân-dân và cả bộ-đội kháng-chiến mới nghe cũng muốn mất tinh-thần (...và đầu hàng theo Pháp cho rồi : đó là ý muốn của đối - phương). Bom rơi tới đâu là cây cối cháy hết, tiêu - tan thành tro tới đó. Nếu trúng vào người, người cũng bị cháy luôn. Thật ra, bom đó chỉ có tác-dụng về chiến-tranh tâm-lý. Còn thực-tế về mặt quân-sự, đối với một quân-đội không căn cứ, bom đó có tác-dụng rất nhỏ, nếu không nói là vô-lý và đáng cười cho kẻ phí tiền, trong khi mà họ phải đi vay của ngoại-quốc để duy-trì chiến-tranh.

Hiện nay, dân không muốn đánh mà xua quân cứ đánh liều, thì cũng sẽ thất-bại mà thôi. Còn nếu nhân - dân đồng-lòng đánh thì dù kẻ địch có tiêu-diệt hết đội quân này, sẽ nở ra đội quân khác, và nếu cần, đội quân khác nữa và đội quân khác nữa.

Quân - đội và nhân - dân trong giai-đoạn hiện nay là 2 bộ-phận rất khăng-

khít nhau. Giải - quyết chiến - tranh không còn là quyền quyết - định độc nhất của quân-đội. Vai trò của nhân-dân đã chiếm địa-vị then chốt và chính nó bảo - đảm sự làm tròn nhiệm-vụ của quân - đội.



Nếu người phục-vụ trong lực - lượng quân - sự hiện nay nắm vững nhận-thức căn - bản trên, thì thái-độ của họ đối với nhân-dân trong việc tranh-công lúc thời chiến có lẽ dễ giải-quyết. Một cuộc chiến - tranh có thu được thắng-lợi hiện nay là nhờ công của toàn - dân. Công của người chiến - binh làm tròn nhiệm - vụ ngoài trận địa lẽ tất - nhiên tương - đối đáng được khen ngợi hơn người công - dân ở hậu-phương. Nhưng đó chỉ là vấn - đề tương - đối. Không nên làm tưởng chỉ có công của quân-đội trong việc giải-quyết chiến-tranh. Ý nghĩ này sẽ đem lại cho mình nhiều sự buồn tủi không chánh đáng. Tất-nhiên, trong xã-hội hiện tại, không phải ai có công cũng được thưởng và ai có tội cũng bị phạt. Có khi còn xảy ra lắm cảnh trái ngược. Có những tay buôn lậu thuốc men lúc thời chiến, lại thung - dung được hưởng cảnh giàu

sang phú quý khi các chiến - binh đã dẹp xong giặc ngoại - xâm. Có những công - dân đóng góp phần xương máu giải-phóng xứ - sở phải nếm cảnh éo-le khi hòa - bình và độc-lập đã trở lại. Những việc đó không đáng làm cho người quân-nhân quá bận tâm.

Cốt yếu là người chiến-binh cần nhớ căn-bản sức - mạnh của quân-đội chính là nhân-dân. Do đó những hành-vi làm quân-đội xa lìa nhân-dân là những hành-động làm yếu sức của bản-thân quân-đội. Thời-đại mà lực-lượng quân-sự thuần-túy định đoạt chiến - tranh không còn nữa.

Chiến-tranh hiện nay không còn thu hẹp trong hình thức đơn-thuần quân-sự. Nó còn bao gồm hình-thức kinh-tế, chánh - trị, văn-hóa. Địa-vị của quân-đội tuy có nhường bước cho nhân-dân, song nó vẫn còn một tánh-chất quan-trọng bậc nhất. Trong việc giải-quyết chiến-tranh, người quân-nhân có quyền hãnh-diện là lực - lượng nòng cốt, nhưng họ không còn quyền coi nhẹ công-lao của nhân-dân, vì công - lao đó là nền-tảng của sức mạnh của quân-đội.

PHẠM - NGỌC - THẢO

Người cộng - sự xứng đáng.

Khổng-tử một hôm gặp Tử-Du tên Yền, làm quan tể ắp Vố-thành, nước Lỗ. Khổng-tử hỏi Tử-Du :

— Ông có được người cộng-sự nào xứng-đáng không ?

Tử-Du đáp :

— Có Đam-dải-Điệp-Minh. Người ấy minh-chính, không đi đường tắt ngõ hẻm ; không có việc công thì không hề đến nhà Yền này (để cầu cạnh) bao giờ.

QUYỀN BIỆN-LUẬN TRƯỚC TÒA-ÁN

NGUYỄN-VĂN-MÀU

BẰNG cách dọn liên-tiếp hai bữa tiệc mà thức ăn gồm toàn lưởi, nhà triết-lý Hy-Lạp ESOPE đã tán-dương một cách ngộ-nghĩnh, nhưng chí-lý, công-dụng của cái lưởi, tức là lời nói. Người ta có thể dùng lời nói mà tế - quốc an - bang, thực - hiện những sự cộng-tác quốc-tế, khuyếch-trương khoa-học, văn-hóa, hay trong phạm-vi nhỏ của một quốc-gia, đem lại sự thân-thiện giữa các phần-tử xã-hội, các giai-cấp, các cá-thể, trong công-bình và chơn-lý.

Trái lại, một lời nói có thể làm cho chiến-tranh bùng nổ, gây sự bất hòa giữa các nước, làm xáo-trộn trật-tự trong một quốc-gia, gây sự chia rẽ giữa các phần-tử của một xã-hội, một gia-đình, bằng cách gieo sự lầm lẫn và vu-khống.

Vì công-dụng quan-trọng của lời nói, nên các nước văn-minh đều nhìn nhận sự tự-do ngôn - luận là một trong những nguyên-tắc của nền dân-chủ. Cũng vì lẽ ấy, người ta cũng đề cao tự-do báo-chí — báo chí có nghĩa rộng là sự phát-biểu

ý-kiến bằng văn thơ — vì ngòi bút không kém lợi-hại đối với lưởi.

Nhưng, ranh giới tự - do của một người là tự-do của người khác. Trong một đoàn-thể có tổ-chức, tự-do không thể biến thành kỷ - luật. Vì vậy, sau khi tuyên-bố tự-do ngôn-luận, tự-do báo-chí, nhà lập-pháp có phận-sự qui-định việc xử-dụng quyền tự-do vừa công-bố.

Đứng trong phạm-vi nhỏ hẹp của đầu-đề, chúng ta sẽ tìm coi trước Tòa-Án, đương-sự, hoặc trạng-sự của đương-sự, có quyền nói hay viết tất cả mọi lời theo ý muốn chẳng ?

Chiếu những nhận xét vừa kể trên, vấn-đề có thể chia làm hai phần :

1^o/ Nguyên-tắc là quyền tự-do biện-luận trước Tòa - Án của mỗi đương-sự.

2^o/ Những hạn - chế nhà lập - pháp đem lại để bảo-đảm quyền-lợi chánh-đáng của đối-phương hay người đệ tam.



1. — Nguyên-tắc tự-do nói và viết trước Tòa-Án đã được nhìn nhận nơi điều 41 khoản 3 đạo luật ngày 29-7-1881.

Nguyên-tắc tự-do ngôn-luận và báo-chí cũng được công-bố trong điều 16 bản Hiến-Pháp của nước Việt-Nam, ban hành ngày 26-10-1956 vừa qua. Điều 41 đạo luật 29-7-1881 không nghịch với Hiến-Pháp, vẫn còn hiệu-lực, và có thể coi như qui-định quyền tự-do nói trên.

Theo điều 41 khoản 3 đạo luật 29-7-1881, thì đương-sự không thể bị truy-tố về những tội phỉ-báng, ly-mạ hay lăng-nhục vì lời nói hoặc vì văn-kiến nộp trước Tòa-Án.

Nhà lập-pháp có ý đề cho đương-sự được quyền trình-bày mọi sự-kiện hầu chứng-minh và làm căn-bản cho yêu-sách của mình, không cần phải lo ngại vì việc trình-bày ấy có tánh-cách phỉ-báng, ly-mạ hay lăng-nhục, và đương-sự khỏi sợ bị truy-tố.

Sự bất-khả truy-tố nói trên có tánh-cách trật-tự công-cộng, nghĩa là người bị truy-tố làm, có quyền nêu điều 41 khoản 3 này bất-cứ trong giai-đoạn nào của cuộc truy-tố.

Vậy chúng ta phải tìm xem án lệ hiện hành đã giải-thích điều 41 §3 nói trên như thế nào.

Ta sẽ xét lần lượt coi ai được miễn truy-tố, miễn truy-tố về tội nào, lời nói và văn-kiến nào được bảo-vệ, và trước Tòa-Án nào.

a) Ai được miễn truy-tố. — Điều 41 §3 áp-dụng không những cho tiên-cáo, bị-cáo, mà luôn cho người biện-hộ. Tiếng « người biện hộ » có nghĩa rộng-rãi bao gồm trạng-sự và tất cả những ai có quyền đứng ra biện-hộ cho kẻ khác trong một vụ kiện.

Trái lại, kẻ nào đứng ngoài vụ kiện mà viết bài về vụ kiện ấy, hoặc một ký-giả đăng báo bài của trạng-sự, thì không được điều 41 §3 bảo vệ.

Mặc dầu có tư-cách là đương-sự trong vụ kiện hình, công-tố-viện đóng một vai-trò đặc biệt, nên Thẩm-phán Công-tố-viện được bảo-vệ một cách rộng-rãi hơn. Các vị này có quyền nói và viết tất cả những gì mà theo lương - tâm họ cho rằng cần - thiết để thực - hành nhiệm - vụ pháp-luật giao-p cho họ.

b) Những tội nào không thể bị truy-tố. — Sự bất khả truy-tố chỉ áp-dụng đối với tội phỉ-báng, ly-mạ và lăng-nhục mà thôi. Những tội này được dự-liệu nơi điều 29, Luật ngày 29-7-1881 nói trên, và nơi điều 222 và kế tiếp Bộ Hình-Luật.

Nhưng trong lời nói, câu văn người ta có thể phạm nhiều tội khác như là tội vu-cáo, tội xúi giục kẻ khác phạm tội, tội tung khẩu-hiệu phiến-động v.v... Những tội này phải bị truy-tố theo thường lệ.

c) Lời nói và văn-kiến nào được bảo-vệ. — Tiếng « lời nói » gồm lời biện-luận và những ý-kiến phát-biểu đề bình vực quyền-lợi của tiên-cáo hay bị-cáo như lời biện-hộ của trạng-sự, lời giải-thích của nguyên bị. Tất cả những lời nào có mục-đích bênh vực quyền-lợi của một đảng trong vụ kiện đều được hưởng sự bất khả truy-tố.

Trong một vụ kiện hộ nọ, trạng-sự của bị-cáo xin Tòa cử giám-định-viên để xem tiên cáo có bị loạn óc không. Tòa Phá Án đã xử rằng hành-động ấy chỉ là một cách trực-tiếp chống lại đơn khởi-tố, không cấu thành tội phỉ-báng.

Điều 41 §3 chỉ được áp-dụng đối với những lời nói trước Tòa. Sau khi cuộc tranh-luận chấm dứt, những lời phỉ báng, nhục mạ đều có thể bị truy-tố.

Ví-dụ : Sau khi nghe nguyên, bị biện-hộ, Tòa vào phòng nghị án, thì một đương-sự chưởi-bới đối-phương tại phòng xử, trước mặt công chúng. Người chưởi-bới ấy có thể bị truy-tố về tội công-khai lý-mạ, hay công-khai phi-báng.

Sau hết, điều 41 § 3 không áp-dụng cho những lời nói có tánh-cách lăng nhục đối với Tòa. Thủ-phạm có thể bị truy-tố về tội lăng nhục Thẩm-phán theo điều 222 Bộ Hình-Luật.

Đó là về lời nói. Còn các văn-kiến phải theo điều-kiện nào để cho tác-giả khỏi bị truy-tố ?

1/— Văn-kiến phải được nạp cho Tòa-Án, không cần phân biệt nạp cách nào, có ký tên hay không, miễn là biết rõ văn-kiến ấy do bên nào nạp là đủ.

2/— Văn-kiến phải được nạp khi Tòa còn đang thụ-lý, nghĩa là từ khi có đơn khởi-tố cho đến khi Tòa tuyên án.

Vì vậy, nếu một bài lý-đoán, hay đơn khởi-tố, đồng thời được tác-giả nạp cho Tòa, đồng thời được công-bố trong một tờ báo, hoặc sau khi Tòa đã xử mà tác-giả đem bài ấy đăng báo, thì y có thể bị truy-tố, nếu bài có đoạn nào có tánh-cách phi-báng, lý-mạ, hay lăng nhục.

d) — Trước Tòa Án nào ? Quyền tự-do biện-luận được xư-dụng trước tất cả cơ-quan nào có tánh-cách là một Tòa Án, nghĩa là một cơ-quan tài-phán do Quốc-Gia thiết-lập, trong khuôn-khổ tổ-chức công-quyền.

Được coi như là Tòa-Án :

1) — Các Tòa-Án Tư-Pháp xử việc hộ và việc hình, như Tòa Phá-Án, các Tòa Thượng-Thẩm, các Tòa Sơ-Thẩm, các

Tòa Hòa-Giải, các vị Thẩm-phán đứng ra hòa-giải, các Thẩm-phán ủy-viên trong vụ kháng tặn, các Dự-thẩm.

2) — Các Tòa-Án đặc biệt, như các Tòa-Án Quân-sự, Tòa-Án Hành-chánh, Tham-chánh-viện.

Trái lại, không thể coi như một Tòa-Án các viên trọng-tài, các Ủy-Ban trọng-tài, hay các Giám-định-viên. Trước các vị này, tác-giả văn-kiến nào hay ai nói lời nào có tánh-cách phi-báng, lý-mạ hay lăng-nhục có thể bị truy-tố.

Chúng ta vừa thấy nguyên-tắc tự-do biện-luận trước Tòa-Án có một phạm-vi áp-dụng khá hẹp hòi. Nguyên-tắc ấy lại còn bị hạn-chế trong nhiều trường-hợp mà ta sẽ lần lượt xét đến nơi phần thứ nhì bài này.

Các khoản hạn-chế căn-cứ vào một lý-do rất hợp lẽ. Một đương-sự có quyền trình bày tất cả mọi sự-kiến cần-thiết để thắng vụ tranh tụng mà khỏi bị truy-tố, nhưng y không được lợi dụng quyền ấy để phi-báng, lý-mạ hay lăng-nhục kẻ khác khi những lời trình-bày này không cần-thiết để cho Tòa xét xử vụ kiện của y.

Các khoản hạn chế như sau, và đã được dự-liệu nơi điều 41 khoản 4 và 5 Đạo-Luật ngày 29-7-1881.

1) — Những lời nói hay câu văn có tánh-cách phi-báng, lý-mạ, lăng-nhục, nhưng không cần ích cho vụ kiện, có thể bị Tòa dạy hủy bỏ.

2) — Tác-giả có thể bị Tòa phạt bồi thường thiệt hại cho đối-phương, hay người đệ tam.

3) — Riêng về việc trình-bày có tánh-cách phi-báng, tác-giả có thể bị truy-tố trước Tòa hình.

4) — Trạng-sự có thể bị Tòa khiển-trách và huyền chức.

a) *Khoản hạn-chế thứ nhất* : Tòa có thể dạy hủy bỏ những đoạn-văn, những lời nói có tánh-cách ly-mạ, lăng nhục hay phi-báng mà không cần thiết cho vụ tranh-tụng.

Việc hủy-bỏ nói trên không có nghĩa là một việc hủy-bỏ vật-chất. Một lời đã thốt ra thì làm sao sao lấy lại được ? Nhưng khi dạy hủy-bỏ đoạn văn nào hay lời nói nào, Tòa chỉ có ý tuyên rằng đương-sự đã phạm lỗi khi dùng lời nói hay câu văn đó và Tòa không quan-tâm đến các đoạn ấy.

Khi nào Tòa dạy hủy-bỏ như vậy, Tòa sẽ tuyên cùng trong bản án giải-quyết chánh vụ, chứ đương-sự không thể vô đơn khởi-tổ riêng để xin Tòa hủy-bỏ những lời nói hay câu văn trong một vụ kiện khác.

Tòa-Án thụ-lý chánh vụ có thể tự mình dạy hủy-bỏ các lời nói hay câu văn mà Tòa cho rằng có tánh-cách ly-mạ, phi-báng hoặc lăng-nhục. Công-Tổ-Viện có quyền yêu-cầu Tòa hủy-bỏ, cũng như các đương-sự, các trạng-sự của đương-sự, và kẻ đệ tam, đều có quyền ấy. Quyền ấy rất cần-thiết, vì trong lâm vụ kiện, đương-sự phi-báng, ly-mạ không những đối-phương mà luôn cả trạng-sự biện-hộ cho đối-phương và người đệ tam nữa.

Kẻ đệ tam có quyền xen vào một vụ giữa kẻ khác để xin Tòa hủy-bỏ các lời nói, đoạn văn có phương-hại đến y.

b) *Khoản hạn-chế thứ hai* : Kẻ thốt lời nói có tánh-cách ly-mạ, lăng-

nhục hay phi-báng, hoặc kẻ đệ nạp những đoạn văn có tách-cách ấy có thể bị Tòa phạt bồi-thường thiệt-hại. Luật này rất hợp lẽ vì nếu đương-sự được miễn truy-tổ về những tội lăng-nhục, ly-mạ và phi-báng, thì ít ra y cũng đã phạm luật. Sự vi-phạm này gây thiệt-hại cho kẻ khác, khiến y phải bồi-thường.

Trái với việc hủy-bỏ đã nói ở khoản trên, Công-Tổ-Viện không thể yêu-cầu Tòa dạy bồi-thường thiệt-hại, và Tòa cũng không tự-động dạy bồi-thường. Nếu có sự yêu-cầu của đương-sự, trạng-sự của đương-sự hay người đệ tam thì Tòa mới xét đến.

Việc bồi-thường thiệt-hại này không lệ-thuộc việc hủy-bỏ lời nói hay câu văn, nghĩa là Tòa có thể dạy bồi-thường thiệt-hại mà không cần dạy hủy-bỏ những lời hay những câu có tánh-cách phi-báng, ly-mạ hay lăng-nhục.

Tòa-Án Hành-Chánh, và Tham-Chánh-Viện không có quyền dạy bồi-thường thiệt-hại, trong trường-hợp nói trên. Tòa này chỉ dành quyền cho đương-sự để sau xin bồi-thường thiệt-hại trước Tòa-Án Dân-sự có thẩm-quyền.

c) *Khoản hạn-chế thứ ba* : Kẻ nào phi-báng người trong lời nói hay lý-đoán có thể bị truy-tổ. Khoản này chỉ được áp-dụng cho những hành-động phi-báng mà thôi. Vì vậy tác-giả những lý-đoán có tánh-cách lăng-nhục hay ly-mạ không thể bị truy-tổ.

Theo nghĩa của điều 29 Đạo-Luật 29-7-1881 phi-báng là tội gán cho kẻ khác một sự-kiện có tánh-cách làm tổn-thương danh-dự người ấy.

Vậy nếu trong một vụ kiện, một đương-sự biện-luận hay nạp lý-đoán gán cho đối-phương một hành-động nào có tánh-cách phi-báng, và nếu hành-động ấy không liên-quan đến vụ kiện, nghĩa là không thể dùng để chứng-minh các khoản yêu-sách của người đã nêu ra, thì người phạm tội phi-báng có thể bị truy-tố trước Tòa-hình.

Ví dụ: A kiện B trước Tòa Nhà Phở đề trục-xuất B. A nạp lý-đoán nói rằng B là một tên ăn cướp đã bị Tòa phạt tù, nên A không bằng lòng cho B mượn phở. Việc A nói B là ăn cướp có tánh cách phi-báng, và không liên-quan đến vụ kiện trục-xuất, vì luật không cho phép chủ phở đuổi những người mượn phở mà trước kia phạm tội cướp và bị phạt tù. Vậy A có thể bị truy-tố về tội phi-báng.

Trái lại A nạp lý-đoán nói B nghèo mạt, đã thiếu y 1 năm tiền phở mà không trả nên y không cho mượn phở nữa. Mặc dầu câu này có tánh cách phi-báng làm mất danh-giá B, nhưng theo luật người mượn phở mà không trả tiền phở, thì phải bị trục-xuất. Vậy câu nói A có liên-quan đến đơn xin trục-xuất B, A không thể bị truy-tố về tội phi-báng.

Người bị phi-báng vô cớ, nếu muốn truy-tố đối-phương, phải xin Tòa đang thụ-lý chánh vụ (Tòa nhà phở, trong ví-dụ kể trên) dành quyền truy-tố cho mình, và phải xin trong lúc Tòa này còn thụ-lý. Công-Tổ-Viện cũng phải xin dành quyền truy-tố như vậy.

Tòa-án thụ-lý chánh vụ, nếu chấp-thuận dành quyền, phải ghi rõ sự-kiện mà người xin dành quyền cho là có

tánh-cách phi-báng (ăn cướp bị tù, trong ví-dụ kể trên) và phải chứng-nhận rằng sự-kiện ấy không liên-quan đến chánh vụ. Nếu Tòa xét sự-kiện ấy liên-quan đến chánh vụ, Tòa sẽ bác đơn xin dành quyền.

Trái lại, chỉ Tòa hình thụ-lý sau này, mới có quyền xét coi sự-kiện ghi trong bản án dành quyền, có tánh cách phi-báng hay không.

Người bị phi-báng, nếu là đương-sự trong vụ kiện chánh, mà không xin dành quyền như đã nói trên, thì về sau không thể trục-tố đối-phương ra trước Tòa Tiểu-Hình, mà cũng không thể tố-cáo với Biện-Lý Cuộc.

Người bị phi-báng, nếu là kẻ đệ tam, thì không cần xin dành quyền, và có quyền trục-tố kẻ phi-báng mình trước Tòa hình, hay khởi-tố trước Tòa Hộ.

d/ *Hạn-chế thứ-tư*: Các Trạng-sư biện-hộ hay nạp lý-đoán có những đoạn lý-mạ, phi-báng hay lăng-nhục đối-phương mà không liên-quan đến chánh-vụ, có thể bị Tòa cảnh-cáo, hay huyền-chức.

Quyền cảnh-cáo thuộc bất cứ Tòa nào, vì đó là một phương-pháp cảnh-sát để giữ trật-tự trong các phiên xử. Trái lại quyền huyền-chức chỉ thuộc Tòa Phá-Án, các Tòa Thượng-Thẩm và Sơ-Thẩm. Các Tòa-Án Quân-Sự và Tòa-Án Hành-Chánh không có quyền ấy.

Lần thứ nhứt, Trạng-sư không thể bị huyền-chức quá hai tháng; nếu tái-phạm trong năm, thời-gian huyền-chức có thể tăng đến 6 tháng.



Sau khi xét qua nguyên-tắc tự-do biện-luận trước Tòa-Án và những sự hạn-chế

nhà làm luật đã đem đến trong việc xử-dụng quyền tự-do ấy, ta nhận thấy nhà lập pháp đã có ý dung-hoà quyền tự-vệ chánh-đáng của nguyên, bị trong vụ kiện, với quyền của mỗi người công-dân được pháp-luật che-chở. Nguyên-bị có quyền đem các lý-lẽ đề bênh-vực lập-trường pháp-lý của mình, nhưng nếu đi quá mức và dùng những phương-thế không cân-xúng với quyền-lợi cần bảo-vệ, gây thiệt-hại cho đối-phương

thì phải bị những sự trừng-phạt về mặt hồ, mặt hình hay mặt kỷ-luật.

Vậy người biện-luận trước Tòa, cần phải thận-trọng trong lời nói, câu văn, chỉ nói những gì cần-thiết và nói với những lời lẽ ôn-hoà đúng-đắn, thì mới tránh được sự tai-hại mà người xưa đã nhắc nhở một cách danh-tiếp : « Bệnh do khẩu nhập, họa do khẩu xuất. »

NGUYỄN-VĂN-MÀU

Quên mình để làm việc nghĩa.

Linh-mục J. B. Langnet de Gergy cha sở nhà thờ Saint Sulpice nước Pháp, có tiếng là người nhân-tử có lòng thương-yêu kẻ nghèo khó lạ-lùng. Ông tuyệt-đối không màng tư-lợi và thường đi khát-thực để nuôi kẻ khốn-cùng.

Một hôm ông tới thăm nhà một người đại-phú và lái - nhải nói mãi đề xin bố - thí. Nhà đại-phú đương lúc cấu-kính, thấy ông van nài dai quá, tức mình tặng ông một cái tát thật kêu.

Ông điềm - nhiên nói :

— Đó là phần cho tôi, xin đa tạ ông.

Rồi ông tươi-tinh đưa hai tay ra nói tiếp :

— Còn phần cho kẻ đói - rét ?

Nhà đại-phú lặng người trước cái cử-chỉ siêu - tuyệt, cúi mình xin lỗi vị linh-mục và đưa tặng cả một túi bạc.

Nghĩ về

HAI THỂ THƠ VIỆT-NAM

VÕ - PHIẾN



ẦY năm nay chẳng thấy có văn-đề văn-ngệ nào gây nên tranh - luận ồn-ào. Đường ai nấy đi.

Thực ít lời qua tiếng lại. Bỗng gần đây có những lời đôi-co chỉ-trích nhau khá náo - nhiệt về văn-đề thơ tự-do. Cuộc bàn - tán chưa dứt, tôi chỉ nhân đó ghi vài nhận - xét về hình-thức thi-ca mà thôi.

Gác ra một bên chuyện nội-dung tối-tăm cô - độc, chỉ hiểu tự - do là nói-giảm thi - luật, chủ - trương buông lỏng hình - thức câu thơ theo thi-hứng, tôi tán-thành phong-trào thơ tự-do, nhưng mong - mỏi cho nó chóng qua đi, để chúng ta tiến đến một tình-trạng ít hỗn-loạn hơn. Bởi vì tôi không nghĩ loại thơ tự-do có thể trường - tồn vĩnh-cửu, nó chỉ là một hình - thức quá độ, báo-hiệu một chuyển hướng, trong lịch - sử

thi-ca mà thôi. Có khi trong hàng nghìn năm, xã-hội không có gì thay đổi quan-trọng, cuộc sống tiếp-diễn đều-đều, tình-cảm của chúng ta tìm được một nhịp-diệu diễn-tả thích-hợp và thỏa-mãn với nhịp-diệu ấy : thi-sĩ giữ nguyên một số thi-luật, không đòi - hỏi tự-do, nói-giảm gì cả. Nhưng rồi khi xã-hội gặp một biến - cố lớn, thay đổi cuộc sống của mọi người đến tận gốc, chuyển đổi cách cảm-nghĩ của tất cả chúng ta ; khi ấy cảm - xúc mới của chúng ta không bằng lòng với sự ràng - buộc của những nhịp-diệu lỗi-thời, cho nên nhà thơ phải phá vỡ những luật thơ cũ. Chúng ta chạy ủa ra cái không-khí tự-do, say-sưa với tự-do, thích - thú với những bước đi khắp-khềnh. Tình-trạng ấy có thể kéo dài như đã xảy ra ở nhiều nước, khi mà trạng-thái xã-hội mới còn xao-động quá, lay-lắt cuộc sống tình - cảm của

chúng ta nhiều quá, không dễ cho nó ngừng nghỉ ở một nét cố - định nào. Nhưng tôi tin rằng khi có đủ yên-ôn, chúng ta lại tìm kiếm quờ-quạng, hướng đến một nhịp-điệu điều-hòa để phô-diễn cảm-xúc mình, hướng đến trật-tự. Trước đây hai mươi lăm năm, chúng ta đã phá thể thơ một lần. Sau đó, ta tìm được một hình-thức nhịp - nhàn, thích-hợp để diễn-tả lối rung-cảm mới mà lối thơ tám chữ là một. Rồi sau 1945 và gần đây, cuộc sống của chúng ta lại đổi thay sâu-xa, tâm - hồn chúng ta lại bị lay-lắt. Một lần nữa, chúng ta thấy cần phải thoát khỏi một nề-nếp bó-buộc hết thích-hợp. Sự phá vỡ khuôn-khò cũ lần này và những tìm-tòi sờ-soạng lần này sẽ đem lại cho chúng ta cái gì đây ? và bao lâu nữa thì chúng ta thu được kết-quả ? Không ai muốn mạo-hiểm tiên-tri về điều ấy. Nhưng nhân sự tìm-tòi này tôi muốn góp một ý - nghĩ về vài điệu thơ từ xưa đến nay vẫn tỏ ra thích-hợp nhất với nhịp rung - cảm của dân - tộc ta. Những thể thơ sẽ thành hình mai sau có lẽ cũng phải có chút gì can - hệ đến - liú với dĩ - vãng, với những nhịp-điệu cổ-hữu ấy.

Không kể đến các thể thơ Tàu du-nhập vào văn-học ta như thơ ngũ-ngôn, thất-ngôn v..v.., thì cơ-hồ tất cả các thể vận - văn thuần-túy Việt - Nam — ngoại trừ thể vè — đều là những hình - thức biến-hóa hay phối-hợp của hai cái căn-bản *lục-bát* và *thất - ngôn Việt*. Đã có nhiều người nghiên-cứu thể thơ lục-bát và những biến-thể của nó. Nhưng thể thất-ngôn Việt-Nam thì ít được ai nói đến.

Những câu thơ bảy chữ của ta (như hai câu thất - ngôn trong thể song - thất

lục-bát chẳng hạn), so với lối thất-ngôn Tàu có sự khác nhau cả về nhịp thơ lẫn luật thơ. Câu thơ Tàu thì ngắt nhịp ở chữ thứ hai, chữ thứ tư và chữ thứ sáu, còn câu thơ thất-ngôn Việt thì ngắt ở chữ thứ ba, thứ năm và thứ bảy. Nghĩa là câu thơ Tàu chia nhịp hai, hai, ba : câu thơ ta chia nhịp ba, hai, hai. Câu thơ Tàu dứt bằng một nhịp lẻ, câu thơ ta bằng một nhịp chẵn. Nhận - xét về điểm ấy trong một bài luận về cá-tính hai dân-tộc Trung-Hoa và Việt-Nam, có lần Hoài-Thanh đã nói câu thơ lẻ của Tàu cũng như cái mái nhà bốn góc cong vút của họ, hướng đến một vẻ phóng-phiếm hoa-mỹ của thảo-mộc ; còn nhịp thơ chẵn ở cuối cùng cũng như lối kiến-trúc chắc nịch của ta hướng đến sự vững chãi bình-yên của đất-đá. Đó là phần nhịp-điệu. Về phần thi-luật thì câu thơ thất ngôn Tàu có thể biến - hóa dưới nhiều hình - thức hơn, hoặc :

OB OT BBT
hoặc OT OB BTT
hoặc OB OT TBB
hoặc OT OB TTB

trong khi câu thất-ngôn Việt chỉ có hai hình-thức. Nếu dứt bằng tiếng trắc thì :

OOT OB OT
nếu dứt bằng tiếng bình thì :
OOB OT OB (1)

Bởi vậy câu thơ thất-ngôn Việt không thể xuất-hiện do sự mô-phỏng, cải-biến câu thơ thất-ngôn Tàu. Và nếu truy-tầm nguồn-gốc thơ Việt-Nam mà muốn đối-chiếu với thi-luật của dân-tộc lân - cận thì tôi nghĩ nhịp-điệu rung-cảm của ta có phần gần-gũi với nhịp-điệu của người

Mường — vốn là một di-duệ của dân-tộc ta — hơn là gần - gũi với người Trung-Hoa. Chỗ tương - quan về ngôn-ngữ Việt - Nam với Mường mà nhiều học-giả đã nói qua, có lẽ lại còn nghiệm được ở thi-luật của hai dân-tộc. Những câu thơ Mường sau đây cũng theo một luật và cũng dứt nôm như câu thơ thất-ngôn Việt :

...Noong á ngòi (2) như tiên rong-róng
Ha nả ngòi Khao ón rúng - rường
Thừa noong áp mùi hương hom tỏa
Hình tay tiên cỏ rạ thương
phương ... (3)

Bởi vì là một nhịp-điệu thuần - túy dân-tộc, phát-xuất từ cái nếp rung-cảm riêng của dân-tộc, chứ không phải là do một ảnh - hưởng ngoại - lai của thời-kỳ Bắc - thuộc, bởi vì thích - hợp với lối ngâm - nga của dân-tộc ta, cho nên nó được hoan-ngheh, phát-triển mạnh-mẽ. Trong khi luật thơ Tàu du-nhập sang ta ngót mười thế-kỷ nay vẫn giữ nguyên hình-trạng cũ, nhờ một bộ xương mỗi ngày một khô róc đi, thì câu thơ thất-ngôn Việt lại sống, sinh - sôi nảy - nở, biến-hóa, ảnh-hưởng rất nhiều đến các thể thơ khác.

Thực vậy, không phải câu thơ thất-ngôn ấy chỉ ở trong thể song - thất lục - bát. Ở nhiều chỗ khác người ta thấy cách gieo vần có thay-đổi ít nhiều, câu thơ có những hình-thức nói-giãn về số chữ, nhưng nhịp-điệu vẫn là y-nguyên nhịp-điệu ấy, luật bình - trắc vẫn giữ đúng một luật ấy.

Thoạt tiên, chúng ta gặp nó trong thể nói lối của các tuồng hát bộ :

...Ruợu giao-hoan mùi đã mận-nồng

Tình phân ngoại có sao bạc-bẽo
Đây dưới nguyệt đã đành đan-điêu
Chim ven trời đòi đoạn cao bay... (4)

Lối này đã có một thời - kỳ vượt ra ngoài tuồng hát mà được dùng trong một thi-phẩm tiếng-tâm, quyển Gia-huấn ca của Nguyễn-Trái :

... Chớ khoe-khoang lắm thốc nhiều tiền,
Ngồi ăn mãi non mòn núi lở,
Việc nhà có kẻ ăn người ở,
Từ trong ngoài như bảo trước sau...

Phần lớn trong các bài ca trù thì cũng chỉ là hoặc chính-thề hoặc biến-thề của câu thất - ngôn Việt mà thôi. Những câu sau đây cũng chia làm ba nhịp, và nếu ta bỏ qua những tiếng đóng trong các ngoặc, thì số còn lại vẫn theo luật thất-ngôn :

... Chuyện cồ-kim so-sánh (tựa) bàn-cờ,
Riêng vui-thú giang-sơn phong-nguyệt,
Mặc xa-mã thị-thành (không) dám biết,
Thú yên-hà trời đất (đề) riêng ta... (5)

Cuối cùng tôi đánh bạo nghĩ rằng cả câu thơ tám chữ mà chúng ta mới tìm ra vài mươi năm nay cũng chỉ là một hình-thức nói giãn của câu thất ngôn Việt. Thử che lại mỗi câu một chữ, ta sẽ còn lại y nguyên một đoạn nói lối hết như trong bốn tuồng hát bộ :

Mùa xuân ấy, ông tôi lên (lận) tỉnh
Đón tôi về xem hội (ở) làng bên,
Suốt ngày đêm chuông trống (đánh)
vang rền,

Người lớn bé mê-man (về) hát bội... (6)
hoặc những câu đúng luật ấy mà được xếp đặt theo một thứ tự khác :

... Đêm nay lạnh, tìm em (trên) gác tối,
 Trong tay em dâng cả (tháng) năm
 thừa,
 Có lẽ đầu tâm-linh (còn) trọn lối,
 Đề đi về Cay Đẳng (những) thu
 xưa... (7)

Tất cả những thẻ ấy đều là những câu thơ chia làm ba nhịp, nhịp đầu thường gồm ba chữ, các nhịp sau khi dài khi ngắn, nhưng đều theo đúng luật :

_____ B _____ T _____ B
 _____ T _____ B _____ T

Ta có cảm-tưởng rõ-rệt đó là những biến-thể của một nòng-cốt chung, một nhịp-diệu chung, cũng như câu thơ thất ngôn Tàu so với câu thơ ngũ ngôn vẫn chung một điệu-luật, chỉ có gia-tăng một nhịp hai chữ mà thôi.

Chỉ riêng trong trường-hợp ghép với lục bát để thành ra thẻ song-thất lục-bát thì hai câu thất-ngôn Việt mới có văn lưng, còn ngoài ra ở các trường-hợp khác người ta thấy nó thích văn chân.

Trong một nghìn năm văn-học của nước ta, những tác-phẩm lớn thực-hiện bằng những hình-thức dân-tộc còn lưu lại, hoặc trong văn-chương bác-học, hoặc trong văn-chương bình-dân, bất quá cũng không ngoài các thẻ lục-bát, song-thất lục-bát, ca-trù, thơ tám chữ và thẻ nói lối. Thì bấy nhiêu thẻ đều xuất tự hai cái nhịp-diệu nòng-cốt lục-bát và thất-ngôn Việt. Do đó người ta thấy rằng khi vượt qua khỏi những bề-bộn phong-phú bên ngoài thì lại gặp một cái căn-bản khá đơn-giản, rằng những phát-kiến về thi-luật của chúng ta lâu nay chẳng qua chỉ

là những chế-biến phối-hợp nhỏ-nhất chứ thật ra lối ngâm-ngã thực thích-hợp, với dân-tộc chung-qui vẫn quanh-quần trong vài nhịp-diệu cơ-sở mà thôi. Trong khi tìm-tòi chúng ta có thể tung thư ra nhiều hình-thức mới-mẻ tân-kỳ, nhưng sau một thời-giới sự lựa-chọn vô ý-thức của đa số lại đã đào-thải hết những hình-thức không gắn-gói, không thuận với vài cái cơ-sở đơn-giản ấy.

Nếu điều nhận-xét đó có phần nào đúng thì nó cũng giúp chúng ta một kinh-nghiệm trong công-cuộc quờ-quạng tìm-tòi về phần hình-thức giữa lúc đang xôn-xao cải-cách thi-ca này.

Ngoài ra — còn một điểm đáng chú-ý, là trong đôi ba mươi năm gần đây, những hình-thức phối-hợp giữa hai căn-bản lục-bát và thất-ngôn không thịnh-hành nữa. Điệu ca-trù đã thuộc về dĩ-vãng lâu rồi. Và trong phong-trào thơ mới trước đây, Hoài-thanh đã nhận thấy « song-thất lục-bát cơ-hồ chết, không hiểu vì sao ? » Rồi mãi cho đến bây giờ, trong giai-đoạn thay-đổi này xem ra cũng chẳng thấy mấy ai muốn hồi sinh lại thẻ thơ ấy.

Ngoài sự hỗn-hợp có tính-cách lộn-xộn trong một số ca-dao ra, thì ca-trù có lẽ là hình-thức phối-hợp có qui-tắc giữa lục-bát và thất-ngôn xuất-hiện sớm nhất. Vì trước đời Lý, tự thế-kỷ thứ 10, người ta đã có lối hát ả-đào. Tôi chưa được biết qua bài hát ả-đào thời-kỳ ấy có khác nhiều lắm với thẻ bài hát thành hình về sau này chẳng. Chỉ thấy bài hát Bát giáp thượng đào văn của Lê-đức-Mạo đời Lê, năm thế-kỷ sau đó, mà ông Kiều-thanh-Quế cho là bài hát ả-đào xưa nhất còn tìm được (8), thì vẫn là một lối phối-hợp giữa hai thẻ căn-bản ấy :

Mình mị phương xuân hảo,
Cồ vũ thái-bình dân
Xuân kỳ phúc, xuân vui tiệc hát,
Tụng thần hưu tâm giáp hoan-ngênh;
Miếu chu đối viết tam linh,
Mùi hương nức kình, tiếng sinh đưa
thành...

Và song - thất lục - bát là thể - thức phối - hợp có qui - tắc chặt-chẽ hơn, thì hình như cũng ra đời vào khoảng đầu thế - kỷ thứ 15 này. Đầu tiên trong Gia-huấn ca, người ta thấy lẫn-lộn với những đoạn lục-bát và những đoạn nói lỗi, có những đoạn song - thất lục - bát rất dài. Nhưng ở đây có những trường-hợp thất thường, đang dùng thể lục-bát bỗng dưng xen vào thỉnh - lĩnh vài câu thất - ngôn :

... Bữa thường dâng ngọt dâng bùi,
Nâng niu chào hỏi chẳng sai đâu là.
Nghĩ công khó-nhọc nuôi ta.
Đến ngày khôn lớn mong cho vuông
tròn.

Kề từ lúc hầy còn thai dựng.
Đến những khi nuôi nấng giữ-gìn,
Nặng-nề chín tháng cưu mang,
Công sinh bằng vượt bể sang nước
người...

hoặc đang thể nói lỗi bỗng chuyển qua thể lục-bát mà không tôn - trọng thi-vận :

... Từ cơm, canh, cá thịt mọi đồ,
Dầu nhiều ít sửa cho trong sạch.
Bằng nhưong ấy thân-minh lai-cách,
Câu « hữu trai » nên liếng đề đời,
Hoa thơm ai nữ bỏ rơi,
Người khôn ai nữ nặng lời đến ai...
Người ta còn trông thấy cái dáng-

đắp phóng - túng của một thi - thể mới phôi - thai. Mấy mươi năm sau, dưới triều Lê-thánh-Tông, trong tập Lê-Triều ngự-chế quốc-âm thi cũng có những đoạn song - thất lục - bát khá dài, và đúng niêm-luật :

... Chợt ngược trông Điều điều quán
dịch,
Uớm hỏi xem lai-lịch nhưong bao?
Tắt qua nẻo gác sông Đào
Luận công trị thủy, xiết bao công-trình?
Hương thần-kính, triều tôn cồn-cột,
Vững âu vàng nguyên-bồn đạt an,
Châu Cơ-xá lạ thiên-ban,
Bãi nhàn thán - thán, triện nhàn
thừa-thừa ... (9)

So luật thơ song - thất lục - bát hồi Hồng - Đức với luật thơ ấy ba trăm năm sau trong Chính - phụ - ngâm, ta thấy cách gieo vần có chỗ khác. Chữ cuối của câu tám chữ đời Hồng - Đức không vần với chữ thứ năm của câu thất-ngôn tiếp theo như về sau này, mà lại vần với chữ thứ ba. Cách gieo vần ấy về sau thỉnh - thoảng cũng có, nhưng chỉ là những vần bất thường. Vì đó mà luật thơ cũng khác đi ít nhiều : chữ thứ ba của câu thất - ngôn đầu về sau này theo luật thì là chữ trắc, ở đời Hồng-Đức vì cần để gieo vần nên chữ ấy lại là chữ bình. Những chỗ khác nhau đó không biết người ta đã sửa đời lúc nào. Thế-kỷ thứ 16 và 17 không lưu lại một tác-phẩm nào dùng thi-thể ấy. Rồi vụt một cái, tiền bán thế-kỷ thứ 18 đưa ra hai tác - phẩm tiếng - tăm, toàn viết bằng song-thất lục-bát : Chính-phụ-ngâm và Cung-oán ngâm-khúc. Căn-cứ vào tình - trạng

rực-rỡ của nền văn - học quốc - âm của thế-kỷ 18, ta nghĩ trước đó mấy mươi năm không lẽ không có những hoạt-động báo trước ! Chỉ tiếc ta không thể theo dõi những sửa - đổi của thể thơ song-thất lục-bát trong thời-kỳ đó. Điều giáo - huấn của Trịnh - phủ ban ra năm 1662 đã làm thiêu - hủy nhiều tài - liệu quý-giá.

Từ hình-thức hỗn-hợp tự-do phóng-túg của lục-bát và thất-ngôn trong ca-đao mà tiến đến một sự phối - hợp có qui-tắc chặt-chẽ trong song-thất lục-bát, đã phải một thời-gian năm, bảy thế-kỷ. Nhưng một khi thi-hành rồi, thể ấy lại không thịnh - hành được bao lâu. Không biết do đó ta có thể thêm một kết-luận nữa rằng : riêng - rẽ từng thể một, thì mỗi nòng-cốt lục-bát và thất-ngôn đều phát-triển mạnh-mẽ, tồn-tại lâu dài từ những ngày phôi-thai của nền văn-học dân-tộc cho đến ngày nay, nhưng mà sự phối-

hợp có tính-cách nhân-vi, mất tự-nhiên, giữa hai thể ấy, thì lại không đương-dầu được với thời-gian chăng ?

VI - 1957

VÕ - PHIẾN

(1) O là tiếng không cần theo luật, B là tiếng theo âm bình, T là tiếng theo âm-trắc.

(2) Trường-hợp ngoại luật của chữ thứ 3 câu trắc này cũng thường gặp trong thất-ngôn Việt (Ví-dụ : Ngoài đầu cầu nước trong như lọc)

(3) Những câu hát xanh (Tập-chí Tao-dân)

(4) Tuồng Ngũ-Hồ Bình - Liêu (Nguyễn-văn-Điêu)

(5) Thoát vòng danh-lợi (Nguyễn-công-Trứ)

(6) Đám Hội (Đoàn-văn-Cừ)

(7) Quên (Vũ-hoàng-Chương)

(8) Cuộc tiến-hóa Văn-học Việt-Nam (trang 110)

(9) Đoạn thứ ba của bài Bồ-đề thi

Quân - tử có ghét ai không ?

Tử-Cống hỏi Khổng-Tử :

— Quân-tử có ghét ai không ?

Khổng-Tử đáp :

— Có, ghét kẻ bêu xấu người ; ghét kẻ ở bực dưới mà nói gièm bực trên ; ghét kẻ dưng-đảm mà vô-lẽ ; ghét kẻ quả-cảm làm liều đến nỗi bế-tắc.

Khổng-Tử hỏi lại Tử-Cống :

— Tử có ghét ai không ?

Tử - Cống đáp :

— Tôi ghét kẻ rình-mò hành-vi của người mà tưởng mình là trí ; ghét kẻ không khiêm-tốn mà cho mình là dưng ; ghét kẻ công-kích điều lỗi của người mà cho mình là ngay thẳng.

KIM-TỰ-THÁP

Từ-Quyển ĐẶNG-VĂN-NHÂM



IM-TỰ-THÁP Ai-cập là một trong bảy kỳ-quan Thế-giới.

Người Á-Rập gọi Kim-tự - tháp là HARAM, số nhiều của chữ HARAM viết là HAMARÂT. Người

Ai-cập viết thêm đằng trước 1 chữ quán-từ PI nữa thành chữ PYRAMIS. (chữ này do chữ PHARAM (PI+HARAM) mà ra).

Ngày xưa, trước 11 triệu - đại đầu tiên của Ai - cập cho đến năm 3.000 trước Thiên-Chúa, những mồ-mả Ai-cập kiến - trúc đã có hình chữ nhật, giống như 1 Kim-tự-tháp đang xây dở-dang. Đến khoảng năm 1.600 trước Thiên-Chúa, những mồ-mả (mastaba) này bắt đầu kiến-trúc thành hình những Kim-tự-tháp nhỏ.

Từ lâu, các nhà thông - thái Tây-Phương đã lưu-tâm nghiên-cứu nguồn-gốc Kim-tự - tháp. Có thuyết cho rằng, vào thời cổ-sơ người Ai-cập xây Kim-tự - tháp để làm bờ đê ngăn gió, bão cát ở ngoài sa - mạc tràn vào ; hoặc dùng làm nơi trú - ẩn cho dân - chúng trong những trường-hợp bị lụt thành-linh do nước sông Nil dâng lên.

Nhưng theo Hérodote, Diodore, Strabou ... thì Kim-tự-tháp là nhà mồ ; nơi an-nghỉ cuối cùng của các vị vương Ai-cập.

Thuyết sau này xác-thực hơn cả.

Ngoài ra, theo Stael, kiểu kiến - trúc Kim-tự - tháp giống như hình ngọn lửa bốc trên giàn hỏa.

Ở Ai-cập có độ 80 Kim - tự - tháp ở vùng Abou - Rvash thuộc Fayorum (Bắc-

sĩ Lepsius nói có 67 Kim - tự - tháp ở vùng này), độ 100 cái ở Vubie ; và rải-rác ở các nơi khác như Sakkara, Dahshour ... Tất cả Kim-tự - tháp lớn nhỏ gì cũng đều nền vuông, 4 mặt là 4 hình tam-giác bằng nhau. Theo quan-niệm của người Ai-cập thì mỗi mặt Kim-tự-tháp đều thờ một Vị-thần Ament mà mỗi vị linh - ứng trên một phương-hướng.



Một Kim-tự-tháp ở Sakkara

Theo sử-gia Hy-lạp cổ Hérodote, và Ptolémée thì Éthiopie ngày xưa cũng có nhiều Kim-tự - tháp, và còn độ 80 dấu vết nằm về phía Nam.

Những Kim-tự-tháp này không được giữ-gìn kỹ-lưỡng, chia ra làm năm nhóm nằm thành hình móng ngựa mà bề dài đo được 450 thước.

Nhưng quan-trọng và vĩ-dại hơn hết là những Kim-tự-tháp ở Gizeh.

Ở Gizeh có ba Kim-tự-tháp cũ nhất và lớn nhất thế-giới, do ba vị vua của triều-đại thứ tư Ai-cập (2.680 - 2540 trước T.C.) xây cất lên là :

- Vua Chéops xây Kim - tự - tháp Khoufou.
- Vua Chephreu » Khafra.
- Vua Mycerinus » Menkara.

KIM-TỰ-THÁP KHOUFOU. —

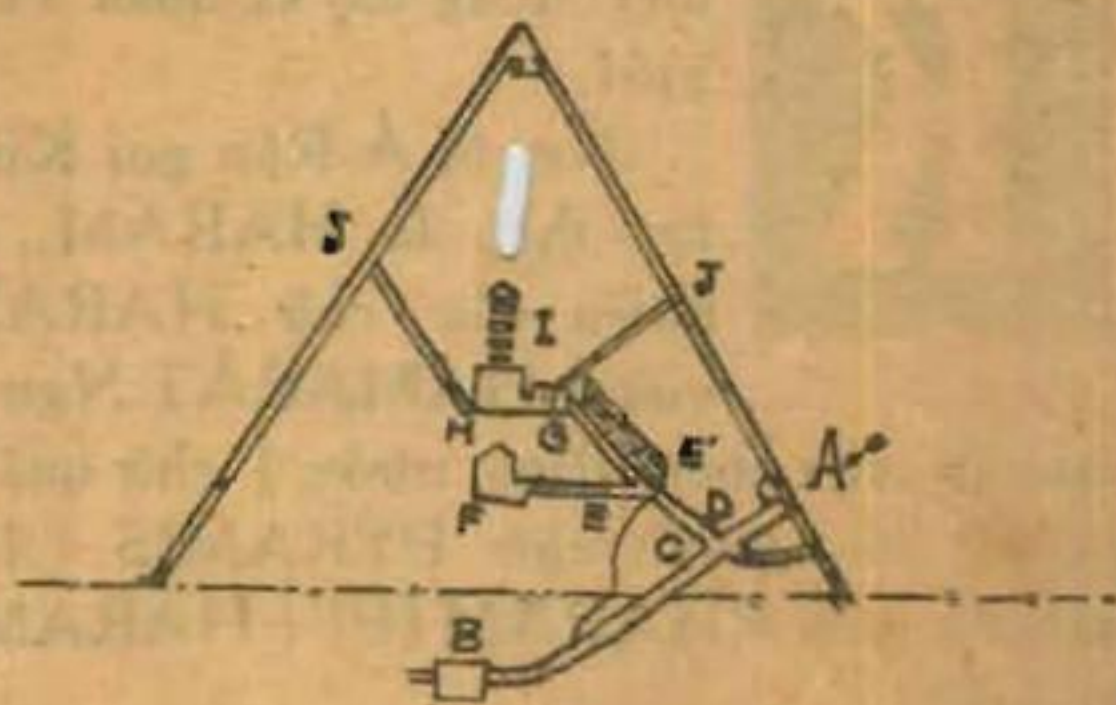
Kim-tự-tháp Khoufou (thường gọi là Kim-tự-tháp Chéops) là lớn hơn hết. Bề cao đo được 145 thước, mỗi mặt bên dưới chân đo được 233 thước, và mỗi góc nghiêng $51^{\circ}50'$.

Tổng-số đá ở Kim - tự-tháp này, nếu gộp lại, được 25 triệu thước khối. Một con số quá sức-tưởng-tượng !

Theo Hérodote, một sử - gia lỗi - lạc của Hy-Lạp cổ thì, kiến - trúc Kim-tự-tháp Khoufou phải tốn đến 370.000 nhân-công, làm việc ròng-rã suốt 30 năm trời : 10 năm đắp đường để chở đá, 20 năm xây cất.

Kim-tự-tháp Khoufou phải làm bằng nhiều thứ đá có nhiều màu khác nhau và đã được đục gọt nhẵn-bóng.

Thiết-đồ Kim-tự-tháp Khoufou



Điểm A là cửa vô Kim-tự-tháp cao hơn mặt đất 14 thước. Sau khi đẩy những phiến đá cản ngang trước cửa, người ta vào trong một cái hành-lang dốc độ một thước, đi thẳng xuống đến điểm B là một căn phòng rộng có vẻ còn đang dở - dang chưa xây xong, rồi đến một con đường cụt.

Không thể đi tới nữa được, người ta quay lại, trở về điểm **C**. Nơi đây có một cái hành - lang dốc cao lên tức là điểm **D**. Về sau con đường này chia ra làm hai ngõ **E** và **E'**. Ngõ **E** là một lối đi bằng-thẳng đến một căn phòng có mái nhọn. Phòng này gọi là *Phòng Nữ-Hoàng*, tức điểm **F**. Ngõ **E'** là một hành-lang rộng và dài. Bề dài được 45 thước, cao 8 thước, làm toàn bằng đá nhẵn. Đường này dốc cao lên, đưa người ta tới một trở - ngại mới, có một phiến đá cát chắn ngang. Người ta phải đem dời phiến đá cát này đi chỗ khác để vào trong điểm **G**. Nơi đây có 4 chân rào mọc lên lờm-chờm. Người ta phải bẻ gãy những chân rào ấy, xong rồi mới đi thẳng vào hầm mộ của nhà vua, tức điểm **H**. Hầm mộ cao gần 6 thước, dài 10 thước, ngang 5 thước. Người ta khám-phá được ở nơi đây một cái quan-tài bằng đá cát, (sarcophage) trống không.

Bên phải và trái của hầm mộ có 2 ngõ thông hơi, tức 2 điểm **J**. Bên trên hầm mộ còn có 5 căn phòng cất những vật-dụng thừa, không dùng đến, tức điểm **I**. Phòng trên chót thì có nóc nhọn. Những phòng này có tính-cách làm giảm áp-lực, sức nặng của đá gạch.

Trong hầm mộ có một gian thờ-tự, nơi đây chỉ có những giòng chữ viết theo lối tượng - hình (hiéroglyphes) bằng màu đỏ để tên vị vua chôn ở đó và một quan-tài trơ-trọi.

Nguyên-do có những đường ngoắt-ngoéo, quanh-co trong Kim-tự-tháp là để đánh lạc đường những kẻ trộm luôn luôn rình - mò, thêm khát vào trong lấy trộm những kho vàng quý-giá của các vị vương-đế đem chôn theo.

KIM-TỰ-THÁP KHAFRA —

Khafra là Kim-tự-tháp lớn vào bậc nhì, nằm về phía tây-nam, mà mặt phía đông thì là sông Nil. Ngõ vào đã do Belzoni khám-phá được vào năm 1818. Bên trong chỉ có một quan-tài rỗng bằng đá cát đỏ. Trên vách có những giòng chữ Á-Rập ghi rằng : « Kim-tự-tháp này đã khám-phá được do Ali-Mohammed, một vị vua kế-vị « Saladin. »

KIM-TỰ-THÁP MENKARA —

Lớn vào bậc thứ 3 ở Gizeh, ngõ vào đã khám-phá được do Caviglia. Bên trong có ba phòng : phòng cao nhất có 1 hộp đựng xác ướp bỏ trong một quan-tài bằng gỗ Cèdre. Phòng này có một ngõ dốc xuống phòng thứ nhì có một quan-tài bằng đá cát hồng cân nặng 3 tấn.

Về phía Nam Sakkara còn có 4 Kim-tự-tháp nữa ở vùng Dahshour mà 2 cái bằng đá và 2 cái bằng gạch. Trong số hai cái Kim-tự-tháp gạch có một cái ở Morgan đã khám - phá được vào năm 1894. Trong đó, có một kho-tàng gồm 104 món đồ trang-sức quý-giá vào đời vua thứ 12 của Ai-cập.



Hầu hết các ngõ vào Kim - tự - tháp đều nằm về phía Bắc và khám-phá ra do một số các nhà thông-thái thích phiêu-lưu, mạo-hiêm của Âu-châu như Niebuhr (vào năm 1761), Davison (1763), Hamilton (1801), Caviglias (1817), Belzoni (1818) và Đại-Tá Howard Vyse (1837), tác-giả quyển « the Pyramides of Ghizeh (Londres, 1839-1842).

Nhưng theo các sử-gia Á-rập thì vào khoảng đầu thế-kỷ thứ IX có tên Al-Mamoun đã khám-phá được lối vào trong Kim-tự-tháp, để lấy trộm những kho-tàng quý - báu chôn giấu trong đó.

Muốn xây Kim-tự-tháp, người Ai-Cập phải lấy đá trong những dãy núi Á-rập. Vì đá vùng này bền chắc hơn những nơi khác. Rồi họ đẽo đá ngay tại những hầm đá ở Tourah.

Muốn chở đá về chỗ xây, người Ai phải dùng xe trượt (giống xe trượt tuyết ở những vùng băng-giá), và đắp những bờ đê chắc-chắn làm đường cho xe đi dễ-dàng, vì xung-quanh đều là sa-mạc cát lún. Những bờ đê này hiện nay hãy còn hai dấu-vết ở Ai-Cập.

Sau khi xe trượt đã chở đá đến bờ sông Nil, người ta bèn trục đá xuống sà-lan để chở về chỗ xây Kim-Tự-Tháp.

Nhưng đá ở Tourah không đủ để xây một Kim-Tự-Tháp vĩ-dại, nên người Ai phải dùng đến đá cát (granit) đem về từ miền Nam Ai-Cập, vùng Assouan, hay những vùng xa-xôi hơn nữa.

Những đá cát màu hồng thì lấy trong những thung-lũng Hammamat, cuối dãy sa-mạc rộng lớn mênh-mông của Á-Rập.

Về sau, các nơi khác cũng có xây Kim-tự-tháp như :

— Ở Mỹ, chính giữa dãy sa-mạc mênh-mông miền Bắc có một Kim-tự-tháp bằng đá gồm 52 bậc, dãy từ 48 phân đến 97 phân và dài độ 1 thước 62 đến 2 thước 59 phân. Ở Mễ-tây-Cơ (Mexique) vùng Téotihuacan cũng có nhiều Kim-tự-tháp, cái lớn nhất đo được 71 thước 78 bề cao và 208 thước nền.

— Ở Bénarès thuộc Ấn-độ, ở Bắc-kinh, ở Suka trong đảo Java, cũng có nhiều Kim-tự-tháp đã kiến - trúc từ lâu, song không ai rõ vào thời-kỳ nào.

— Ở Rome cũng có Kim-tự-tháp đã xây vào những năm 20 hay 30 trước T.C.

Về sau ảnh-hưởng Kim - tự - tháp lan-tràn vào kiến-trúc khắp nơi, nhất là ở Âu-Châu. Như mộ của Thống-Chế De Saxe, một tác-phẩm kiến - trúc điêu - khắc hình Tiêm - Tháp của Pigalle ; nhà thờ Saint - Thomas ở Strasbourg ; mộ của Công - Chúa Christine nước Áo ; những ngọn hải-dăng, những đền chùa Trung-Hoa ; những mái nhà « Bánh Ích » ở miền Nam Việt-Nam, những lăng-mộ của Hy-Lạp, La - mã, 4 nóc nhỏ của nhà thờ Sacré-Cœur ở Montmartre, nhà thờ Saint-Pierre ở Rome.

Ngoài ra, François Boudel còn cho cất cổng Saint-Denis, năm 1671-1672 theo hình Tiêm - tháp, di-tích kỷ - niệm những thắng lợi của vua Louis XIV.

Ở bên Đức, đã có lần bác-sĩ Lepsius trình-bày phương-pháp kiến-trúc Kim-tự-tháp để giải-thích khoa-học kiến-trúc Ai-Cập cổ mà chưa ai khám-phá nổi.

Đây là sơ-lược phương-pháp kiến-trúc Kim-tự-tháp theo Bác-sĩ Lepsius :

— Trước tiên, người ta xây một hình tiêm-tháp cao, nhỏ. (hình A)

— Muốn to thêm, người ta xây bọc một lượt vỏ bên ngoài, nền vuông rộng, 4 góc thoai - thoải qui lên đỉnh nhọn của hình A (hình B).

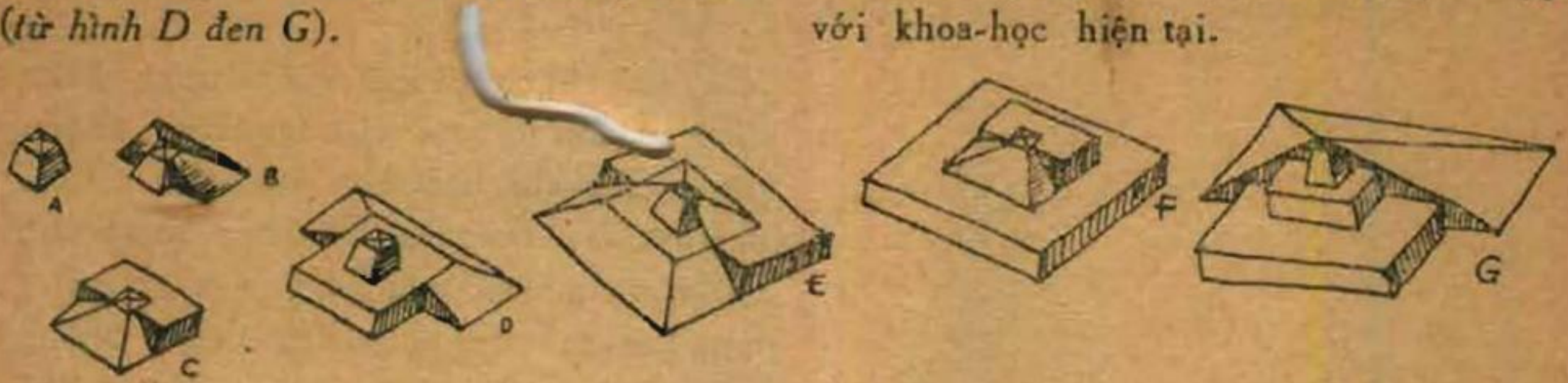
— Muốn cao hơn, người ta xây bít cả hình A và B, tạo thành một nền đá cao vuông mặt phẳng (hình C).

— Trên nền đá cao vuông mặt phẳng, hình C, người ta lại xây thêm một hình Tiêm-Tháp nữa chồng lên ở chính giữa làm « nhân » (hình D).

Rồi cứ thế mà tiếp-tục mãi cho đến khi Kim-tự-tháp trở nên vĩ-dại theo ý muốn (từ hình D đến G).

tốn nhiều công-lao, trí-não mà vẫn không thu-thập được một kết-quả gì tương - đối khả-quan hơn cái chất ướp-xác thông-thường ở các bệnh-viện hiện-thời.

Công việc ướp-xác của người Ai-Cập cổ là cả một nghệ-thuật tinh-vi, phù-hợp với khoa-học hiện tại.

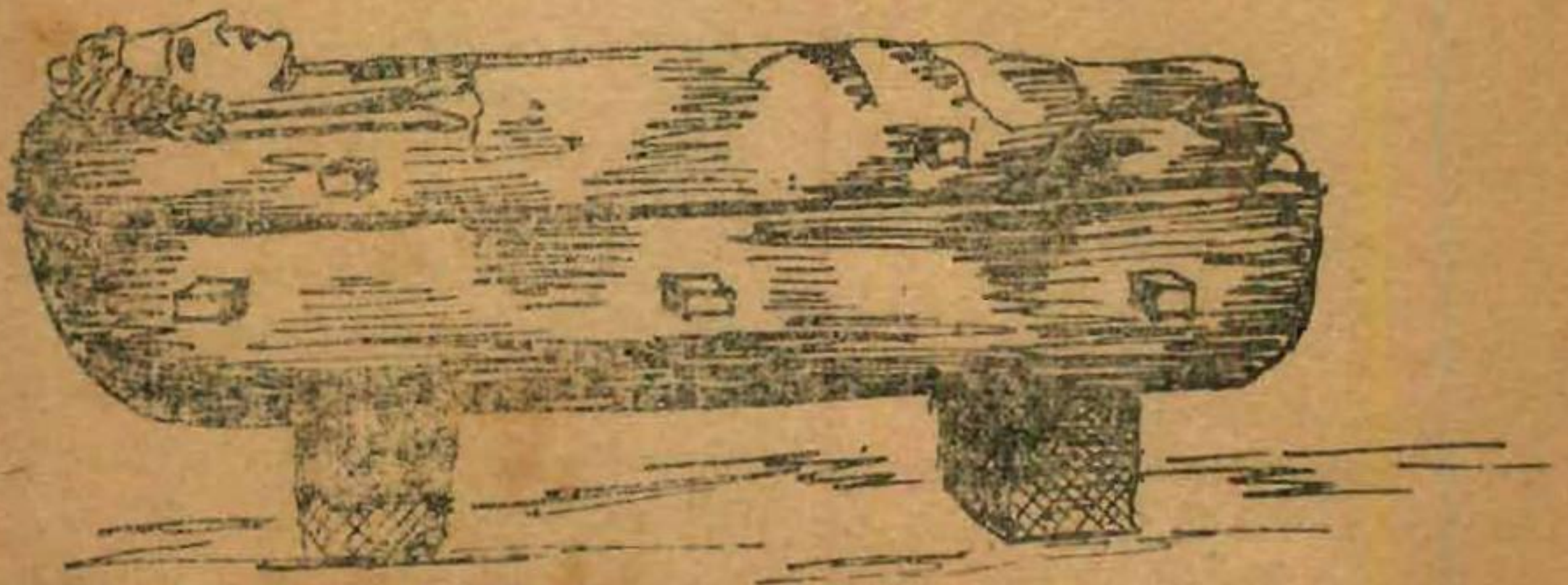


KHOA ƯỚP-XÁC CỦA NGƯỜI AI-CẬP CỔ

Trên thế - giới, ai cũng nhìn - nhận nghệ - thuật ướp - xác của người Ai-Cập cổ rất tài - tình, trải hằng trăm năm xác vẫn tươi-tốt, không bị nhăn-nheo, hư-thối. Khoa-học ấy đã có từ thời tối - cổ mà chính lúc phát-mình ra chắc có lẽ người Ai-Cập cũng không có quan-niệm khoa-học về vấn-đề này. Vì thế, họ không lưu lại cho nhân-loại hậu-tiến được một qui-thức nào cả ; để lớp người khoa-học sau này đã

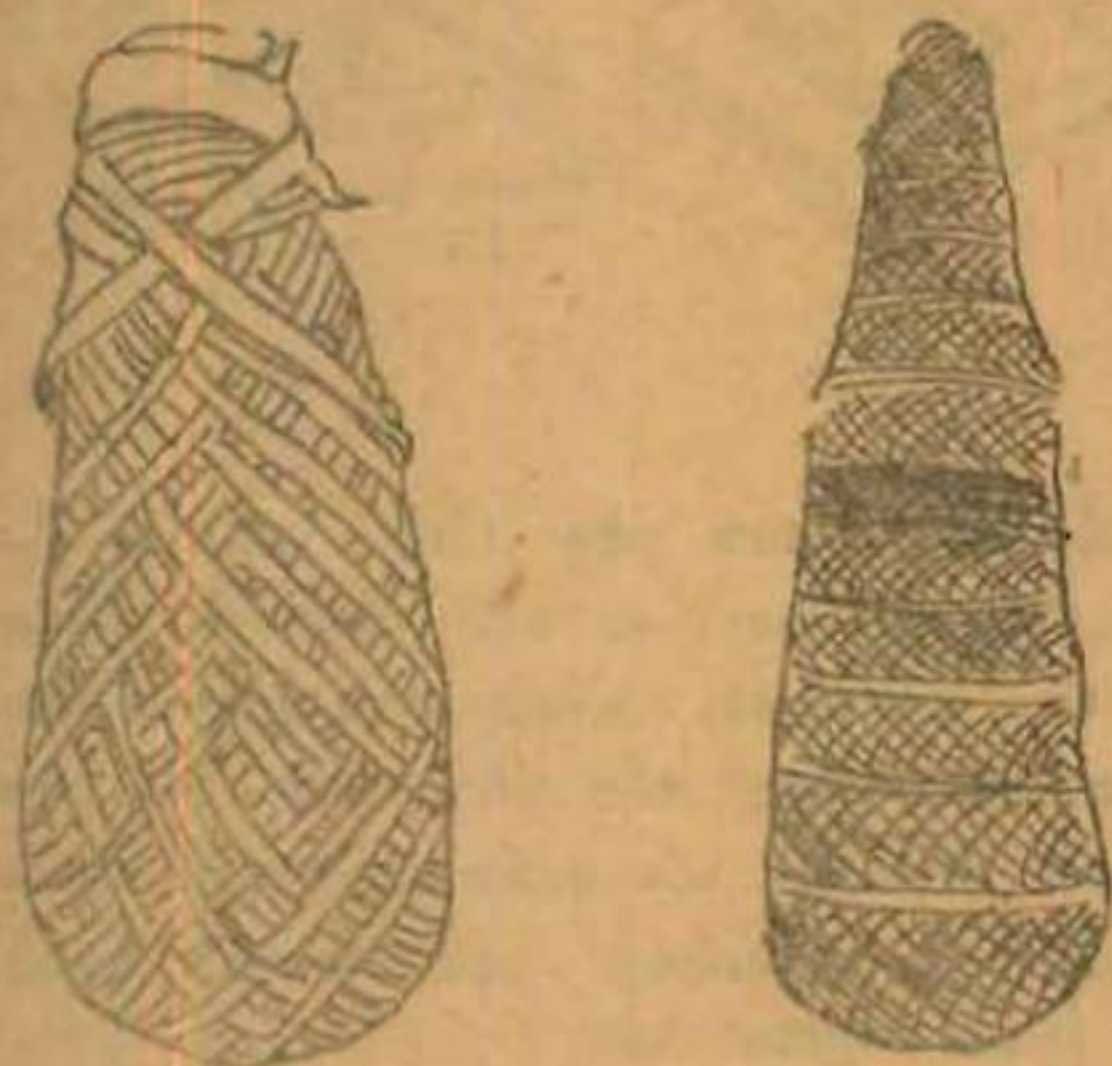
Lúc thân-nhơn vừa chết, người Ai bèn tắm rửa sạch-sẽ xác chết ấy bằng một thứ rượu sát - trùng. Sau khi đã tắm rượu sát - trùng vào xác chết, họ bèn lấy một thứ lụa tốt quấn xung-quanh rất kín-đáo và kỹ-lưỡng như ta gói bánh tét, bánh chưng vậy.

Xét trên phương-diện khoa - học và kinh-nghiệm thường - thức, ta thấy hễ bánh chưng càng gói kỹ, « gói chặt tay » bao nhiêu thì càng lâu thiu bấy nhiêu. Vậy công việc gói xác này cũng là một phần quan-trọng trong sự ướp-xác, giữ cho khỏi thối.



Quan-tát bằng đá của người Ai-Cập (Sarcophage) hiện trữ ở Musée du Louvre)

Sau khi đã quấn xác chết kỹ-càng rồi, người Ai bèn đặt xác ấy vào một quan-tài bằng gỗ Pémou, là một loại gỗ rất quý, chỉ có ở những khu rừng cổ-sơ (Forêt primitive). Hoặc nếu không có gỗ Pémou thì người Ai đặt xác chết vào trong một quan-tài bằng đá (sar cophage) mà xung



Xác ướp (Momis) của người Ai-Cập quấn bằng những giải nhỏ. Hai kiểu quấn khác nhau.

quanh có lót một lượt vỏ cây papyrus để bảo-vệ cho xác khỏi bị hư-hao.

Bất cứ phương-pháp này, song không có nguyên-liệu, người Việt-nam, cũng như hầu hết dân chúng các nước khác trên thế-giới, đều lót xác chết trong hòm bằng một lượt bao giấy bản hình tròn, nhái theo hình vỏ cây papyrus ; dụng-ý cũng mong cho xác-chết được êm và không bị hư-hao chóng quá.

Quan-tài người Ai - Cập đặt trong một căn phòng nhỏ hẹp, kín - đáo có đốt nhiều trầm nên dễ cho cháy hết dưỡng-khí. Khi đốt cháy hết dưỡng-khí chung

quanh xác-chết tức đã giết được một loại vi-trùng nguy-hiêm sống nhờ dưỡng-khí (microbe aérobie) sẽ làm thối cơ-thể xác chết.

Sau đó, họ gán kỹ nắp quan-tài lại và đem đặt trong nhà mồ, hay trong Kim-tự-Tháp v.v...

Bấy giờ chỉ còn có một loại vi-trùng không đáng sợ nữa là loại vi-trùng sống không cần dưỡng-khí (microbe anaérobie). Loại vi-trùng này sẽ quấn lên xung-quanh bao xác-ướp (momis) một lượt « tơ hồng » vàng óng-ánh như ta thường thấy ở những tấm gỗ mục, trên các bụi cây dưới ở nhà quê v.v...

Ngày nay, nhân-loại đã văn-minh tốt bụng, nhưng vẫn chưa đạt được khoa-học ướp-xác tinh-khéo ấy một phần là tại thiếu nguyên-liệu thiên-nhiên.

Chữ tượng-hình (hiéroglyphes)

Ngay từ thời tối-cổ, 3.000 năm trước Thiên-Chúa, giữa lúc nhân-loại ăn lông ở lỗ, người Ai-Cập, đã sáng-tạo ra được một lối chữ viết, để truyền-thông tư-tưởng với nhau cho dễ-dàng. Đó là lối chữ tượng-hình mà sau này những nhà khảo-cổ đã lưu-tâm tra-cứu, tìm tòi, và khám-phá ra được nhiều điều hay lạ trong những câu nguyên-rủ sâu-độc những kẻ trộm của người Ai đã ghi trên vách Kim-tự-Tháp.

Ngoài ra, cũng có những câu của các vị vua viết nên, như giòng này của Horus :

Theo Perriet dịch là : Người là một đề-tài buồn thảm (cho ta) làm ta sống trong tình-trạng sức-động.

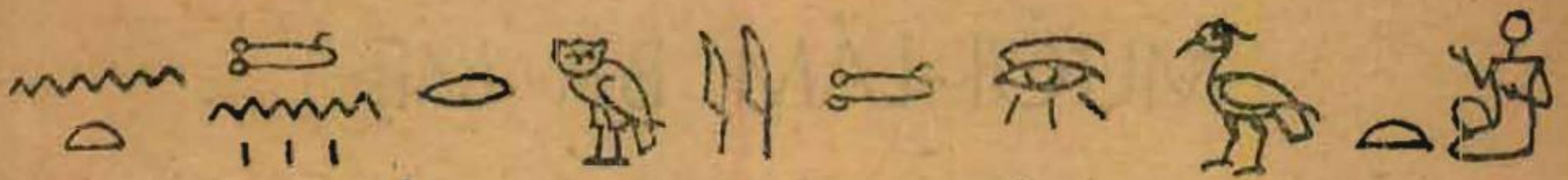
Chabas dịch là : Người đã rơi lụy và ta cho người hưởng hạnh-phúc.

M. Lefébure dịch là : Người đã khóc bằng mắt ta.

Tuy là lối chữ tượng-hình, song cũng có văn-phạm hẳn-hoi. Nhiều nhà khảo-cổ đã thừa nhận điều đó và lối chữ này hiện nay không còn gì là bí-hiềm với sự thông-minh, tiến-bộ của nhân-loại nữa ; mặc dầu

toàn bất-lực trước một kiến-trúc vĩ-dại như vậy,

Còn nếu xét trên phương-diện nghệ-thuật thì nhân-loại thời thượng-cổ quả đã có ý-thức mỹ-thuật rất cao, mà Kim-tự-tháp là một bằng-chứng cụ-thể. Chính Kim-tự-tháp đã khơi-nguồn cho nhiều sáng-



có nhiều điểm dị-đồng về dịch-thuật.

Đến nay, đứng trên phương-diện khoa-học mà nhận-xét, nhân-loại phải nghiêng mình thán-phục nền văn-minh thời tối-cổ. Vì nhiều nhà bác-học lừng-danh trên thế-giới đã phải nhìn-nhận rằng nền văn-minh cơ-khí của chúng ta ngày nay hoàn-

tác-phẩm kiến-trúc mỹ-thuật khác trên thế-giới hiện thời.

VII 57

Từ-Quyền ĐẶNG-VĂN-NHÂM

LẤY hạnh - phúc người làm hạnh - phúc mình là niềm vui tuy đạm bạc nhưng làm tâm hồn được sung mãn.

NONORÉ ESQUERRÉ

MƯỜI-LĂM BÀ MẸ

kể lại cho các bạn họ đã

« ĐỂ KHÔNG ĐAU »

như thế nào

Có THOẠI-NGUYỄN dịch

LỜI NGƯỜI DỊCH : « Bách-Khoa » số 2 có đăng bài có Minh-Phong phỏng-vấn hai nữ bác-sĩ Dương-Quỳnh-Hoa và Nguyễn-Thị-Lợi về vấn-đề « **Để không đau** ». Qua số 5 và số 6, nữ bác-sĩ Dương-Quỳnh-Hoa tóm - tắt sơ - lược 9 bài học cho người sản-phụ hiểu và làm theo để cho thành - ngữ « mang nặng đẻ đau » chỉ còn đúng có phần nửa đầu.

Chúng tôi cũng như lắm bạn đọc, cả nữ lẫn nam, đều mong chờ những loạt bài kế tiếp để hiểu rõ và kĩ hơn vấn-đề cực - kì hệ - trọng ấy, vì nó sẽ « giải thoát » hơn phân-nửa nhân-loại. Tiếc thay, đến nay chúng tôi vẫn mong chờ. Tình-cờ chúng tôi được đọc bài sau đây trong một tạp-chí Pháp, tờ « *Votre enfant* » tháng 11 - 1956, nghĩa là bài đăng cách đây gần mười tháng. Cứ người mới ta, nên chúng tôi xin dịch lại, để thêm một bằng-chứng, và cũng để gọi là thúc-giục hai nữ bác-sĩ nói trên, nhất là khi chúng tôi được biết có lắm bạn phụ-nữ, khi nghe đọc các bài về « **Để không đau** », tỏ vẻ hoài-nghĩ, hỏi : « Để mà không đau, chớ làm gì mới đau ? »,



Ở Saint-Marin-Vesuble, một thị-trấn nhỏ cách Nice 60 cây số, Jean-Paul Le Chanois đang quay (1) một phim mà cái tên tạm thời là « không đau ».

Phim này sẽ tặng cho tất cả những bà mẹ tương-lai, cho tất cả những phụ-nữ đã đẻ không đau, cho các y-sĩ, cho các cô đỡ và sau cùng cho các đức phu-quản, vốn trước là những người chứng khó chịu mà người ta để ngoài hành-lang bệnh-viện, nay trở thành những cộng-tác-viên sốt-sắng của vợ mình và của người họ-sinh.

Khán-giả sẽ được chứng-kiến việc đẻ không đau thật sự, bởi vì công-cuộc này sẽ được quay thành phim trong một bệnh-viện ở Paris với sự cộng-tác của vị y-sĩ đã du-nhập phương-pháp này vào nước Pháp.

Jean-Paul Le Chanois đã phỏng theo tác-phẩm mới nhất của Bác-sĩ Vellay và Alive Vellay - Dalsace để xây-dựng chuyện phim, tác-phẩm ấy, nhan-đề là : « Bằng-chứng về việc Đẻ-không-đau theo phương-pháp tâm-lý phòng bệnh. »

Cuốn sách này, rất hợp với nhân-dạo, chứng-minh cho sự đặc-thắng của việc đẻ không đau. Các bà mẹ trẻ kể lại những cảm-giác về những biến-đổi họ cảm thấy trong lúc có mang và trong khi họ đẻ là một lời giải-nghĩa khoa-học về phương-pháp đẻ không đau. Quyển sách này là bằng-chứng kinh-ngạc nhất về sự tự-thắng của người đàn bà.

Các bạn sẽ thấy dưới đây vài đoạn trích trong những tờ báo-cáo mà hằng trăm người đàn bà đã đẻ không đau gửi cho bác-sĩ Vellay. Đề cho dễ hiểu hơn, chúng tôi đã sắp-xếp những bức thư này theo sự tiến-triển của bào

thai và việc đẻ. Chúng tôi cố-ý gạt qua một bên những thất-bại về lý-do y-học không dính-dấp gì đến ý-chí của người mẹ.

Sau đây là tất-cả những giai-đoạn của một cuộc đẻ không đau thành-công, từ lúc người mẹ tương-lai bắt đầu chuẩn-bị cho đến khi đứa bé chào đời.

ĐIỀM THỨ NHỨT :

Gột rửa những thành-kiến (bà Nelson, 23 tuổi)

... Ban-sơ, đó là một sự giáo-dục tinh-thần. Sự giáo-dục này, trong việc đẻ không đau, là yếu-tố hoạt-động nhất và quan-trọng nhất, bởi lẽ đầu óc của người phụ-nữ cần phải lột rửa cả một quá-khứ : nào là thành-kiến, nào là sợ-hãi và chủ-nghĩa ngu-dân. Tiếp đến là cả một chương-trình tập-luyện thể-chất cần phải theo với tất-cả kỹ-thuật và thiện-ý. Bác-sĩ nói với tôi :

« Như một người lực-sĩ chánh-tổng tập-duyet đề tranh-tài. »

ĐIỀM THỨ NHỊ

Biết cái gì sẽ xảy ra. (Bà Zajdela)

... Tôi được giải-thoát khỏi cái thứ sợ-hãi âm-ỉ nó xâm-chiếm lấy tôi mỗi khi tôi nghĩ đến những gì sẽ xảy tới cho tôi.



(Bà Du Roguet, 23 tuổi)

... Biết rõ con người tôi lúc ấy thế nào, con tôi nằm ra sao, cái gì sẽ xảy

(1) Các bạn nên nhớ bài này đăng báo tháng 11 năm 1956. Gần mười tháng rồi, chắc phim đã hoàn-thành,

ra cho tôi lúc nó chào đời, và tôi sẽ phải làm đúng những gì trong lúc ấy, điều đó đã đem lại cho tôi niềm tin trong mấy tháng cuối.

ĐIỂM THỨ BA

Tập-luyện thể-chất và tinh-thần mình (Bà Guillenoud, 20 tuổi)

... Thật thế, không phải chỉ cần có tinh-thần mạnh và một ý-chí vững, mà cũng cần cả sự chuẩn-bị thể-chất, phải tập-duyet kiểm-soát chặt-chẽ những cử-dộng phản-xạ của mình; nhưng chúng ta đừng quên rằng, bất-cứ công-việc gì về thể-chất cũng không thể thành-tựu nếu nó không được tinh-thần luôn-luôn điều-khiển. Thế nên, muốn để không đau, cần phải có một thể-chất và một tinh-thần mạnh.



Giờ đây, người mẹ tương-lai đã được giải-thoát khỏi nỗi sợ-hãi ngấm-ngấm nó siết chặt lúc người nghĩ đến việc sinh đẻ. Người không thụ-dộng chịu cái thai, người chuẩn-bị việc đẻ của mình, người học coi mình được cấu-thành cách nào. Người tập-luyện hằng ngày. Tóm lại, người đã học vai tuồng của mình.

Song vai tuồng ấy, người không phải đóng một mình. Chồng người, thầy thuốc người, huấn-luyện-viên của người sẽ giúp-đỡ người.



Vai tuồng của người chồng.

(Vai tuồng này cốt-yếu. Đây là những ý-nghĩ của ông Juquin :)

... Cuộc chuẩn-bị chung về việc sinh đẻ tạo ra nhiều dây ràng-buộc mới. Đúng vào lúc mà bao những nỗi lo-âu khiến tôi tự co quắp lại, tự đứng riêng trong một sự cố-gắng khác hướng với vợ tôi, thì những cuộc tập-luyện hằng ngày của chúng tôi như cho tôi đi sâu vào cơ-thể và tâm-linh của vợ tôi và tạo nên một sự thân-mật mới, làm chúng tôi nhịp cùng một điệu...

(Và bà vợ ông viết như sau :)

... Tôi đã nhấn mạnh vai tuồng cộng-tác của người chồng trong việc đẻ không đau. Tôi nghĩ rằng việc sinh đẻ này mở đường cho lối giải-quyết mới vấn-đề đôi-lứa. Chúng tôi không ao-ước đứa con thứ nhì, thế mà suốt cả thời-kỳ chuẩn-bị lâu dài, chúng tôi đã bền-lòng và chăm-chỉ mong đợi nó. Nhờ « Để không đau », nên sinh con không còn là một hành-dộng ngăn-ngủi và duy-nhất, mà là một việc sáng-tạo lâu dài của đôi-lứa cùng cố-gắng.



(Bà L., 27 tuổi)

... Hai lần sinh trước, chồng tôi không dự-kiến được—lần này sự có mặt của người rất là quý-báu đối với tôi. Chẳng những điều ấy cho tôi một cảm-giác an-toàn, làm tan mọi lo-âu, mà nhất là, khác mấy lần trước, tôi chẳng có cảm-tưởng rằng đây là một cuộc thí-nghiệm « một mình mình biết, một mình mình hay », một cuộc chia-li càng nặng-nề vì tôi phải nằm bệnh-viện; chính điều này khiến tôi nóng-nảy, bồn-chồn về nhà để cho chồng tôi « làm quen » với đứa con và để tìm lại sự thân-mật đã

sút mẻ phần nào do cuộc thí-nghiệm mà chỉ có mình tôi chứng-kiến.

Huấn-luyện-viên và thầy thuốc cũng phụ vào

(Bà Mattéi, 35 tuổi)

... Tôi thấy cần phải nhấn mạnh vai trò quan-trọng của bà D. trong sự thành-công của tôi. Bà đáng khen, bởi vì cả hai chúng tôi đều có công cả. Gương mặt bà dần ra, việc bà chú-ý coi chừng những lúc thai gò, vẻ dịu-dàng của bà, tất cả những điều ấy quả là rất cần-thiết cho tôi.

(Bà C., 35 tuổi)

... Đây, lúc thai gò; bác-sĩ chỉ-huy công việc, bảo phải rấn làm như thế nào. Bà D. (Huấn-luyện-viên của tôi) khuyến-khích tôi, đề ý mọi việc. Ở đây, tôi phải nhấn mạnh rằng tôi cảm thấy mình kẹt trong một « ê-kíp » (2) ... Mỗi người có sẵn một chỗ, một nhiệm-vụ và lo làm tròn; tôi, tôi không thể trốn tránh. Điều này đối với tôi thật là cực-kì hệ-trọng.

... Tất-cả ê-kíp đều sẵn-sàng trong việc hộ-sinh; người mẹ tương-lai không phải một mình « vượt cạn » Người biết rõ phương-pháp và sắp có thể thi-hành phương-pháp ấy.

Gần như một trò chơi

(Bà B., 31 tuổi)

... Lúc đầu, người ta cảm thấy thai gò chậm-chậm, ta chờ nên chờ nó mà phải tự mình làm sao ăn nhịp với nhịp thở, chậm-chậm, rồi hơi mau một tí, và chậm lẫn-lẫn. Thật là dễ, gần như một trò chơi, như con mèo rình mồi vậy.

Mọi việc đối với tôi đều dễ

(Bà Mattéi, 35 tuổi)

... Hể vừa cảm thấy thai gò là tôi bắt đầu tập-luyện cho bắp-thịt dần ra. Trong gần hai tháng, tôi đã làm chơi những cử-động này để tập dượt và giờ đây, tôi thấy rằng « việc đó ờn-thỏa » thật, vì thai gò không đau-đớn gì cả. Ngay khi mới bắt đầu sanh, mọi việc đối với tôi đều dễ.

Những cơn gò kề nhau

(Bà Bolzeau, 29 tuổi)

... Ngay lúc đó, những hồi thai gò kề nhau hơn, trở nên mạnh hơn; tôi bắt đầu thở hồn-hên vào lúc 2 giờ 30. Điều này đối với tôi là thời-kì thích-ứng, thích-ứng để tìm đúng khởi-diểm của mỗi lần gò, thích-ứng để thực-hiện một sự vận-chuyển đồng thời của cái gò và cái thở hồn-hên.

Tôi áp-dụng cái thở hồn-hên

(Bà G., 35 tuổi)

... Cái thở hồn-hên này tự nó thích-ứng với nhịp mạnh ít hay nhiều của cái gò. Tôi ngạc-nhiên cảm thấy những lúc từ-cung nở mạnh cũng giống như lúc thai gò chớ không cảm thấy « đau »

Tôi nhớ lúc sanh trước, tôi như bị đau bụng thiên-thời nặng, cơn đau cứ tăng lẫn mà tôi thì cứ gồng lại để chịu đựng giờ, đối với tôi, không còn chút nghi-ngờ gì nữa, phương-pháp ở đây thành-công 100%/o.

(2) Dịch âm tiếng Pháp « équipe » : một số người cùng làm một việc hay chung một trò chơi thể-thao, dưới một màu cờ, cùng một phe.

Giờ đây, tử-cung gần nở trọn, người mẹ tương-lai vào phòng sanh. Sau đây là năm bằng-chứng hùng-biện.

(Bà Motté, 35 tuổi)

... Thế là những cái gò cứ mỗi phút mỗi gần nhau thêm, và bắt tôi phải chú-ý, khiến tôi như ở trong tình-trạng của người chạy đua cảm thấy mình gần tới đích ; thật là một cuộc thi-tài thật-sự về thể-tháo ; mỗi người khuyến-kích tôi mỗi cách, tùy theo vai trò của họ. Và khi thầy thuốc nói với tôi : « Bà rặn mười lăm hơi, thì cháu nó ra », và sau đó một chút, khi chồng tôi nói tiếp : « Anh thấy tóc nó rồi » thì như Zatopek (3), tôi lao mình về « mức », tôi rặn có năm hơi là con tôi chào đời.

(Bà Laborde, 25 tuổi)

... Bác-sĩ làm tôi phấn-khởi thêm. Chắc tôi có thể làm hơn ; vì tôi hơi ỷ-lại vào ông và tôi hơi ít cố-gắng khi biết gần tới đích. Năm hay sáu lần, chúng tôi tập đi tập lại, rồi đến câu tuyệt-cú : « Đừng rặn nữa ! » — Cái đầu ở trên hội-âm ; tôi biết rằng trên thực-tế, đầu đó xong-xuôi rồi, vì thế mà gần như là tự-nhiên, tôi nghỉ hẳn...

(Bà Le Flem, 27 tuổi)

... A ! đúng lắm, tôi sung-sướng biết bao lúc vào phòng sanh ! Tôi đã qua một giai-đoạn rặn ra thật lý-thú. Hoạt-động, chăm-chú, nhưng mà bình-tĩnh, nghỉ-ngơi khi cần, tôi cảm thấy đứa con tôi ra từ-từ, và thật là một việc « thể-gian hi-hữu ». Rặn có ba hơi là con ra.

Thầy thuốc tôi hướng dẫn tôi

(Bà B., 19 tuổi)

... 10 giờ 40, chúng tôi đến hồi-

quyết-liệt. Tử cung nở trọn, giai-đoạn rặn ra sắp bắt đầu. Giờ, tôi phải rặn theo lời chỉ-dẫn của bác-sĩ. Một lần nữa, ông không ngớt giải-nghĩa cho tôi biết những biến-chuyển lúc sanh. Ban đầu, có hơi khó, nhưng rồi đầu đẩy đều như ý. Trong khoảnh-khắc, cái đầu, rồi vai, cánh tay, mông, cẳng, và sau cùng, tôi ôm trong tay tôi đứa con nóng hổi của tôi, đứa con chưa cắt rốn tôi. Không còn lời nào để giải-nghĩa những gì tôi cảm thấy, thật là tuyệt-diệu !

Đẩy đứa con ra, khoảnh khắc tuyệt - diệu !

(Bà Zajdelo)

... Thật là khoảnh-khắc tuyệt-diệu ! Sau rớt, tôi sắp có thể hoạt-động. Tôi hô-hấp, tôi thở mạnh ra, tôi chận đứng lại và lấy hết sức lực mình đẩy ra, không sợ-sệt. Tôi có thể chứng-nhận rằng lần rặn này cũng như bốn lần khác kể đó không làm tôi đau tí nào cả. Trái lại, sự ăn-nhịp hoàn toàn của lúc gò (mà tôi báo cho bác-sĩ hay) và lúc rặn (mà chính ông điều-khiển) xóa tất cả nỗi đớn-dau. Cái gò không còn là điều đáng sợ, nó trở thành một người phụ - tá mình đợi chờ, nó cho mình biết con mình sắp chào đời. Rồi, giữa cơn rặn, bác - sĩ bảo tôi giữ lại bằng cách thở hồn-hèn. Trong khoảng hai giây đồng-hồ, tôi cảm thấy đau như bị cắt đứt cái trong người, rồi tôi rặn nữa, và, mười giây sau, bác-sĩ để con tôi lên bụng.

Rặn lần chót : tức là trán, mặt, mũi, miệng, đứa con ra ngoài. Người mẹ trẻ hân - hoan cực - độ chứng - kiến con mình ra đời.

(3) Một lực-sĩ có tiếng về chạy đường trường được mệnh danh là « Đầu xe lửa ».

Đó là một đứa con trai !

(Bà Resnick, 22 tuổi)

... Không bao lâu tôi cảm thấy tóc, rồi trán, mũi, miệng của nó hiện ra. Tôi sung-sướng đến điên ! Bác - sĩ lấy đứa nhỏ ra tròn vẹn, đặt nó lên bụng tôi. Chồng tôi reo : « Con trai ! » và sung-sướng chảy nước mắt.

Kỷ-niệm cảm-động nhất đời tôi !

(Bà D., 24 tuổi)

... Tôi không biết cái đầu ló ra lúc nào, nhưng tôi chắc sẽ nhớ suốt đời cái cảm-giác êm - dịu và nóng - hổi của tấm - thân đứa bé khi nó vọt hẳn ra

khỏi người tôi, vì dù đó là một cảm-giác trong giây phút nhưng chính từ giây phút đó tôi cảm thấy đứa bé ấy mới thật là con tôi.

Niềm vui tuyệt - diệu ấy, hàng ngàn người mẹ đã cảm thấy. Mười người trong số đó đã chia sẻ lại cho các bạn.

Chúng tôi nghĩ rằng cuộc thí-nghiệm của họ không cần một lời bình - phẩm nào nữa.

Tap-chí « VOTRE ENFANT »,
số tháng 11 năm 1956

CÔ THOẠI-NGUYỄN dịch

Đức - hạnh của Nhan - uyên.

Nhắc lại đức-hạnh của người bạn đồng học quá cố là Nhan-Uyên, Tăng-tử khen rằng :

— Có tài năng mà hỏi người không có tài-năng ; biết nhiều mà hỏi người biết ít ; có mà như không ; thật mà như hư ; bị xúc-phạm mà không so-đo. Bạn ta ngày thường xử-sự theo như vậy.



Gánh

nước

đêm

Đỉnh dầu một bóng trắng,
Trên vai một gánh nước,
Đờng khuya xóm Bùn-Cờ,
Một cô cao thấp bước.



Trong thùng nước có trăng,
Cô gánh đi thung-thắng,
Lầu cao trông ắp-ánh :
Một gánh hai chị Hằng !



*Trăng lồng cây xóm vắng,
Nước đỏ . . . chân người trắng.
Nh bước trên đường trăng,
Cô quên mình gánh nặng.*



*Cô bé con nhà ai?
Nước gánh bao nhiêu rồi?
Đêm sâu, người đã giấc,
Thôi gánh trăng về ngơi...*

SÀIGÒN, 1957

ĐÔNG-XUYỀN



Truyện ngắn xã-hội

NỒI CHÈ ĐEN và CON CHO ĐÓI

LÊ-VĂN



chợ Rạch-giá, không ai còn lạ gì Chị Tư bán chè thưng. Người ta lại càng không lạ gì con chó Phèn mà tháng năm chưa tắm một lần đến tro màu

luốc-luốc. Phèn sống bằng đủ thứ thập vật ở khắp vỉa-hè góc phố mà bến đặc-biệt của nó là tiệm cà-phê Cái-Ký.

Tiệm này của người Trung - Hoa. Ngoài hình Tôn-tiên-sinh được treo có phần trang-nghiêm, trên trần và hai bên vách có tranh bát-tiên, tranh Hoa-Nhật chiến-tranh, tranh Tường Thống-Chế rút gươm hò-hét ba - quân, chen vào tranh Lý-Bạch lững-lờ trên bến Tầm-dương. Họ cũng chiều lòng các ông Thông-tin, các bà quảng-cáo mà hoa-hoè cửa tiệm bằng hình-ảnh thời - sự, bích - chương,

tin - tức Tỉnh nhà và những pha biểu-diễn mô-tô-bay hào-húng.

Tiệm được tiếng là đắt khách và lớn hơn hết ở chợ. Nên chi, Chị Tư cũng mượn nó làm cái « bến trạm ».

Chị vừa đặt gánh xuống là con Phèn ở đầu không biết cũng lơn-tơn lại nằm kế soong chè. Nó nghinh mồm hít cái mùi đậu bùi, đường ngọt, có dề dàu chuối thơm ngào-ngạt. Chị Tư lấy chun dìm nó xê ra hầu tránh sự chê - trách của những khách ăn kỹ-lưỡng. Tuy vậy, hễ Chị lơ-dãnh là Phèn dịch sát lại gần soong chè. Nó cũng tự biết mình không có diễm-phúc được ăn đậu. Hơn nữa, đường đậu là món ăn chơi chớ không phải là món ăn no. Nó muốn lại gần soong đây là nhờ mấy cục than trong lò san-sẻ chút hơi ấm.

Chị Tư là vợ của anh xích-lô và là mẹ của ba con còn tấm-mần. Nhà Chị ở xóm lò-heo. Chồng làm, vợ cũng làm mà nhà đột vẫn gặp cảnh đột nhà. Chị hết đau ốm nghén thì Anh lại đau vì nắng gắt, mưa dầm. Anh Chị vừa sần-sần thì bị pháo-khích củ loạn-quân gây thành hoả-hoạn thiêu cho hết dứa so-le, muống gầy, chồi cùn. Chẳng ngồi không van lạy Trời đất mà có cơm, Anh Chị phải chịu nợ-nần, tần-tảo chút ba năm mới gây dựng lại được cơ-sở cũ để năm rồi chịu sự đồ-vỡ dưới cơn bão-tổ. Cứ mãi xây-dựng để tiêu - pha, để chịu sự hủy - diệt của thiên-tai ách nước. Anh Chị lần-lượt cho ra đời ba con : niềm an-ủi của sự cực-khổ lao-lung.

Anh Tư thì quần - quật suốt ngày. Gần đây, xe - cộ đi về luôn nên Anh hay ngủ ở bến cho dễ kiếm mồi. Chợ biển cheo - leo này có là bao lớn mà đôi khi cả ngày Anh không gặp mặt vợ con lần nào, trừ vào những ngày mưa. Cái nghèo nó cắt - xẻ tình - nghĩa như vậy đó.

Chị Tư là người đàn-bà đảm - đang giỏi-giẩn. Chị chỉ thành - thoi lúc còn son-giá, chớ từ về với Anh Tư thời thoi bá-ban vạn-sự. Thậm-chí đến việc sinh-nở là hệ-trọng mà Chị cũng không ghi năm ngày mười bữa gì để dưỡng trước khi sanh. Và vừa hốt bếp thì Chị lại chân theo công việc. Ngoài phần nội-trợ, Chị còn lo mua bán. Ban ngày, Chị bán bánh da - lợn. Về đêm, Chị bán chè thượng.

Chị ngồi tư - lự nhìn giọt mưa rơi đến lúc ông khách sang ở bàn trong kêu hai ba tiếng Chị mới nghe. Ông khách đưa lần trước hai ngón tay, lần sau một

ngón là Chị biết ý, lui - cui dạo trong soong chè múc ra ba chén : hai đặc, một lỏng, lỏng đến cơ-hồ chỉ bán nước đường.

Vợ và con gái của ông khách đang lơ-dăng nhìn cái lối trình-bày ô-hợp của tiệm, ngửi được mùi chè thì quay lại. Thật ra, họ xem tranh như dân đô-thành nghe nhạc dài phát-thanh vậy. Cũng tên ca-sĩ này, cũng bạn nhạc đó, nhại đi nhại lại cả ngàn lần, không nghe thì khao-khát, mà nghe thì chán, một nửa bức-dọc, một nửa hững-hờ.

Bà khách đưa tay tiếp một chén chè thì Chị Tư đã để hai chén còn lại đứng chỗ rồi. Ông khách nhìn chị, trỏ nụ cười hài lòng rồi mở gói bánh ngọt. Kế bên cô gái, con chó Mi-Nô thuộc giống Berger ngàng mỏ hồm - hồm. Cả ba nhìn nha như cùng mời rồi bốc bánh.

Chè lên hơi nghi-ngút, vừa thơm vừa ấm. Gói bánh ngọt loại nước gồm xôi-vị bánh da lợn, bánh bò nướng, mỗi thứ vài miếng, tổ - hợp màu sắc trông quyến-rũ.

Nhìn không - gian đen đặc bị nê-ông chặn lại còn thập-thò ngoài cửa, kể ra, đây cũng là tay ăn đêm sành-diệu. Bánh Rạch-giá nổi tiếng ngon nhất miền Nam. Mặc dầu đường đậu bây giờ mắc-mỏ, bánh làm ngon chẳng bằng xưa chớ cũng chưa nơi nào hơn được. Người Thủ-đô vẫn xuống đây đặt bánh để khoe giàu khoe khéo mỗi khi đình-dám là thường.

Bánh hết. Cô gái đầy lá xuống bàn cho trống chỗ để ăn chè. Lá rót nhẹ nhàng như cử-chỉ lên - lút phá luật - lệ vệ-sinh,

Ráp tâm chờ sẵn cái phút này, con Phèn này giờ nằm gác mỏ tiu - nghiu,

kịp trông thấy, chớp - nhoáng nhảy tới. Rồi thay : Mino, không biết vì tranh ăn hay vì giữ cửa — dù là của bố — đã chặn Phèn bằng một cái tát dữ-dần.

Mi-no to con, mập - mập. Phèn đói khát ồm tong - teo, Nó trợn-trùng mắt quyết chết sống.

Hai con chó ngừ-rền, đánh thức mấy anh « phồ ky » hầu bàn đang gật - gà gật-gưỡng lúc ít khách. Mắt các anh chao-nháo nhìn nội cuộc đến lúc cô gái quỳnh-quáng kéo vạt áo dài thể nào mà đánh rơi chén chè-bề tan-tành, mới như sục-tĩnh, xách ghế đầu lại can-thiệp. Cái

đói và sự tức-giận phút chốc đã gây cho Phèn một sinh-lực.

Gỡ được cái thất-thể vì vô-ý, Phèn vừa cần lỗ tay Mi-no thì cũng vừa thấy cái ghế dằng xuống mạnh như búa bổ. Nó bỏ cơ-hội trả thù, rút chạy nhường phần đòn cho Mi-no hứng lấy. Nhưng, chiếc ghế nưng phắt ở nửa lưng như người đang gấp đề thử máy chiếc xe « jeep » mới ra hăng.

Thì ra, người ta chỉ đánh nó chứ không phải là công-bình can-gián. Mi-nô được « mọi », như tăng sức, nhảy theo Phèn ngoặt nữa. Cho hay, chó hùa là thế.



NỒI CHÈ ĐEN VÀ CON CHÓ ĐÓI

Cái đói làm cho Phèn mạnh khi này. thì giờ cái đói làm cho nó kiệt-sức. Nó bị Mino cắn cồ vung qua vung lại. đầy lãn ra cửa.

Chị Tư không dè có sự nguy-ngập làm vậy. vừa vớ được cặp đòn gánh thì Phèn đã bê tấp vào soon chè làm soong ngã ngang, nắp văng ra kêu loảng-choảng chè đổ tràn trên mặt gạch. Thình chầy gặp nước kêu sèo - sèo. bốc lên một bụng khói có cả tro bay như diêm-trang cho chiến-trường lưỡng cầu.

Sự-thề gây ra đột-ngột, con Phèn linh-cảm được tội-lỗi, mất tinh-thần chiến-đấu vùng mạnh, chạy vượt ra ngoài mưa. Chị Tư chỉ kịp la lên một tiếng « trời » rồi đứng chết điếng. Chị lỏng tay buông đòn gánh, ngó trần con chó, quên phứt soong chè nằm lỏng - chổng, nước chè còn loang chảy ngập-ngừng.

Bây giờ, ông khách mới mở miệng kêu chó. Mi-nô liếm mình liếm mỏ, nhảy cồm quanh chủ như khoe - khoang công thăng trận.

Mưa rơi trên lưng con Phèn từng giọt, từng giọt. Nó vẫn đứng yên nhìn vào Chị Tư như van lơn, như khẩn-khoản. Cặp mắt nó phản - chiếu ánh đèn sáng trong vóit tất cả thành-tâm.

Qua hành-động đột biến, Chị Tư giờ mới bình-tĩnh. Nồi chè mà chị bán cho người ta ăn đây là một hột cơm, một giọt máu của Chị, chồng chị, con chị. Nó là một tấm lá đỡ cơn gió thốc. Nó là một đoạn chỉ khiêu-vá áo quần. Nó là hơi ấm, là nụ cười của buổi gia-đình đoàn-tự.

Chị Tư không nghe lòng khốc, nhưng nước mắt đã đọng tròn.

Tan một « trận chiến », anh hầu bần sắp lại bàn ghế. Gia-đình ông khách

vuốt-ve con chó. Vung-về để mất phần chè ngon mà còn phải đèn chén, cô gái mắc - cở, nồi câu chửi Phèn luôn miệng. Cô còn « sự » Mi-Nô :

— Mày phải cắn chết con quỷ ấy cho tao.

Mọi người ai lo việc ấy. Theo dõi cử-chỉ Chị-Tư lạng-lẽ vết soong, rửa chén, lau chè trên gạch, có chăng là con Phèn còn đứng trong mưa.

Anh Tư, dịp đưa khách đến tiệm, biết sơ nội-vụ. Như nghèo bị bề nổi cơm, Anh Tư phùng-phùng cơn giận. Anh nghiêng rặng, ngó ngay vào con chó :

— Mày hại tao, tao giết mày.

Ngó quanh-quất, Anh tìm được cây đòn gánh. giờ cao, định phang vào đầu con chó thì Chị Tư đã dịu-dàng :

— Thôi mình.

Anh Tư quay phắt nhìn vợ, mặt còn đầy sát-khí. Chị Tư tiếp :

— Nó đói quá, đến tiệm kiếm ăn đồ thừa rủi-ro lại bị cắn nên mới làm đồ chè mình.

Anh Tư hạ tức, hỏi xống :

— Con chó nào cắn nó ?

Chị Tư chỉ vào con Mi-Nô đang chồm-hồm quanh chủ. Anh Tư chắc lưỡi thời dài :

— Con kia lớn quá, hèn chi...

Anh bỏ đòn - gánh xuống, nói xuôi :

— Thôi về mình... Con Phèn cũng gặp nạn xui-xẻo như mình...

— Em cũng nghĩ vậy.

Thế là trong mưa, có hai vợ chồng ý-hiệp tâm-đầu, quyết xây lại cái gì đã mất, lòng thanh-thản khoan-dung ngoại-cảnh.

Anh Chị đi rồi. còn Phèn thất-thiếu bước chậm vào hẻm, nơi có bóng đèn trần ngập.

Gió vẫn thổi-than. Trời ngập lệ buồn.

VII. 1957.

LÊ-VĂN

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị

lớn khắp thế-giới.

SOCIÉTÉ
PACHOD FRÈRES ET C^{ie} D'I.C.

12 à 22, Dai-lô Hàm-Nghi

SAIGON



COMMISSION IMPORTATION

— FOLLIS — ENGLEBERT

— VELOCETTE — SACHS

— UNION — MECA - MERCIER

— L.P.C. CHEMICALS

— OSNABRUCKER DRAHTWERK



THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐỨA NHỎ VỚI CUỘC ĐỜI

YÁ-HẠC và TRINH-NGUYỄN dịch thuật



Trong khu rừng kia, có một chú tiểu-phu nghèo-khò, cứ cần-nhần số-phận mình hoài. Chú cùng vợ và đứa con còn nhỏ ở một chỗ chật hẹp.

Một hôm, con chú mới lên tám, hỏi chú một câu khó trả lời. Như mọi bữa, chú hân-học với số phận quá tầm-thường của chú : « A ! đời !... Cái đời ! » Chú dẫn tiếng đời với cái giọng đầy căm-hờn, giận-dữ, khiến cho đứa con hỏi :

— Đời là cái gì hở ba ?

Người cha so vai : « Nửa rồi mày sẽ biết ». Nhưng nhỏ muốn biết liền liền lập lại :

— Ba, đời là cái gì, ba ?

Ba gái đầu rồi thú thật :

— Tao không cắt nghĩa cho mày được. Nếu mày muốn biết thì cứ hỏi những người qua lại lối này, có lẽ họ sẽ cắt nghĩa rõ hơn tao.

Ngày ấy, nhỏ ra đường chờ người qua đặng hỏi. Người đầu nhỏ gặp là chú kiểm rừng đang đi tuần.

— Chú... Chú có biết đời là cái gì không ?

Ngạc-nhiên, chú lính nhìn chăm-chú nhỏ. Chú nhíu mày, tăng-hăng :

— Đời... là mày, đời là tao, mỗi đứa riêng, hay chúng ta chung lại cùng bao người khác. Phải rồi, cái đó là đời.

Nhỏ chạy về kiếm ba và thuật lời chú lính vừa nói. Người cha cười rộ :

— Thằng cha đó là thằng ngốc.

Nhỏ không nói gì, nhưng rán nhớ câu trả lời của người mà nó hỏi lần đầu.

Ngày sau, nhỏ dậy sớm và đi xa hơn bữa trước ; nhỏ gặp hai người trai trẻ dạo chơi bằng xe đạp. Nhỏ đứng giữa đường hẹp ; hai người kia ngừng xe. Nhỏ hỏi. Người thứ nhứt trả lời :

— Đời là hưởng sự mơn-trơn của không-khí, hít nó cho đầy phổi ; đời là

nó - đùa dưới ánh - sáng của trời tươi.

Người thứ nhì :

— Đời là nhìn quanh ta, là đi, đi xa và kiếm hoài vật mới, dặng cho mắt thấy nhiều, trí hiểu rộng.

Nói xong, hai chàng đạp xe đi. Nhỏ muốn họ cắt nghĩa những câu vừa nói, nhưng họ đã xa rồi.

Nhỏ về nhà rón lập lại lời của hai chàng trai trẻ.

Người cha quả - quyết :

— Hai thằng đó chắc không biết chi là lo buồn cả.

Nhưng nhỏ cũng ghi vào trong trí những lời giải-thích thêm.

Hôm sau nhỏ lại đi nữa. Buổi mai ấy nhỏ đi thật xa. Nhỏ đi tới mép rừng. Nhỏ thấy một trại cửa máy. Vài người thợ đưa cây vừa đốn cho rảng máy cửa thành những phiến mỏng và vài người thợ khác chặt thành đồng bằng nhau.

Tường đó là một trò chơi, nhỏ đứng nhìn sửng. Một người thợ bèn hỏi :

— Nhỏ, em muốn gì ?

Nhỏ liền hỏi :

— Chú có biết đời là cái gì không ?

Người thợ đáp :

— Đời là làm việc,

Rồi anh tiếp: «Mới chừng ấy tuổi mà đã nghĩ, lo những chuyện lớn-lao à ?

Nhỏ không trả lời, về thuật liền với ba những câu giải-thích mới. Người cha phì cười :

— Thằng thợ đó là một thằng xoàng. Tao cũng có thể trả lời với mày [bằng một câu ngu-ngốc như thế.

Song nhỏ vẫn thêm vào những lời gót nhặt câu của người thợ nọ.



Và mỗi ngày nhỏ mỗi đi, và mỗi ngày nhỏ cảm thấy trí mình giàu thêm, Ba nhỏ cứ nhạo nhỏ hoài cùng với những người đã sẵn lòng cắt nghĩa chữ đời cho nhỏ. Nhưng nhỏ không nản chí.

Một lần kia, nhỏ ra khỏi rừng. Đi được vài trăm bước, nhỏ gặp một người làm ruộng. Nhỏ không bỏ qua cơ-hội tốt.

— Đời là cái gì, chú ?

Người nông-phu chỉ một năm dất :

— Đời là đó . . . Người ta gieo hạt trong luống cày, và sau khi nhọc-nhân cùng chờ đợi, người ta gặt lúa, hoặc hái trái đẹp



ngon hay những bông đủ sắc để làm vui-vẻ cửa nhà.

Nhỏ ngạc-nhiên và khoan-khoái : « À ! đời thật lớn, mới có thể gồm bao nhiêu vật ! »

Và mỗi ngày nhỏ đi, và gặp ai, nhỏ cũng hỏi về việc mà nhỏ băn-khoăn.

Một hôm, không xa nhà nhỏ mấy, nhỏ thấy một người vừa mới lớn vừa viết trong một cuốn sổ tay : ấy là một thi-sĩ kiếm nguồn thơ trong rừng vắng. Nhỏ hỏi :

— Thưa ông đời là gì ?

— Đời là sống với mọi vật quanh ta. Nghĩa là thành tuổi này nỉ-non trong đá, sạn, hay cây này to tiếng lúc đông qua... Và đời cũng là con vật nhỏ này mà người không biết tên chi, và cũng là những cây này đượm khí trời ta thờ những mùi hương...

— Thế thì đời đẹp quá phải không ông ?

— Phải, đời đẹp lắm em ạ.

Thi-sĩ vừa trả lời vừa vuốt tóc nhỏ : « Một thi-sĩ tí-hon ». Thi-sĩ sẵn lòng cắt nghĩa thêm, nhưng nhỏ đã đi xa.

Ngày khác, nhỏ gặp một người mẹ đang cho con bú. Nhỏ lại gần và hỏi nghĩa chữ đời.

Người mẹ mỉm cười :

— Đời là đứa bé này đang bú sữa qua. Trẻ này sẽ trở nên một đứa nhỏ, mạnh-mẽ và muốn tìm-hiểu như em. Và lớn lên nó sẽ trở thành một người.

Nhỏ rán ghi những câu trả lời vào trí nhỏ và thường lặp đi lặp lại kéo quên, và nhỏ hay nhìn mọi vật quanh mình : một con chim cất cánh bay, nhỏ thì thầm : « Đó là đời », đứng trước cỏ xanh mướt, nhỏ tự bảo : « Đời là đó »,

mà cũng là đời, bao hạt bụi lượn bay trong ánh nắng.

Một buổi chiều nọ, má nhỏ dẫn nhỏ ra tỉnh-thành, đi bằng xe lửa. Đến ga, nhỏ thấy thấy xếp ga đứng gần đấy.

— Thưa thầy, thầy có biết đời là gì không ?

Thầy xếp ga hơi lúng-túng :

— Đời là... đi đến xứ lạ cõi xa, và về làng cũ quê xưa.

Xe lại đem nhỏ đến nơi xa-lạ. Trọn một giờ, nhỏ tựa cửa xe, nhìn không nháy mắt đồng ruộng, xóm, nhà...

— Đời cũng là bao nhiêu cảnh thoáng qua khung cửa ; đời cũng là người qua kẻ lại ; mà trời, nước, mây, cây, thú-vật cũng là đời.

Hai mẹ con tới tỉnh nhằm lúc tan học. Đường ồn - ào vì tiếng cãi, tiếng nói cười của bao trẻ nhỏ. Học trò ra xong, đến lượt các cô giáo.

— Thưa cô, đời là gì ?

Cô giáo mỉm cười, vuốt-ve đầu nhỏ : « Đời là học em ạ ».

Nhỏ không hiểu lặp lại. « Đời là học »

Cô giáo bèn giải : « Học là hiểu, biết hết thầy. Người ta học hoài, học mãi, và không có chi là đứng vững đối với người muốn học. Em nên nhớ : « Ở đâu, người ta cũng học được ; hiểu biết và thương yêu là đời đó em ».

Câu giải-thích này khiến nhỏ suy đi nghĩ lại trong chuyến xe về.



Bây giờ, nhỏ đã biết đời là gì rồi : Chính là nhỏ, là ba má nhỏ, là những người khác, là cả thầy : từ hòn



đá đứng im cho đến khói mây xanh.

Đời rộng lớn biết bao !

Thế mà ba nhỏ cứ nguyên - rửa đời mãi. Nhỏ thử minh-oan cho đời, song ba nhỏ nhún vai. Nhỏ cũng chưa ngã lòng, cố làm cho ba nhỏ hiểu, nhưng vô-hiệu quá, nhỏ đành thôi.

Nhỏ tự nghĩ đời đâu có khó như ba cứ tưởng, mà nhất là ba không chịu — mà có lẽ không biết mở mắt nhìn đời thì làm sao thấu nỗi cái đẹp đẽ, cái hùng-vĩ của đời được.

Nhỏ đã thuộc lâu những câu giải-thích của những tâm - hồn giản-dị cùng

khó hiểu. Nhỏ rất sung-sướng khi nhận thấy câu này làm tỏ cái hay của câu nọ, và tất cả những câu ấy có thể tóm tắt trong một tình yêu nồng-nàn cả thấy, đời là vạn-vật là tình - cảm của người: là phong-cảnh đó đây.

Nhỏ phải reo: « Đời đẹp, đời lớn biết bao ! Trời sao ba không thấy bao nhiêu cái tốt đẹp, to lớn ấy ?

Chỉ nhìn và suy - nghĩ ; rồi đứng trước đời để làm chủ nó, dễ quá ; và chừng ấy, ta sẽ thấy những gì ở quanh ta là của mọi người : Trời, đất, trăng, sao, hoa, cỏ ... »

Ngày mà nhỏ hiểu như thế, nhỏ thấy mình rất sung-sướng.

Trời ! phải, ba nhỏ biết nhìn đời cho kỹ thì chắc ba sẽ không còn dám nguyên rửa đời nữa. Nhưng than ôi ! Ba vẫn một mực không chịu nhìn.

Nhỏ lấy làm buồn, buồn lắm !

Trời chật hẹp thật mà vẫn không thay đời, nhưng trên cõi trời rộng mây xanh, chung nạn thiếu gì nước non hoa cỏ. Như thế thì cũng đủ lối để chứa hạnh-phúc và niềm vui sống. Huống chi, ngày nay khác ngày qua, và ngày mai không giống ngày nay.

— Thật đáng tội - nghiệp cho người cha quá, vì không được biết đời là gì như con. Bằng không thì đã gặp hạnh-phúc rồi, vì hạnh - phúc là đó ... biết rằng cái gì cũng ở chung quanh ta, biết rằng trong đời có ta, và một khi chắc như thế, thì sẽ say - sưa nhìn tận mặt « đời. »

H. POULAILLE

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN dịch-thuật

(Những chuyện của ngày xưa)

Việt-nam khuyếch-trương kỹ-nghệ đồng-hồ c^{ty}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

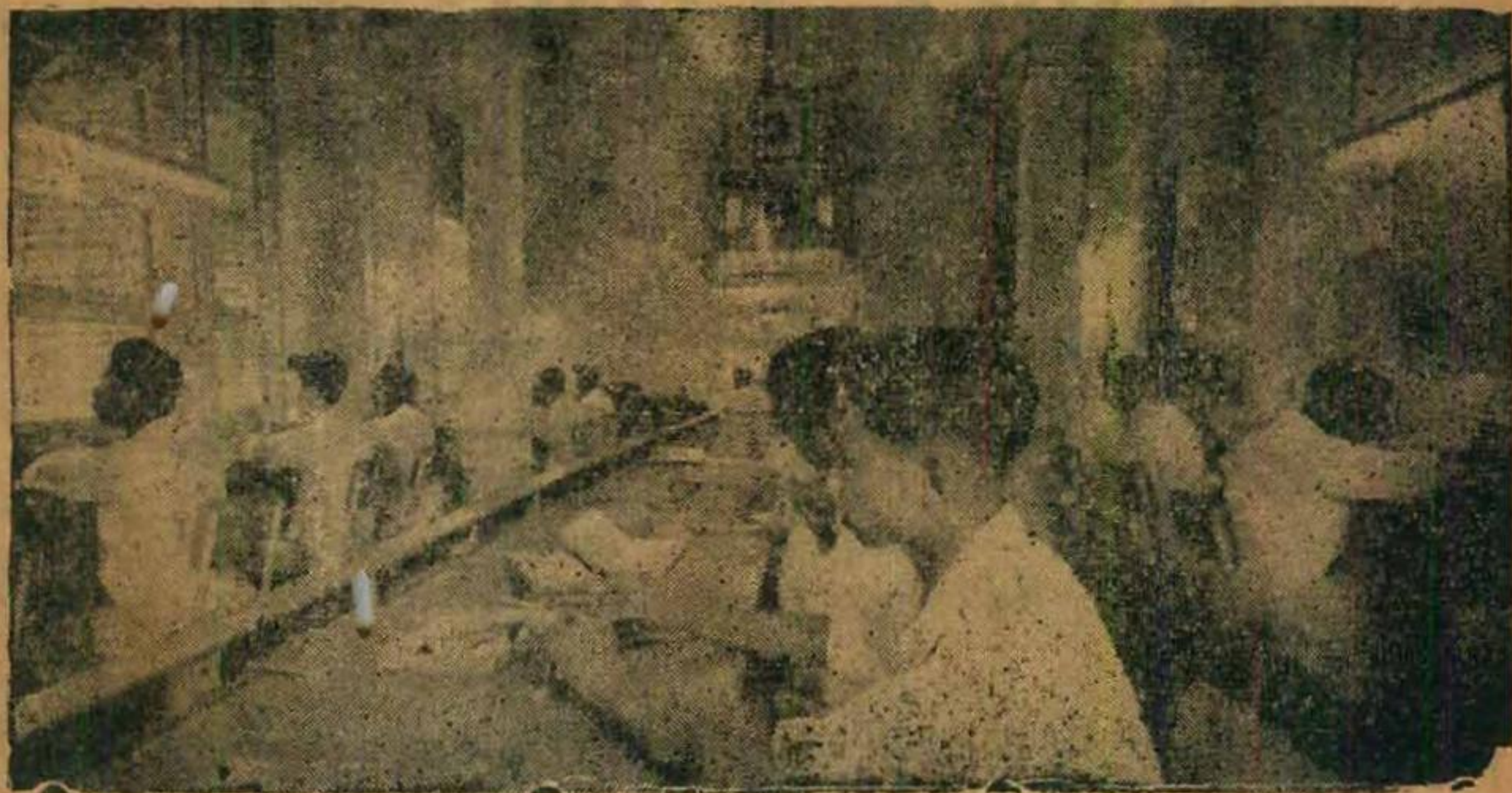
NGƯỜI VIỆT-NAM
DÙNG ĐỒNG - HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm.
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾCH-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ CTY

Công - ty vô - danh vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tín :

VINAWA — SAIGON

Cable address :

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B.P. 12

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

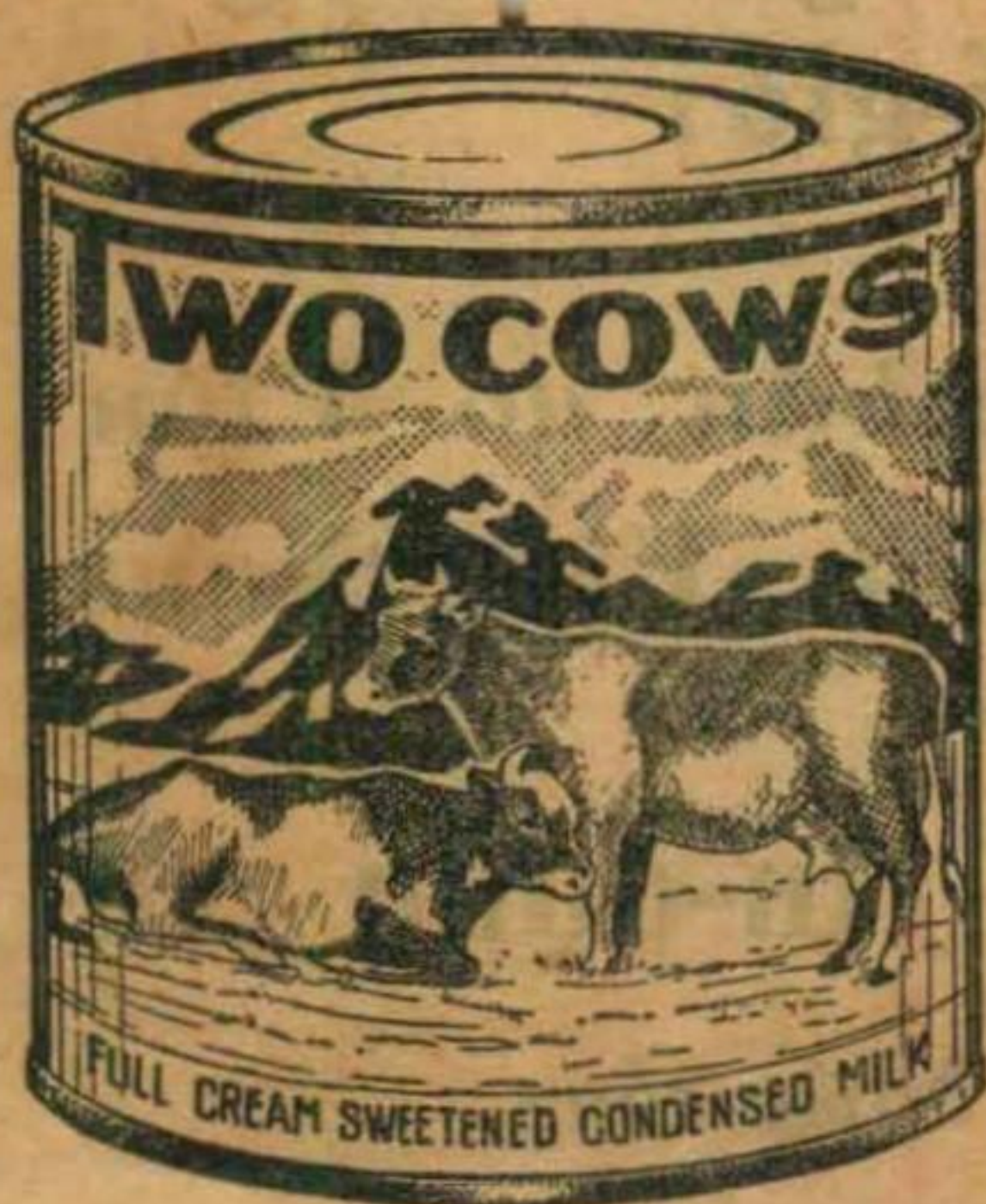
Chi Nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE

SỮA ((HAI CON BÒ))

Được

Viện PASTEUR

SAIGON



chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bổ cho trẻ em dùng

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

NHẬT GIA

TỪ-VU

Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC

TÓM TẮT NHỮNG KỲ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu chưa sống với nhau nhưng tư-tưởng bất-đồng. Trung-Nhật chiến-tranh họ phải tản-cư xuống Thượng-Hải. Tuy thế, trừ ông Hai tức Lâm-tiên-sinh là lo-lắng cho tương-lai vì lương ông không đủ cho gia-đình chi-tiểu lãng-phí, còn những người khác vẫn giữ nếp sống xưa là bần-bạc xa-xì.

Rồi cụ ông hiểu lầm ông Hai trong việc tiền nong, rồi hai vợ chồng ông buồn xin ra ở riêng với các con. Từ đây, chú Ba, em ông, tha hồ dẫn cụ ông đi cờ-bạc. Số tiền tồn-khoản gần cạn hết. May sao bà Hai đã kiếm cho chú được một chỗ làm ở một ngân-hàng nhỏ, nhưng rồi chú biền-thủ 2 vạn đồng và đào-tàu. Ông Hai phải thu xếp bồi-thường.

Trong lúc ấy ở làng đại-gia-đình, tiền dành dụm cũng sạch như chùi. Ông Hai lại phải bàn với hai Cụ cho thuê bớt một phần nhà ở để hai cụ lấy tiền chi-dụng hằng ngày. Còn bà Hai thì nhận bà Cả (tức chị dâu) vào làm việc ở trường tư-thục mà bà đã khéo-léo tò-chức nên khá phát-tài.

MỘT khi đem nhà dưới cho thuê xong xuôi thì, không những hai Cụ Lâm lão tiên-sinh được ở nhà, không phải trả tiền, mà lại còn thu được tiền cho thuê lại hàng tháng. Tuy với số tiền đó, hai Cụ và cái nhà chú Tư không thể đủ ăn được, nhưng hễ thiếu-thốn ít nhiều, thì đã có ông bà Hai bù vào đỡ các Cụ. Như vậy, sự sinh-hoạt lại trở lại bình-ôn.

Đạo này, Cụ ông không hề bước chân ra khỏi cửa nữa, điều thứ nhất là Cụ

muốn tỉnh-giảm sự tiêu vật đi ; điều thứ hai, là vì hồi này, không có cậu Ba làm người dẫn - đạo nữa, Cụ đi một mình Cụ nản.

Cứ kể ra, hai Cụ có thể rất buồn đấy, nhưng may được cái những người thuê nhà ở hai làng dưới, cũng là những tay nghiện nặng bài ma - lước, nên suốt từ sáng sớm đến bữa cơm trưa, rồi lại từ bữa cơm trưa, đến bữa cơm tối, và sau bữa cơm tối cho tới khuya, hai Cụ và những

người nhà dưới, chỉ quây-quần chung-quanh chiếc bàn bát. Nhà có chật-chội cũng không sao, miễn là kẻ ngồi cái bàn vuông, để đủ chỗ cho bốn người ngồi đánh là tươm rồi. Hết hội này đến hội khác hết khuyen này đến khuyen khác ; những quân bài đã lồi cuốn ngày, giờ, năm, tháng theo dòng thời-gian. Ai bảo sự sống đó không thú-thích ?

Có một điều lạ, là qua cơn đen tối, đến hồi vận đỏ, Cụ ông cứ ù-thông hoài-hoài ; Cụ đỏ cho đến nổi, các đồng - chí đâm hoảng, không dám đánh bài với Cụ nữa. Cụ phải mời các xã-hữu đến chơi, rồi mỗi khi không ai đến, Cụ sốt ruột, Cụ lại « bon » đi.

Rồi, có một hôm, Cụ đi chúc thọ trong dịp lễ sinh-nhật của một người quen, Cụ ngồi lại đánh bài tới mãi khuya lắm Cụ mới về ; Cụ về nhà được một lát thì trời hừng sáng. Cụ nằm vật ra giường rồi Cụ ngủ thiếp đi, cho mãi tới một giờ chiều hôm đó, Cụ mới tỉnh giấc. Khi tỉnh giấc, Cụ thấy nhức đầu như búa bõ, chân tay rết-rã ; Cụ thấy hơi sồn-sột.

Cả nhà cụ cho là một quá nên thành ra thế ; Cụ chỉ nghỉ-ngơi và ngủ nhiều nhiều lên vài ba hôm là khỏi. Nhưng, luôn trong ba ngày ròng - rã, nhiệt - độ của Cụ càng ngày, càng tăng ; thì vừa may có một vị xã-hữu tới thăm cụ. Vị xã-hữu này cũng có biết ít nhiều về thuốc-thang, nên đã biên đơn đi cân thuốc về cho Cụ xơi. Vị xã-hữu nói :

— Không sao đâu ! Cụ bị cảm hàn đây mà, để Cụ uống thang thuốc đó, Cụ ra được mồ-hôi là khỏi.

Chiều hôm đó, Cụ đã uống một bát thuốc và quả-nhiên, đêm hôm ấy, Cụ đã ra rất nhiều mồ-hôi, nhưng quái lạ, đến

hôm sau, nhiệt-độ lại tăng thêm. Cụ bà phải dùng giấy nói gọi ông Hai. Ông Hai về, ông chủ-trương phải đưa Cụ ông vào nhà thương điều-trị, nhưng cả hai Cụ đều phản-đối. Cùng thế, ông Hai vội-vả đi mời thầy Tây lại xem cho Cụ. Quan thầy tiêm cho Cụ một mũi thuốc và kê đơn đi lấy thuốc ở hiệu bào-chế Âu-Tây. Quan thầy Tây cũng chẳng nói rõ ra là bệnh gì. Cả tiền nọ, tiền kia, mất ba mươi tám đồng, cả nhà lấy làm sốt-sa về số tiền đó, mà, khổ một nổi, tiền mất, tật mang ; sau đó Cụ lại càng thấy nhức đầu dữ-dột. Xưa nay, Cụ vẫn ghét thuốc Tây, nên Cụ lại càng hối-tiếc. Đến bữa nay, bệnh bỗng chuyển-biến. Cụ cho rằng tại thuốc Tây chứ chẳng sai. Bởi vậy, Cụ cho mời một vị Trung-y có danh-tiếng đến chẩn mạch. Cụ lại uống ba thang thuốc Bắc, nhưng bệnh không hề thuyên-giảm.

Lâm tiên-sinh ngày ngày đến thăm Cụ, ông thấy thế, muốn lại mời thầy Tây, nhưng ông không dám ngỏ ý. Sau ông cho mời một vị Trung-y mà, từ đã lâu, vẫn là thầy thuốc tin cậy của bên nhạc-gia của ông. Vị trung-y này nói là Cụ bị chứng thấp-nhiệt, nhưng uống hai thang - thuốc, chẳng ăn thua gì cả. Bệnh ở đâu, cứ đứng nguyên ở đấy.

Thế rồi, bệnh-linh của cụ ông cứ mỗi ngày mỗi nặng thêm. Cụ cứ trằn trọc, không sao ngủ được, rồi đến thuở cũng không thể uống được nữa. Ông Hai lại phải mời thầy Tây cho Cụ ; quan thầy chích cho Cụ hai mũi thuốc chiều bữa đó, Cụ ngủ được một lúc khá lâu. Xế chiều hôm ấy, ở sở làm về, ông Hai về thẳng đảng nhà và ông ăn cơm tối ở đấy, mãi tới khuya, ông mới về nhà riêng của ông. Đến ba giờ sáng, đảng nhà đánh giầy nói

gọi ông lại ngay. Khi ông tới nơi thì Cụ bị cấm-khầu ; và sau khi, ba lần bị kinh-luyên, chân, tay co rút, Cụ đã từ-giã cõi đời.

Tang-sự đã cử-hành theo đủ nghi-lễ. Bà Hai và Bà Cả, hai người con dâu của Cụ đã khóc Cụ thật to, thật thảm ; ông Hai cũng nước mắt ròng-ròng chảy linh-cửu ; Cụ Bà, tuy vô cùng đau khổ, nhưng Cụ đã có sự an-ủy ở trong câu : « Thiệt là đại-kiếp, đại-số ! » Duy chỉ có cái nhà cậu Tư là sót-sa nhất, vì từ ngày khánh-khiet, cậu chỉ trông vào Cụ ông ; thỉnh-thoảng cần đến bất cứ cái gì, cậu chỉ biết hỏi Cụ ; nay Cụ mất đi, cậu thấy bơ-vơ, trơ-trọi. Một việc nữa nó làm cho cậu chưa xót trong lòng, là cậu nhận thấy rõ, ông anh của cậu, chẳng qua chỉ làm cho đủ lệ, chứ nỗi thương-giếc, đối với người cha già, chẳng có chi là ai-khờ cho lắm.

Ngày cứ vùn-vụt trôi đi mau quá. Việc tổng-táng xong-xuôi thì tiếp tới chuyện thu gọn gia-đình. Ông Hai chủ-trương rằng cả ngôi nhà nhất định phải đem cho thuê lại hết ; Cụ bà và cậu Tư phải lại ở cả đằng trường Việt-Hoa cho đỡ tốn, Cụ bà cũng chẳng có một tí lưu-luyến gì đối với cái ngôi nhà đó, ngày ngày nó nhắc-nhở tới kẻ khuất, người còn, nên Cụ ưng ngay. Riêng cậu Tư, cậu ngổ ý muốn được ở lại đó một, hai tháng, để cho cậu thi xong cái đã, cậu đương thi tốt-nghiệp ; ông Hai cũng bằng lòng, nhưng nhà đã chót hứa cho thuê mất rồi, không thể nói đi, nói lại được. Hai tuần nữa mới phải giao nhà, thì cậu Tư và Cụ bà đành lưu lại đó, tới ngày ấy thôi. Và, hết hai tuần lễ nữa thì cậu Tư cũng khảo-thi xong-xuôi. Bởi vậy, trong khi chờ đề-dọn, lúc rỗi, bà Cả phải về thu-thập, gói-ghém các vật cho Cụ bà.

Đến bữa giao nhà, họ thuê một chiếc xe vận-tải đến đem đồ đạc, rương, níp tới trường Việt-Hoa. Ở đấy, họ đã dành riêng một căn buồng nhỏ cho Cụ bà và cậu Tư ở.

Cụ bà cũng thấy mãn-ý đối với chiếc phòng này, vì ở đây có đủ chỗ cho Cụ bày bàn thờ, thờ Phật, và để Cụ tụng kinh niệm Phật. Nhưng cậu Tư có cái cảm-giác là cậu bị uy-bách, ức-hiếp, nên cậu càng thấy đau lòng, xót dạ.

Nay cậu đã tốt-nghiệp bậc trung-học, ý cậu, cậu muốn vào đại-học. Cậu đem việc này nói với ông Hai, nhưng ông Hai bảo, nếu gia-đình sung-túc, dư-dụ, thì mới tính tới việc theo học được, vì ở đại-học tốn-phí nhiều lắm ; chỉ những công-thần, công-tử, những con ông, cháu cha, những con nhà giàu-có, mới có đủ điều-kiện. Nhà mình đã lâm vào cảnh khánh-khiet, cậu không thể nào theo học được nữa. Cậu nghe ông anh nói, cậu chỉ cúi đầu mà ngậm-ngùi cho cái số-phận hẩm-hiu của mình. Các bạn cùng tốt-nghiệp với cậu, họ vui tươi, hớn-hở, dắt nhau lên đại-học. Còn mình ! Trong kỳ nghỉ-hè, cậu thuê xe đạp, ngày ngày, đi đến thư-viện để đọc sách. Cậu chuyên-tâm đọc các thứ tạp-chí, vì cậu cho đó cũng là một cách để tiến-bước trên con đường học-vấn.

Cả một kỳ nghỉ hè dài dằng-dặc năm đó đã làm cho cậu Tư cải-biến rất nhiều đối với sự sống và đối với các việc nó thiết-cận ngay tới thân cậu.

Trời đã dần-dần mát dịu, chứ không oi-bức hư vài tháng trước đây. Trường Việt-Hoa đã rục-rịch sửa-soạn để nhận học-trò cho học-kỳ tới này.

Một hôm, Lâm-tiên-sinh bảo cậu Tư rằng : « Thường ngày em đi đâu mà cứ muộn mới trở về nhà như thế ? »

Cậu Tư cứ lặng yên, không nói gì. Ông Hai cũng chẳng buồn đợi cậu đáp lại, ông nói tiếp : « Thế em đã dự-định việc gì chưa ? »

Câu hỏi của ông Hai làm cho cậu hơi ngạc-nhiên vì, quả tình, cậu cũng chưa dự-tính một việc gì cả. Cậu vẫn lặng thinh, ngồi xuống mé thành giường.

Ông Hai lại bảo cậu : — « Nếu em không dự-định làm một việc gì khác, anh thiết-tưởng, em nên nhận lấy lớp Anh-văn mà dạy ở ngay đây còn hơn. Em nghĩ thế nào ? »

« Vâng, thưa anh, được... » Cậu nghĩ một tí rồi nói thêm : — « Nhưng, thưa anh, có một điều làm cho em ngần-ngại là em chưa được huấn-luyện qua về khoa sư-phạm mà em đã ra dạy, em e có phần không được như ý chẳng... »

Lâm-tiên-sinh vội nói : — « Ủi chào, cần gì phải có huấn-luyện, cứ dạy đi rồi là nó quen đi, chứ có khó gì... Em không thấy chị Hai nhà đó sao, chị có học qua khoa sư-phạm bao giờ ! »

Cậu Tư vừa định nói thì ông Hai lại ngắt lời cậu, ông bảo : — « Tạm thời, em nên đi dạy học đi, còn hơn đem thời giờ đi làm những việc vô ích. »

Ông Hai nói xong, liền bước ra khỏi buồng của cậu. Còn ngồi lại có một mình, cậu gơ tay với cuốn tạp-chí, mở ra định đọc ; tuy mắt cậu đưa trên hàng chữ, nhưng tâm-trí của cậu lúc đó không khác một mớ bông-bong, mà tinh-thần của cậu đương lơ-dãng ở tận đâu đâu. Cậu cũng chẳng để ý khảo-hệ cần-thận về cái chức-nghiep mà ông anh cậu ngỏ lời, muốn cậu phụ-dảm. Một nỗi buồn man-mác đương xâm-chiếm lấy cõi lòng cậu.

(Còn nữa)

TÙ - VU

Gần đây **SAIGON** đã nói nhiều đến :

TRÚC-LÂM TRÀ-THẤT

116, Ngô-tùng-Châu (Phan-thanh-Giản cũ) — Saigon

- ☆ Nơi uống trà thanh-nhã độc-nhất của Thủ-đô.
- ☆ Nơi giải-trí lành-mạnh với âm-nhạc cổ-diễn thuần-tuý dân-tộc, mỗi tối thứ Bảy và Chủ-nhật.
- ☆ Nơi có nhiều phòng ăn riêng trên lầu, lịch-sự, mát-mẻ làm TỬU-ĐÌNH, để quý-vị thưởng-thức món ăn đặc-biệt Việt-Nam: chả cá.

BORGWARD



BORGWARD-SERVICE

GARAGE

SIT

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường L-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON: 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR: TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

« NÓI CÓ SÁCH, MÁCH CÓ CHỨNG »

— Bệnh phong có lây không ? Hiện giờ có thuốc Tây hay thuốc ta nào chữa bệnh phong lành hẳn không ?

CẬU DẦN — Nha-Trang

BỆNH phong (lèpre) lây, nhưng cũng ít. Có hai thứ bệnh phong :

a/ Bệnh phong nhiều vi - trùng (lèpre aiguë) dễ lây, vì vi-trùng theo nước mũi ra và có nhiều ở những cục nổi đỏ ở da.

b/ Bệnh phong rất ít vi-trùng (lèpre bénigne) ít lây.

Có thứ thuốc uống mới, loại Sulfones chữa lành được bệnh phong. Nhưng thuốc này hại máu nên người ta cho uống kèm với thuốc bổ máu. Bệnh nặng thì năm năm sẽ khỏi. Bệnh nhẹ thì hai năm. Phải kiên - nhẫn và theo đúng lời dặn của thầy thuốc.



— Thử máu có thể tìm biết mấy thứ vi-trùng ? Mỗi thứ vi-trùng có mấy cách để biết trong khi thử máu ? Thí-dụ như vi-trùng lao, cùi v.v.,...

Có mấy réactions để biết có nó. Réaction nào ?

A.T. — Sài-gòn

THEO lời Bác-sĩ chuyên-môn thì cần phải viết cả cuốn sách mới trả lời một cách tỉ-mỉ các câu bạn hỏi. Vì khuôn-khò tờ báo, chúng tôi xin trả lời đại-khái về việc thử máu các bệnh thông-thường.

— Về bệnh phong - tình : Thử máu để tìm xem có bệnh Syphilis : réaction de Bordet-Wassermann (B.W.)

— Trong khi người bệnh có thủy-độ lên cao : Tìm vi - trùng bệnh sốt-rét (paludisme), bệnh thương-hàn (typhoïde) v.v...

— Về bệnh lao, cần phải rọi kiếu, thử đàm. Thử máu trong trường-hợp này chỉ để theo dõi sự biến-chuyển của bệnh : vitesse de sédimentation globulaire. Đối với trẻ con, người ta làm thêm Intradermoréaction à la tuberculine để xem em bé đã nhiễm vi-trùng lao chưa.

(Về hai câu hỏi kia của bạn, sẽ có bài riêng.)

Theo nghĩa pháp - luật, thế nào là điều-kiện ?

Điều-kiện giải-tiêu là gì ?

Điều-kiện đình-chỉ là gì ?

Cô Phan thị Vân-Anh - Long Xuyên

THEO ý cô hỏi thì điều-kiện là những điều, những khoản phụ - thuộc hành - vi pháp-luật, khiến về sau, hiệu-lực của hành-vi pháp-luật theo đấy mà phát-sinh hay tiêu-diệt.

ĐIỀU-KIỆN giải-tiêu — Thí-dụ : Xoài cho Mít mười mẫu vườn với điều-kiện là Mít tới năm 21 tuổi, phải làm rề Xoài, nếu đến tuổi ấy mà không làm rề thì không cho. Hiệu - lực hành - vi pháp-luật của Xoài (cho nhà) phải đợi đến khi anh không làm rề thì mới tiêu-diệt. Điều-kiện đó là điều-kiện giải-tiêu (Condition résolutoire).

ĐIỀU-KIỆN đình-chỉ — Thí-dụ : Kèo làm giấy tờ mua cái xe hơi của Cột nhưng phải đợi về đến Saigon thì mới mua xe ấy. Hiệu - lực hành - vi pháp-luật của Kèo (mua xe) phải đợi về đến Saigon thì mới phát - sinh. Điều - kiện đó là điều-kiện đình-chỉ (condition suspensive)



— Sinh-sản công-cụ là gì ?

— Sinh-sản quá-trình là gì ?

— Sinh-sản lực là gì ?

Bạn Phạm-huy-Lịch — Qui-nhơn

I/ SINH-SẢN công-cụ hay sinh-sản thủ-đoạn là những điều-kiện vật - chất không thể thiếu được để làm sinh - sản cụ-thể-hóa bằng sức lao - động — gồm có : 1°/ lao-động điều-kiện hoặc sinh-sản điều-kiện như khu đất, xưởng máy, kiến-trúc-vật ..., 2°/ Lao - động đối - tượng hoặc sinh-sản đối-tượng như mỏ các kim

thuộc ..., 3°/ Lao - động công - cụ như máy-móc, khí-cụ ...

II/ SINH-SẢN quá-trình là cuộc tiến-triển không ngừng ở trong xã-hội những hành-vi sản-xuất lấy sức người làm cho các vật chất thiên-nhiên biến-đổi hình-thái hoặc vị-trí khiến cho dực-vọng của chính mình hoặc của người khác được đầy-đủ sự giàu có của toàn-thể xã-hội được tăng thêm.

III/ SINH-SẢN lực là lực-lượng làm ra các hóa-phẩm và nảy nhiều tiền của. Sức sinh-sản mạnh hay yếu, nhiều hay ít là tùy theo : 1°/ Trình-độ thực-luyện của lao-động ; 2°/ Trình-độ phát-đạt của sự ứng-dụng khoa-học và công-nghệ-học ; 3°/ Hình - thức cấu - thành xã - hội và những sự thuộc cõi tự-nhiên.



Sao lại kêu bằng học-phiệt, quân-phiệt, tài-phiệt — Phiệt có nghĩa là gì ?

Bạn Tùng-Lâm — Saigon

PHIỆT chính nghĩa là cửa, chỉ những kẻ muốn chuyên-chế bằng một thế-lực nào.

HỌC-PHIỆT chỉ kẻ học-giã không có thái-độ khoa-học, chỉ ưa làm thầy đời, chuyên-chế về tư-tưởng.

HỌC-PHIỆT chỉ quân-nhân cầm binh-quyền cát-cứ, xưng-hùng, chỉ chăm lo dùng vũ-lực để mở rộng phạm-vi và phát-triển thế-lực cá-nhân, chứ không nghĩ đến dân - sinh quốc - kế.

TÀI-PHIỆT chỉ nhà nổi đời giàu có cầm nắm thế - lực kim-dung, như chủ-ngân - hàng, chủ tờ - rớt, chi - phối các sản-nghiệp và các hoạt - động trong giới kinh-tế.

(Tài-liệu : « Hán-Việt Tân-tự-điền » của Hoàng-thức-Trâm).

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** – Đốt cháy liền
U – Khởi mất ngày giờ
T – Không khói, không bụi
A – Dùng nấu nướng các thứ
G – Không làm nhút dầu hay cay mắt
A – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
Z – Một bình hơi dùng:

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

ĐÂY LÀ MỘT KIỂU

TRONG CÁC LOẠI XE

AUSTIN



**MÀ QUÍ NGÀI CÓ THỂ ĐẶT MUA NGAY
T A I**

HÃNG GARAGES CHARNER

131 - 133, ĐẠI - LỘ NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

Đ. T. 20.423 và 22.531

THE BANK OF EAST ASIA, LTD **(ĐÔNG - A NGAN - HANG)**

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : N° 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

**TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE**

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung-Suân
Kính-tế Việt-Nam
tử năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

91010210

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi

BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi

VIENTIANE — HONGKONG : Mardi

HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — AIGON — VIENTIANE

par *Quartmoteur*

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par *Douglas DC 3*

Mardi et Dimanche

VIENTIANE-XIENGKHOUANG : Lundi, Mercredi, Vendredi

VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —

MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thành-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



CÔNG-TY BẢO HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiêm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phạt-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiêm hỏa-hoạn

Tại hại gây bởi cháy nổ

Vốn : 1000 triệu phạt lăng

Compagnie d'Assurances Générales

contre l'Incendie

et les Explosions

Capital : 1 Milliard de francs

Bảo-hiêm tai nạn

Gian-phi — Hàng-hải — Rủi-ro

Vốn 1000 triệu phạt lăng

Compagnie d'Assurances Générales

Accidents

Vol — Maritime — Risques divers

Capital : 1 Milliard de francs

NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances
CHI-NHANH SAIGON : 26, Tôn - thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26

Giấy nôi : 21.253 — 23.913
Tél.



Dùng Hộp Quạt là kinh-tế Quốc-Gia
phụng-sự nên BLUE BIRD

Sté Indochinoise Forestiere
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière



Denis Frères

4, đường Tự-do — SAIGON

Đại-lý quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CA-NÓT

WEST BEND

2-6-8-12 và 30 mã-lực

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o
Import — Export

★
REPRÉSENTATION
★

Téléphone : 21.219
Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eaux de Cologne et Lotions

de

PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON
Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dẫn.



Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn - Phòng Công - Ty
135, Pasteur — SAIGON

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
**CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHÍ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VŨ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN